



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tháp A, VINCOM CITY TOWERS,
191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (84 4) 2200 422
Fax: (84 4) 2200 399
Website: www.bidv.com.vn



BIDV



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

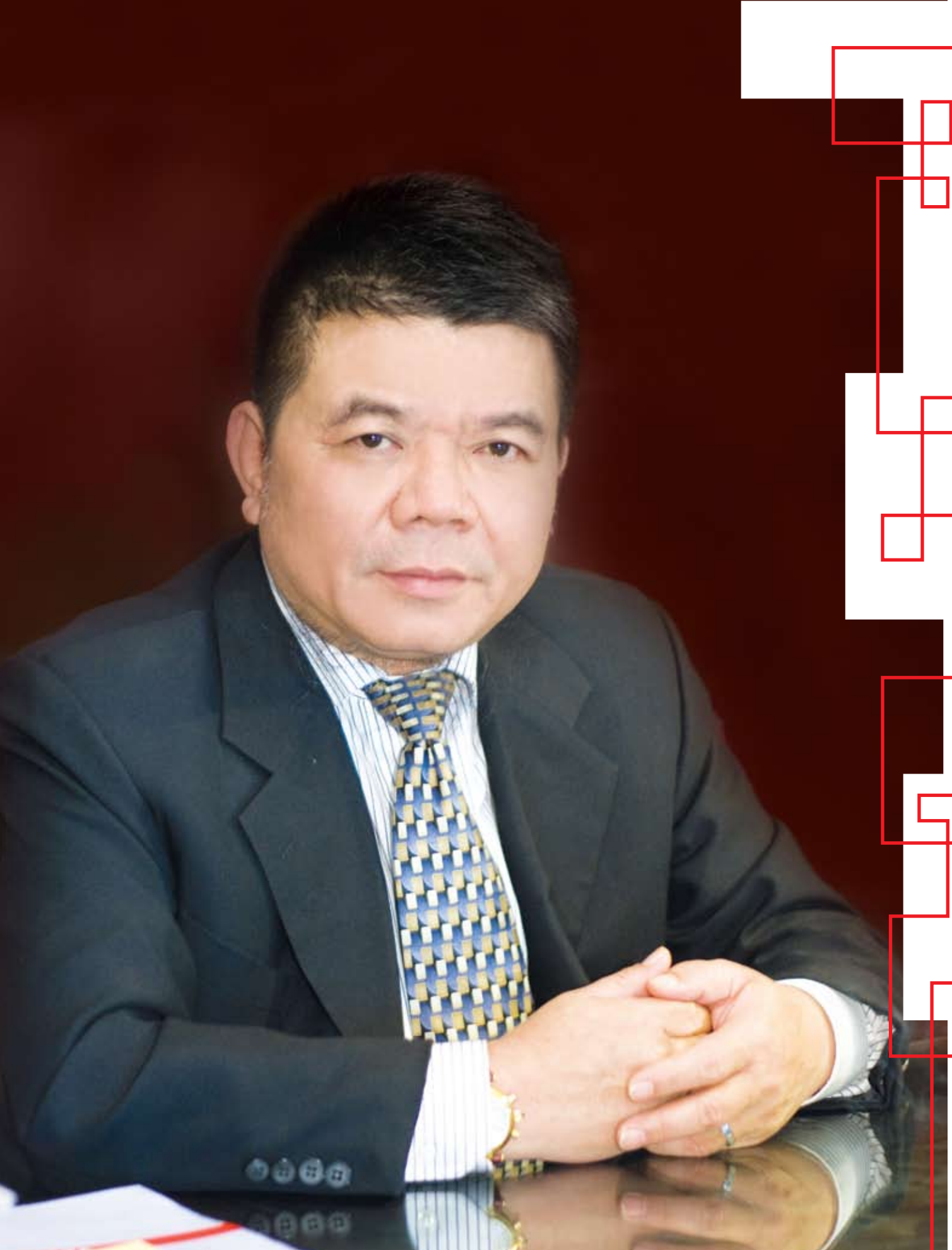
Nội dung

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02
Tổng quan kinh tế Việt Nam 2007	08
Thông tin ngân hàng	10
Các chỉ tiêu tài chính 2002 – 2007	11
Các sự kiện 2007	12
Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập	18
Các Danh hiệu	19
Mô hình tổ chức	20
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	26
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	30
Đánh giá hiệu quả hoạt động 2007	36





Kết quả hoạt động chính 2007	46
Đổi mới mô hình hoạt động	54
Phát triển mạng lưới	56
Sẵn sàng cổ phần hoá	60
Hướng tới mô hình tài chính Ngân hàng hiện đại	62
Kế hoạch 2008	64
Hoạt động của các đơn vị thành viên	70
Báo cáo kiểm toán hợp nhất toàn hệ thống	82
Báo cáo tài chính khối ngân hàng thương mại	110
Địa chỉ liên lạc	128



**THÔNGIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Năm 2007, năm đầu tiên Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt được những thành tựu ấn tượng. Tổng sản phẩm quốc dân GDP đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua (8,5%) . Lần đầu tiên trong nhiều năm, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của GDP. Thị trường tài chính tiền tệ năm 2007 phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng. Thị trường chứng khoán có những điều chỉnh theo hướng tích cực, bền vững.

Quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước được đẩy nhanh và diễn ra sôi động. Trong hoạt động ngân hàng, các ngân hàng thương mại cổ phần có bước đột phá tăng mạnh về qui mô, mạng lưới hoạt động; ngân hàng thương mại quốc doanh tăng cường tập trung vào nâng cao năng lực, xúc tiến quá trình cổ phần hoá và một số ngân hàng nước ngoài đang hoàn tất thủ tục để chuẩn bị mở rộng hoạt động tại Việt Nam. Điều này cũng đồng nghĩa với sự cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng gay gắt hơn.

Trong bối cảnh chung như vậy, BIDV đã hoàn thành toàn diện, đồng bộ và vượt trội kế hoạch kinh doanh năm 2007, triển khai lộ trình cổ phần hóa, đề án hình thành tập đoàn tài chính ngân hàng theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, gắn với kế hoạch chiến lược 5 năm giai đoạn 2008 - 2012 sau cổ phần hóa, với một số kết quả cụ thể như sau:

Hoàn thành đồng bộ và toàn diện các nhiệm vụ và các mặt hoạt động kinh doanh, nhiều chỉ tiêu cơ bản đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu nhiệm vụ đề ra, tạo nên diện mạo, cục diện mới cho sự phát triển năm 2008, đồng thời tạo đà và động lực để thực hiện thắng lợi công tác cổ phần hoá BIDV, hình thành tập đoàn tài chính ngân hàng.

Cung ứng vốn đáp ứng các nhu cầu tín dụng của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế đất nước. Bên cạnh hoạt động tín dụng truyền thống với tổng dư nợ đến hết năm 2007 đạt 131.984 tỷ VNĐ, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng gắn với duy trì tỷ trọng.

BIDV tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, đa dạng hóa kênh cung ứng vốn cho nền kinh tế với tổng vốn đầu tư đã giải ngân gần 2.000 tỷ VNĐ, tăng gần 40% so với năm 2006. Đặc biệt, với uy tín và kinh nghiệm, BIDV đã được Chính phủ giao chủ trì thực hiện các dự án lớn, trọng điểm của quốc gia như thành lập Công ty cổ phần cho thuê máy bay và Công ty Cổ phần Đường cao tốc Việt Nam. Qua kênh tín dụng cũng như các hoạt động đầu tư khác, BIDV tiếp tục khẳng định vai trò chủ lực và là công cụ hữu hiệu của Chính phủ đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế đất nước.

Triển khai mạnh mẽ hoạt động dịch vụ và phát triển sản phẩm. Năm 2007, BIDV đã đưa ra 27 sản phẩm mới với các tiện ích đa dạng phù hợp với từng nhóm khách hàng, thu dịch vụ rông toàn hệ thống tăng 58,8% so với 2006. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh đối ngoại, thực hiện ký kết hợp tác chiến lược với các tập đoàn lớn như AIG, Citi, IBM, Boeing, Sumitomo Mitsui..., thiết lập quan hệ hợp tác tại các thị trường lớn như Mỹ, Nga, Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc...

Tiếp tục thực hiện lộ trình nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả kinh doanh. Trong năm 2007, BIDV tiếp tục được Chính phủ cấp bổ sung 3.400 tỷ VND vốn điều lệ (tăng vốn tự có từ mức 6.214 tỷ VND năm 2006 lên mức 10.643 tỷ VND), nâng tỷ lệ an toàn vốn từ 5,5% năm 2006 lên mức 6,7% năm 2007, hoàn thành cơ bản việc trích dự phòng rủi ro theo quyết định 493 (cả dự phòng chung và cụ thể). Chỉ số ROE đạt 25,01%, ROA đạt 0,89%.

Hoàn thiện cơ bản các nội dung chuẩn bị cho lộ trình cổ phần hóa: BIDV đã hoàn thành thủ tục đàm phán và lựa chọn Tập đoàn Morgan Stanley làm tư vấn cổ phần hóa. Đến nay, cả 5 cấu phần của hợp đồng tư vấn cổ phần hóa là khảo sát và báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động của BIDV; định giá doanh nghiệp; xây dựng phương án cổ phần hóa; tư vấn lựa chọn và bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược; IPO và niêm yết trong nước đều đã được tư vấn hoàn thành về cơ bản.

Phát triển nguồn lực, kiện toàn nhân sự lãnh đạo chủ chốt. Trong năm 2007, toàn hệ thống đã tăng định biên thêm 1.200 người, nâng tổng số cán bộ công nhân viên đến thời điểm 31/12/2007 là 11.585 người, trong đó Hội sở chính 726 người, các công ty, đơn vị trực thuộc là 10.859 người, tuổi đời bình quân là 33 (năm 2006 là 34), có trên 56% cán bộ dưới 30 tuổi, cán bộ có trình độ Đại học và trên đại học đạt trên 78,5%, có bằng B tiếng Anh trở lên chiếm 71%; 246 cán bộ được đào tạo chính trị cao cấp và cử nhân.

Trong năm 2007, BIDV đã bổ sung thêm được 02 Phó Tổng giám đốc và 01 Ủy viên Hội đồng quản trị. Đặc biệt các vị trí Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, được toàn thể cán bộ chủ chốt lựa chọn, minh bạch, công khai tập trung tín nhiệm cao gần như tuyệt đối, thể hiện sự thống nhất, đồng thuận cao trong toàn hệ thống đối với công tác tổ chức cán bộ.



Đạt được những kết quả nổi bật trong phát triển thể chế. BIDV đã hoàn thiện Đề án chuyển đổi mô hình tổ chức theo khuyến nghị của dự án TA2 từ mô hình phân tán theo chiều ngang sang tập trung và theo chiều dọc, phù hợp của cơ cấu tổ chức của một định chế tài chính hiện đại hướng vào khách hàng và hướng vào sản phẩm.

Trong công tác quản trị điều hành, BIDV luôn nỗ lực áp dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất như việc thực hiện kiểm toán quốc tế 12 năm liền với đồng thời hai tiêu chuẩn kiểm toán VAS và IFRS. BIDV cũng là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam áp dụng xếp hạng tín dụng của Moody's trong hai năm liên tiếp 2006 và 2007. Đặc biệt, nhờ những nỗ lực trong phát triển thể chế và triển khai hiệu quả các Dự án tài chính nông thôn I & II, BIDV tiếp tục được World Bank phê duyệt là ngân hàng bán buôn cho Dự án Tài chính Nông thôn III với tổng giá trị dự án là 200 triệu USD.

Công nghệ ngân hàng tiếp tục được đầu tư và hiện đại hóa mạnh mẽ làm nền tảng hoàn thiện quản trị rủi ro, phát triển sản phẩm dịch vụ và tăng cường năng lực quản trị điều hành hướng tới một tập đoàn tài chính hiện đại, hoạt động theo thông lệ quốc tế.

Năm 2008, với năng lực và trách nhiệm cao nhất, BIDV quyết tâm thực hiện thắng lợi chương trình cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình tổ chức và hoạt động theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, đồng thời sẽ tiếp tục tăng tốc, bứt phá đưa hoạt động và hiệu quả kinh doanh của BIDV đáp ứng toàn diện, đồng bộ theo các thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

BIDV sẽ ngày càng khẳng định uy tín và vị thế trên thị trường và vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam, tiếp tục tiên phong, đẩy mạnh hội nhập sâu rộng, nâng cao sức cạnh tranh, phát triển thương hiệu và xây dựng hình ảnh của BIDV trong nước, khu vực và quốc tế.

Trân trọng



Trần Bắc Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

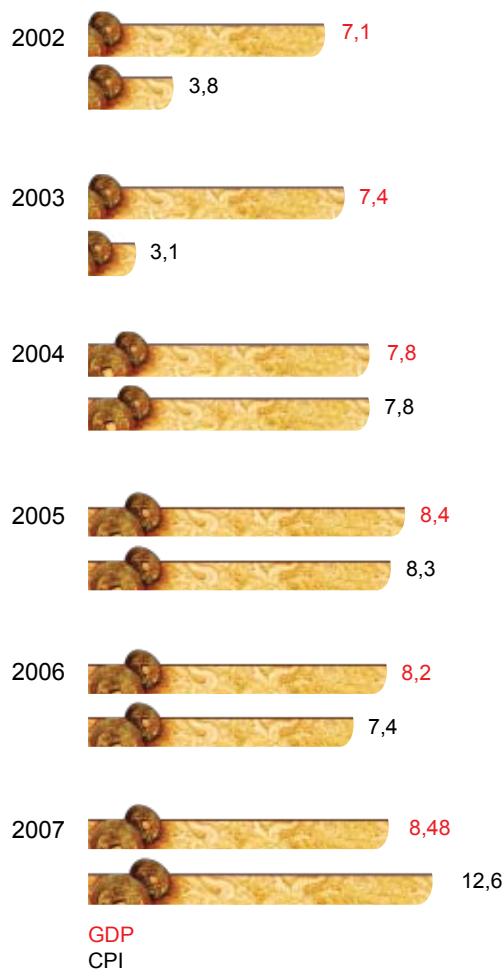






TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM 2007

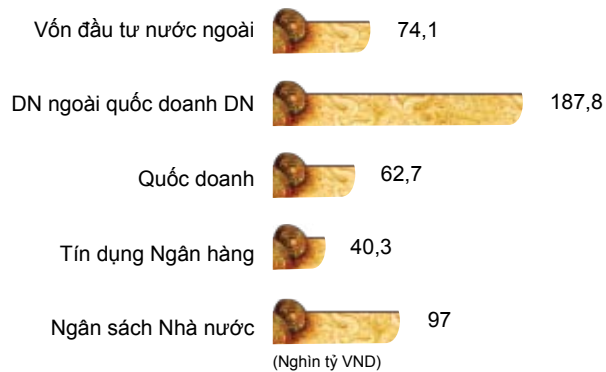
(*) Tăng trưởng GDP và Chỉ số giá tiêu dùng (%)

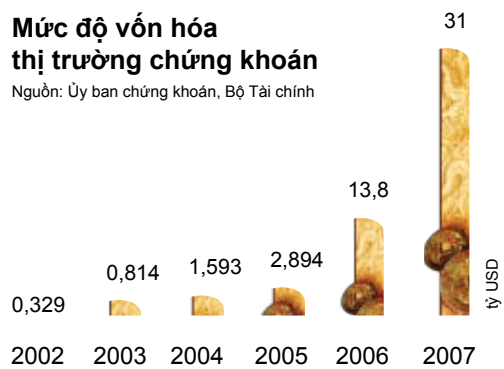
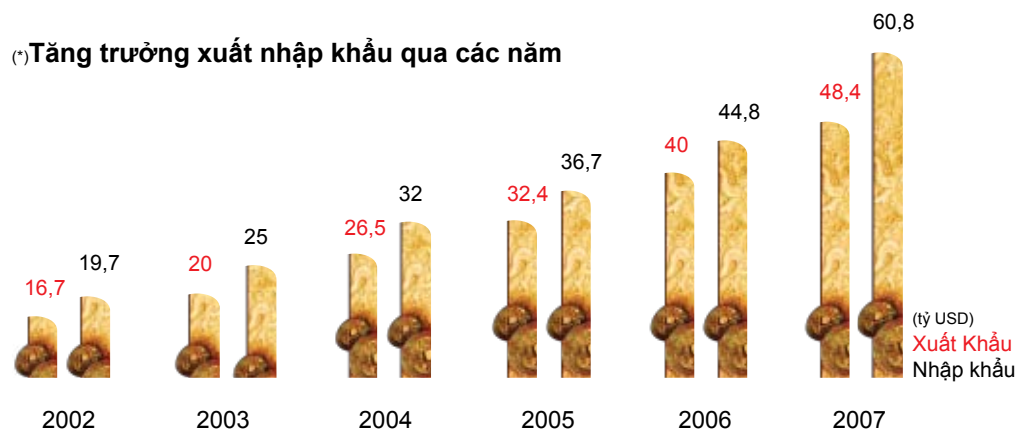
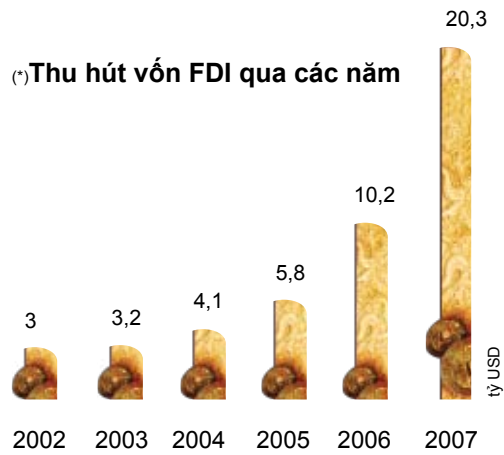


(*) Cơ cấu ngành trong GDP (%)



(*) Cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội





THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Tên đầy đủ: NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Tên tiếng Anh: Bank for Investment and Development of Vietnam

Tên gọi tắt : BIDV

Mã giao dịch SWIFT : BIDVNVX

Telex : 41220 VIDB-VT

Địa chỉ : Tháp A, toà nhà Vincom, 191 Bà Triệu,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chủ tịch HĐQT : Ông Trần Bắc Hà

Tổng giám đốc : Ông Trần Anh Tuấn

Điện thoại : 84-4-2200422/2200484

Fax : 84-4-2200399

Website : www.bidv.com.vn

Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 0106000439

Mã số thuế : 01001506191

Thông tin xếp hạng 2007 do Moody's Investors Service Ltd thực hiện:

- Xếp hạng tiền gửi nội tệ/ngoại tệ: Ba1/B1
- Xếp hạng nhà phát hành nội tệ/ngoại tệ: Ba1/Ba2
- Xếp hạng năng lực tài chính độc lập (BFSR): E+

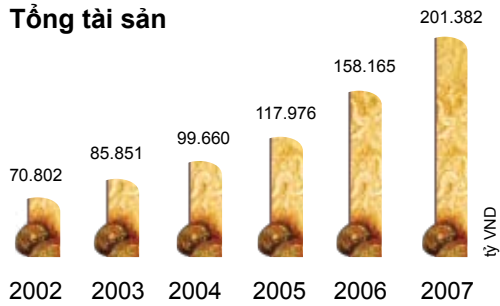
Công ty kiểm toán : EY & Young

Tư vấn cổ phần hoá : Morgan Stanley

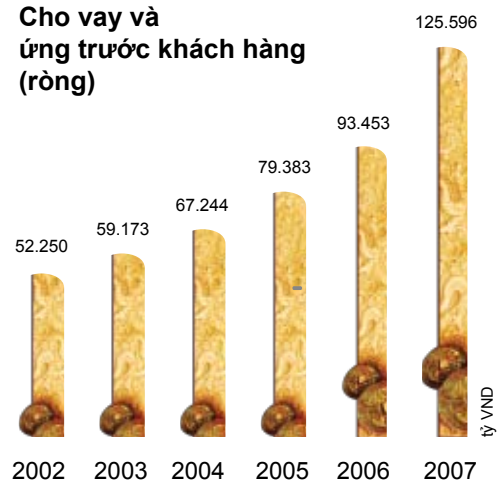


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 2002 - 2007

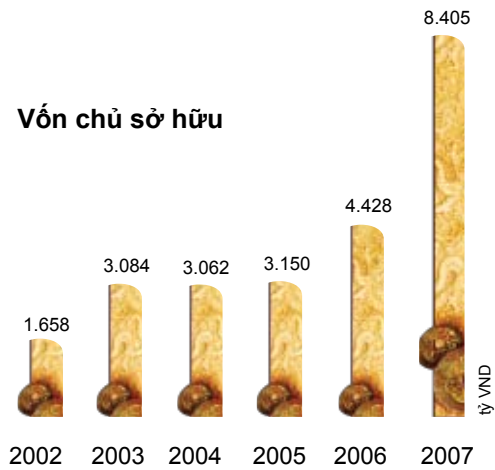
Tổng tài sản



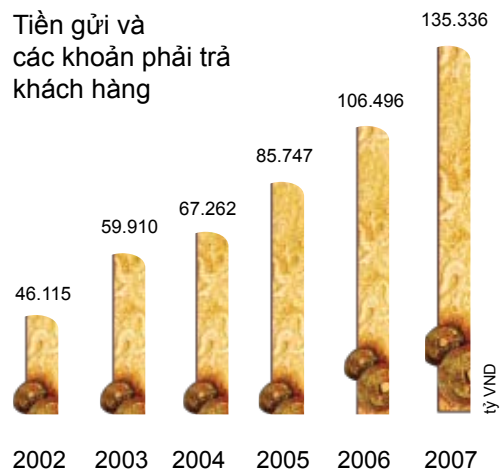
Cho vay và ứng trước khách hàng (ròng)



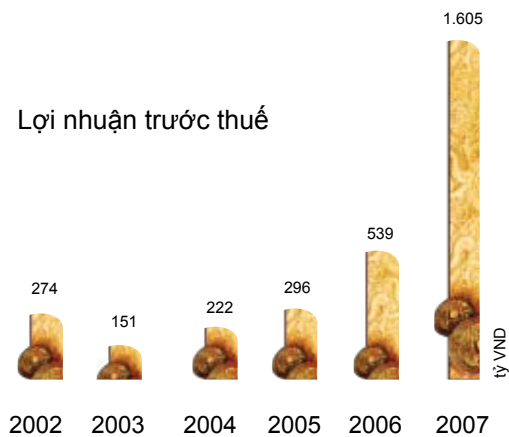
Vốn chủ sở hữu



Tiền gửi và các khoản phải trả khách hàng



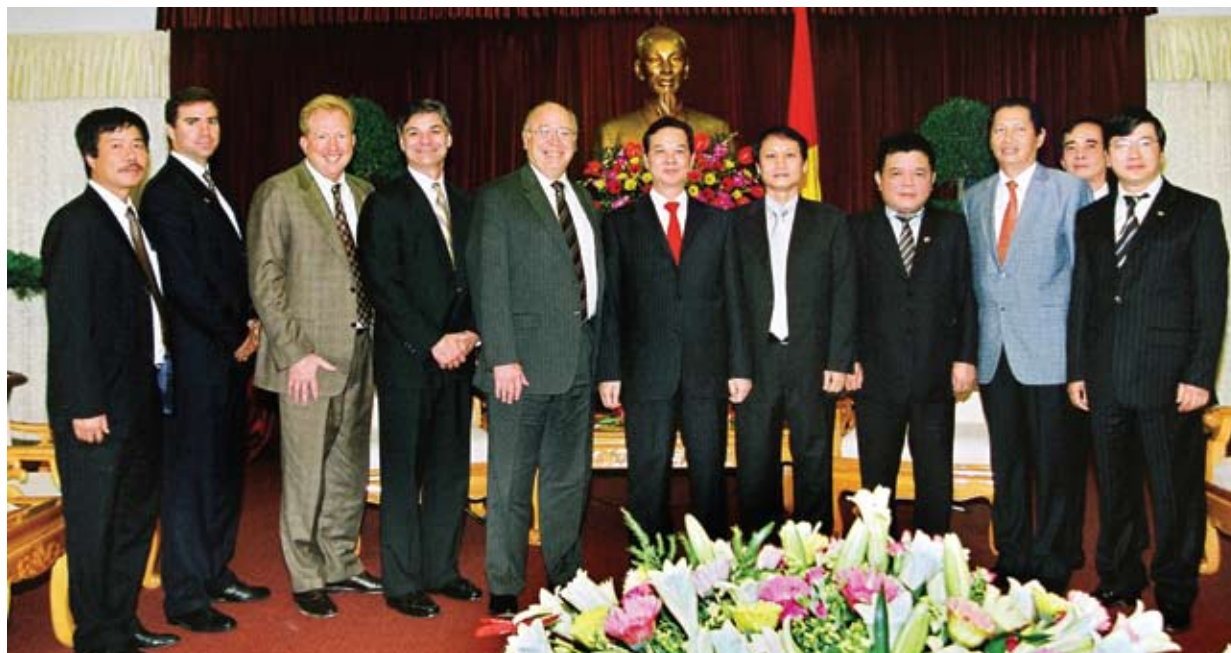
Lợi nhuận trước thuế



(*) Theo chuẩn mực kiểm toán quốc tế



CÁC SỰ KIỆN 2007



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tiếp Lãnh đạo Tập đoàn Boeing & Lãnh đạo các cổ đông sáng lập VALC

Tháng 1

Ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) về các lĩnh vực nguồn vốn, đầu tư trái phiếu; tín dụng; cung cấp và trao đổi thông tin; đào tạo hỗ trợ kỹ thuật... Theo đó, BIDV sẽ trả lương tự động và phát hành thẻ ATM cho cán bộ công nhân viên của VDB, cung cấp dịch vụ điều chuyển vốn kết hợp với sản phẩm tiền gửi có lãi suất phân tầng theo cấp số dư; cung cấp dịch vụ ngân hàng trên một số lĩnh vực như tài khoản, thanh toán, bảo lãnh, ngoại hối, tài trợ xuất nhập khẩu. Phía VDB sẽ xem xét lập hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư đối với các dự án vay vốn của BIDV được hưởng hỗ trợ sau đầu tư và hoàn thành đưa vào sử dụng vào quý 1 hàng năm.

Tháng 2

Ký Thỏa thuận hợp tác chiến lược với VNPT, đánh dấu sự liên kết phát triển giữa BIDV với một tập đoàn kinh tế chủ lực của Nhà nước trong lĩnh vực bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin. Hai bên sẽ cùng hợp tác nhằm gia tăng hiệu quả kinh tế, đa dạng hóa kinh doanh, mở rộng

lĩnh vực ngoài hoạt động truyền thống của hai bên, cùng hợp tác đầu tư trên thị trường tài chính.

Tháng 3

Lần thứ hai cùng các tổ chức tài chính toàn cầu tài trợ chính cho Diễn đàn Đầu tư Việt Nam do Euromoney tổ chức. Diễn đàn đã thu hút hơn 600 đại biểu là đại diện cho các quỹ đầu tư, tập đoàn kinh tế lớn từ 36 quốc gia và lãnh thổ. Tại Diễn đàn, BIDV đã quảng bá tốt thương hiệu thông qua bài phát biểu của Đại diện BIDV, gian hàng triển lãm thành tựu 50 năm phát triển, đồng thời giới thiệu với các nhà đầu tư quốc tế những tiềm năng hợp tác mới.

Ký Biên bản ghi nhớ hợp tác với Citigroup trên các lĩnh vực: dịch vụ ngân hàng quốc tế, dịch vụ tiền mặt tại Việt Nam, phát triển thị trường vốn và tài chính trong nước, tài trợ cơ cấu và chia sẻ rủi ro, các sản phẩm đầu tư và phái sinh, đào tạo nguồn nhân lực.





Lễ ký kết hợp đồng bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft

Tháng 4

Tổ chức thành công Lễ đón nhận các danh hiệu cao quý: Huân chương Hồ Chí Minh của Nhà nước CHXHCNVN, Huân chương Hữu nghị của nước CHDCND Lào và Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Ngân hàng.

Tháng 5

Tổ chức thành công Hội nghị thường niên lần thứ 30 của Tổ chức các định chế tài chính phát triển châu Á – Thái Bình Dương (ADFIAP). Trong khuôn khổ Hội nghị diễn ra lễ trao các giải thưởng của ADFIAP. Tại đây, BIDV được trao “Giải thưởng Phát triển thương mại” cho sản phẩm Giao dịch Cà phê tương lai.

Chính thức ký kết Hợp đồng Cung cấp Bản quyền phần mềm với Tập đoàn Microsoft theo Thỏa thuận Doanh nghiệp (Enterprise Agreement - EA). Theo hợp đồng ký kết, BIDV sẽ sở hữu vĩnh viễn quyền sử dụng toàn bộ 6.000 Giấy phép Sử dụng cho Microsoft Office Standard 2007 và bất cứ phiên bản mới nào mà Microsoft sẽ đưa ra thị trường trong vòng 3 năm tới.

Là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên thực hiện giao dịch Hoán đổi tiền tệ chéo – một loại hình của Hoán đổi lãi suất – với ngân hàng đối tác Standard Chartered Bank tại London cho cặp tiền EUR/USD.

Tổ chức Hội thảo xúc tiến đầu tư của BIDV tại Hồng Kông và Nhật Bản. Với thông điệp BIDV luôn mở rộng cánh cửa chào đón các nhà đầu tư để cùng chia sẻ các cơ hội đầu tư, hợp tác hiệu quả, hội thảo là cơ hội để BIDV giới thiệu về thị trường tài chính, môi trường và cơ hội đầu tư tại Việt Nam, đặc biệt những dự án kêu gọi đầu tư của BIDV và những dự án mà BIDV có thể hỗ trợ, phối hợp triển khai trong lĩnh vực năng lượng, tài nguyên khoáng sản, hạ tầng kỹ thuật và vật liệu xây dựng, bất động sản.

CÁC SỰ KIỆN 2007



Tháng 6

Ký Biên bản ghi nhớ về mở rộng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam với Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu thế giới, American International Group, Inc. (AIG). Biên bản ghi nhớ này là một bước phát triển quan trọng trong quan hệ hợp tác toàn diện, lâu dài và bền chặt giữa AIG và BIDV trên các lĩnh vực kinh doanh mà hai bên cùng quan tâm: Ngân hàng, bảo hiểm và tài chính.

Bổ nhiệm 3 cán bộ cấp cao: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Phó Tổng giám đốc BIDV được bổ nhiệm giữ chức vụ Ủy viên HĐQT BIDV; ông Phan Đức Tú – Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc BIDV; bà Phan Thị Chinh – Giám đốc Ban Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc BIDV.

Tháng 7

Được Ngân hàng Thế giới (WB) tiếp tục lựa chọn thực hiện chức năng Ngân hàng bán buôn cho Dự án Tài chính Nông thôn III do WB tài trợ tại Việt Nam.

Chính thức ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn Cổ phần hoá với Morgan Stanley Asia (Singapore) Pte - Ngân hàng đầu tư hàng đầu thế giới. Morgan Stanley sẽ thực hiện tư vấn cho Dự án cổ phần hoá của BIDV gồm 05 cấu phần: (i) Tư vấn xây dựng và thực hiện phương án cổ phần hoá BIDV; (ii) Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp BIDV; (iii) Tư vấn lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và bán cổ phần cho Nhà đầu tư chiến lược; (iv) Tư vấn chuẩn bị và phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) và tiến hành niêm yết trong nước; (v) Tư vấn quá trình chuẩn bị và đề xuất phương án chào bán quốc tế và niêm yết tại nước ngoài.

Phát hành thành công trái phiếu đợt I/2007 với khối lượng 3.000 tỷ VND; lãi suất trái phiếu 8,15%/năm. Đây là mức lãi suất trái phiếu công ty thấp nhất cùng kỳ hạn 5 năm so với các doanh nghiệp đã phát hành từ trước đến nay. BIDV đã chọn Deutsche Bank thực hiện vai trò nhà bảo lãnh phát hành. Sau đợt phát hành này, BIDV trở thành doanh nghiệp phát hành trái phiếu lớn nhất tại Việt Nam.





Tháng 8

Lần đầu tiên được bình chọn là Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ FX tốt nhất năm 2007 - do các ngân hàng và định chế tài chính bình chọn trên tạp chí AsiaMoney.

Tổ chức Lễ ký kết hợp đồng ủy thác cho vay lại vốn vay tín dụng xuất khẩu người mua ưu đãi của Ngân hàng Eximbank (Trung Quốc). Hợp đồng Ủy quyền này trị giá 500 triệu USD, được thực hiện theo Hiệp định tín dụng ký giữa Bộ Tài chính (đại diện cho Chính phủ Việt Nam) và Ngân hàng Eximbank (Trung Quốc).

Tháng 9

Tại số tạp chí tháng 9, Finance Asia đã đưa BIDV vào top 100 Ngân hàng của Châu Á. Tại bảng xếp hạng này, BIDV là Ngân hàng Việt Nam duy nhất lọt vào danh sách và đứng thứ 93 của Châu Á xét theo chỉ tiêu lợi nhuận ròng (đạt 70 triệu USD). Bên cạnh đó, BIDV còn là Ngân hàng đứng thứ 2 của Việt Nam về giá trị tổng tài sản (10,48 tỷ USD).

Tháp tùng Thủ tướng thăm 3 nước Đông Âu, ký kết 3 hợp đồng nguyên tắc tài trợ cho các dự án xây dựng các trung tâm thương mại và cơ sở chế biến thực phẩm do người Việt làm chủ đầu tư tại Nga với tổng vốn đầu tư 3 dự án lên đến 260 triệu USD. Ký 02 hợp đồng tài trợ cho các dự án: Dự án nhà máy bia Vinashin Hà Nam và Dự án Xi măng Phú Sơn, Ninh Bình với Ngân hàng Xuất nhập khẩu Séc (CEB).

Tổ chức diễn đàn xúc tiến đầu tư Việt - Lào. Đây là lần đầu tiên BIDV với vai trò đầu mối đã tổ chức đoàn doanh nghiệp với số lượng dự án và tổng mức đầu tư vào Lào lớn nhất từ trước đến nay gồm 13 dự án với tổng mức đầu tư lên tới khoảng 3,5 tỷ USD. Các dự án đề xuất triển khai đều thuộc các lĩnh vực đặc biệt giàu tiềm năng của Lào.



CÁC SỰ KIỆN 2007



Tháng 10

Với vai trò đầu mối, BIDV cùng Vietnam Airlines (VNA), Vinashin, Petro Vietnam, Tổng công ty Phong Phú tổ chức khai trương hoạt động Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC) – công ty cho thuê máy bay đầu tiên tại Việt Nam với số vốn điều lệ 640 tỷ VND. Sau lễ ra mắt, VALC đã ký hợp đồng mua 08 máy bay Boeing 787-8 Dreamliners với tổng giá trị hơn 1,4 tỷ USD vào tháng 11/2007.

Ký thỏa thuận hợp tác với các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn của Trung Quốc trên nhiều lĩnh vực gồm (i) Hợp đồng nguyên tắc tư vấn Thiết kế Kỹ thuật dự án đường cao tốc BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Cần Thơ với Tập đoàn Công trình Kiến trúc tỉnh Quảng Đông (Kiến Công);(ii) Hợp đồng nguyên tắc thành lập Bệnh viện BIDV – MASEP tại TP. HCM với Công ty TNHH Phát triển Khoa học và Kỹ thuật Y khoa (MASEP), Tập đoàn Y tế Nhân tế Trung Quốc (RENJI), Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Việt – Séc (SECOVINA).

Vinh dự được nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2007. Đây là lần thứ tư liên tiếp BIDV nhận được giải thưởng này.

Ký kết hợp đồng mua lại khoản nợ nước ngoài với các tổ chức tài chính quốc tế có uy tín trên thế giới là IFC, ADB, Propraco và Hợp đồng tái cơ cấu lại nợ vay của Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam (Dự án Bệnh viện Pháp Việt tại TPHCM). Đây là lần đầu tiên BIDV thực hiện việc mua lại nợ của các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức tài chính lớn trên thế giới.

Là doanh nghiệp đứng thứ 4 trong số 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, theo công bố của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam.





Phiên Họp Hội đồng Quản trị ADFIAP lần thứ 65

Tháng 11

Khai trương Văn phòng đại diện (VPĐD) tại Đà Nẵng. Đây là sự kiện nằm trong lộ trình đổi mới toàn diện để cơ cấu lại và hoàn thiện mô hình tổ chức của BIDV. Việc mở rộng VPĐD tại Đà Nẵng sẽ tạo điều kiện để BIDV kiện toàn, củng cố khối VPĐD, đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc, phục vụ tốt hơn nhu cầu cho các khách hàng khu vực miền Trung Tây Nguyên.

Ký kết thoả thuận chỉ định ràng buộc đối với khoản vay tín dụng dài hạn với Ngân hàng Sumitomo Mitsui (Sumitomo Mitsui Banking Corporation - SMBC). Theo hợp đồng được ký kết, SMBC cùng với Ngân hàng Australia và New Zealand (Australia and New Zealand Banking Group Limited - ANZ) sẽ là đầu mối đồng thu xếp khoản cho vay tín chấp trị giá 100 triệu USD với thời hạn 3 năm cho BIDV.

Tháng 12

Công bố quyết định bổ nhiệm hai lãnh đạo cao cấp của BIDV. Theo đó, ông Trần Bắc Hà – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc BIDV được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT BIDV nhiệm kỳ 5 năm (2008 – 2012) từ ngày 01/01/2008 và ông Trần Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc BIDV được bổ giữ chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc BIDV nhiệm kỳ 5 năm (2008 – 2012) từ ngày 01/01/2008.

KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP

Ngày 25 tháng 4, 2007, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Hà Nội, BIDV đã tổ chức trọng thể lễ Đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và Huân chương Hữu nghị của Nhà nước CHDCND Lào đúng dịp kỷ niệm 50 năm Ngày Truyền thống của BIDV.

Đây là một sự kiện trọng đại, đánh dấu nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành của hệ thống Ngân hàng có bề dày phát triển lâu đời nhất đất nước, thu hút được sự quan tâm, chỉ đạo của các Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, sự chia sẻ của các bạn bè, đối tác trong và ngoài nước, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội và các cơ quan truyền thông đại chúng...

BIDV đã vinh dự được đón các Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến dự buổi lễ như Phó Chủ tịch nước Trương Mỹ Hoa, Phó Thủ tướng thường trực Chính Phủ Nguyễn Sinh Hùng, Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Khả Phiêu, Nguyên Chủ tịch nước Trần Đức Lương, Phó Ban Tổ chức Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào Onkeo Phommachan, Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào Phuphet Khămphonvong, Lãnh đạo các bộ, ban, ngành của Đảng, Trung ương, các tỉnh, thành phố, các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương, địa phương, các nhân sĩ trí thức... Buổi lễ kỷ niệm còn vinh dự được chào đón các cựu lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước qua các thời kỳ, các cựu cán bộ lãnh đạo BIDV... về dự trong một không khí trang trọng và đầm ấm...

Tại buổi lễ, Tổng giám đốc BIDV Trần Bắc Hà đã trình bày bài diễn văn kỷ niệm 50 năm ngày Truyền thống BIDV, khái quát lại quá trình hình thành và phát triển, những thử thách, chông gai, những thăng trầm, thắng bại mà các thế hệ cán bộ BIDV đã trải qua. Bài diễn văn cũng đã nêu bật lên được và truyền thống đoàn kết, bản lĩnh vượt khó khăn, tinh thần lao động sáng tạo và những đóng góp to lớn của toàn hệ thống đối với nền kinh tế. Không chỉ ôn lại truyền thống, bài diễn văn đã vẽ lên một bức tranh toàn cảnh về một ngân hàng có bề dày, có đẳng cấp trong lĩnh vực phục vụ đầu tư – phát triển và hội nhập quốc tế và mở ra tương lai sáng sủa về một tập đoàn Tài chính Ngân hàng giữ vai trò quan trọng của nền kinh tế, có quy mô và tầm cỡ trong khu vực mà các thế hệ BIDV hôm nay đang nỗ lực đồng tâm, đồng sức, đồng lòng, bằng những bước đi khoa học và trí tuệ để xây dựng nên.

Phát biểu tại buổi lễ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng đã chúc mừng sự thành công vượt bậc và đóng góp của BIDV vào sự phát triển của kinh tế đất nước. Đồng thời Phó Thủ tướng đã bày tỏ mong muốn BIDV phải trở thành một ngân hàng chủ chốt của một nước công nghiệp vào năm 2020. Đó vừa là kỳ vọng của lãnh đạo Chính phủ đồng thời cũng là mục đích mà BIDV hướng tới.

“Buổi lễ diễn ra trang trọng, ngắn gọn, giàu chất trí tuệ, đậm chất nhân văn, sinh động và đầy khí thế đổi mới...”. Đây là một dấu ấn không thể phai mờ trong hành trình 50 năm hình thành và phát triển của BIDV và trên cơ sở đó, BIDV sẽ tiếp tục phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và hội nhập quốc tế một cách vững vàng và thành công.



CÁC DANH HIỆU



Huân chương Hồ Chí Minh



Danh hiệu Anh hùng lao động



Huân chương Độc lập hạng



Huân chương Độc lập hạng



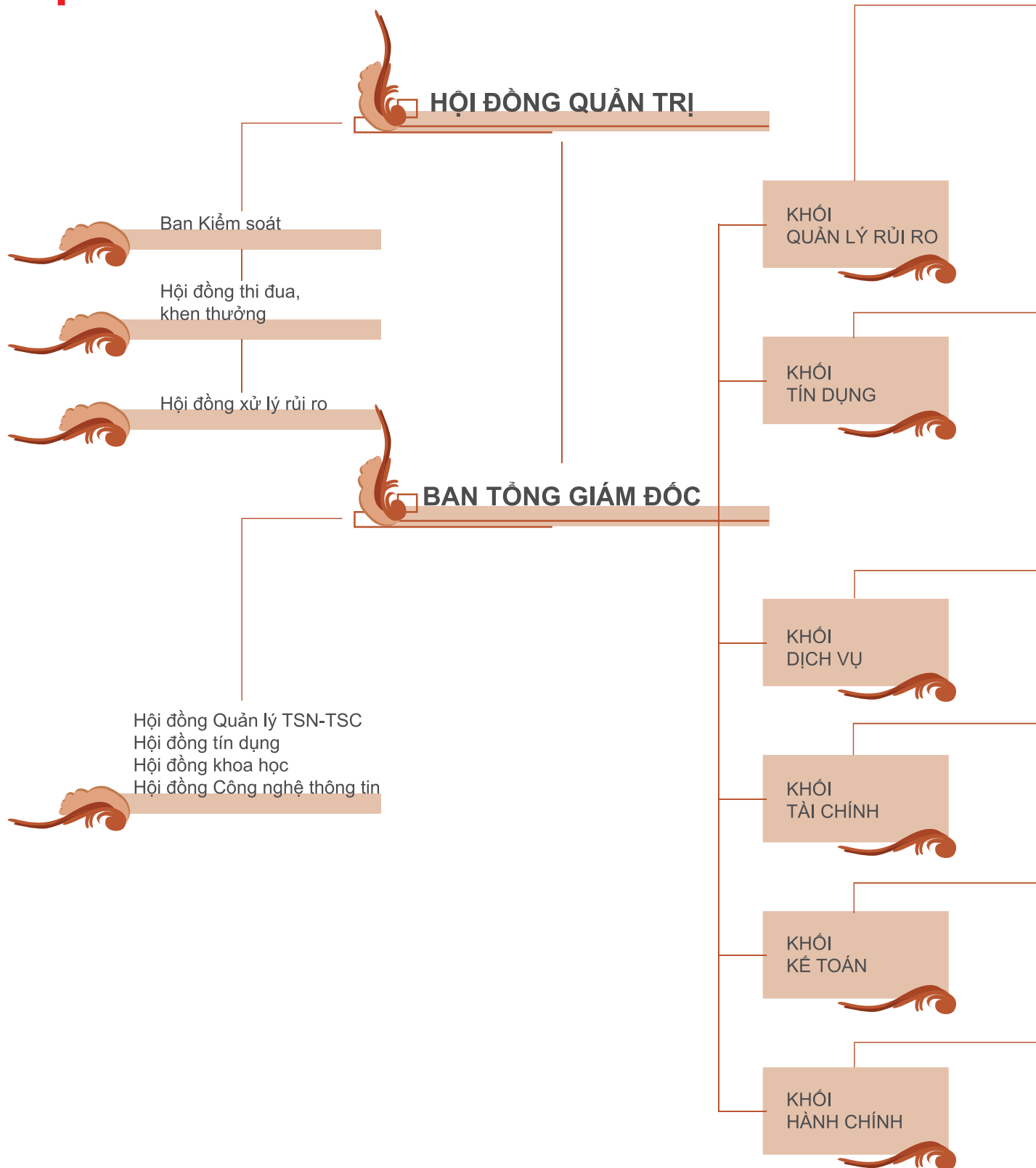
Huân chương lao động của CHDCND Lào



Huân chương hữu nghị của CHDCND



MÔ HÌNH TỔ CHỨC HỘI SỞ CHÍNH





HỘI SỞ CHÍNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC,

Khối công ty

Khối Ngân hàng

Công ty Cho thuê Tài chính
Trụ sở tại Hà Nội

Công ty Cho thuê Tài chính II
Trụ sở tại TPHCM

Công ty Chứng khoán (BSC)
Trụ sở tại Hà Nội

**Công ty Quản lý nợ
và Khai thác tài sản (BAMC)**
Trụ sở tại Hà Nội

Công ty Bảo hiểm BIDV
Trụ sở tại Hà Nội

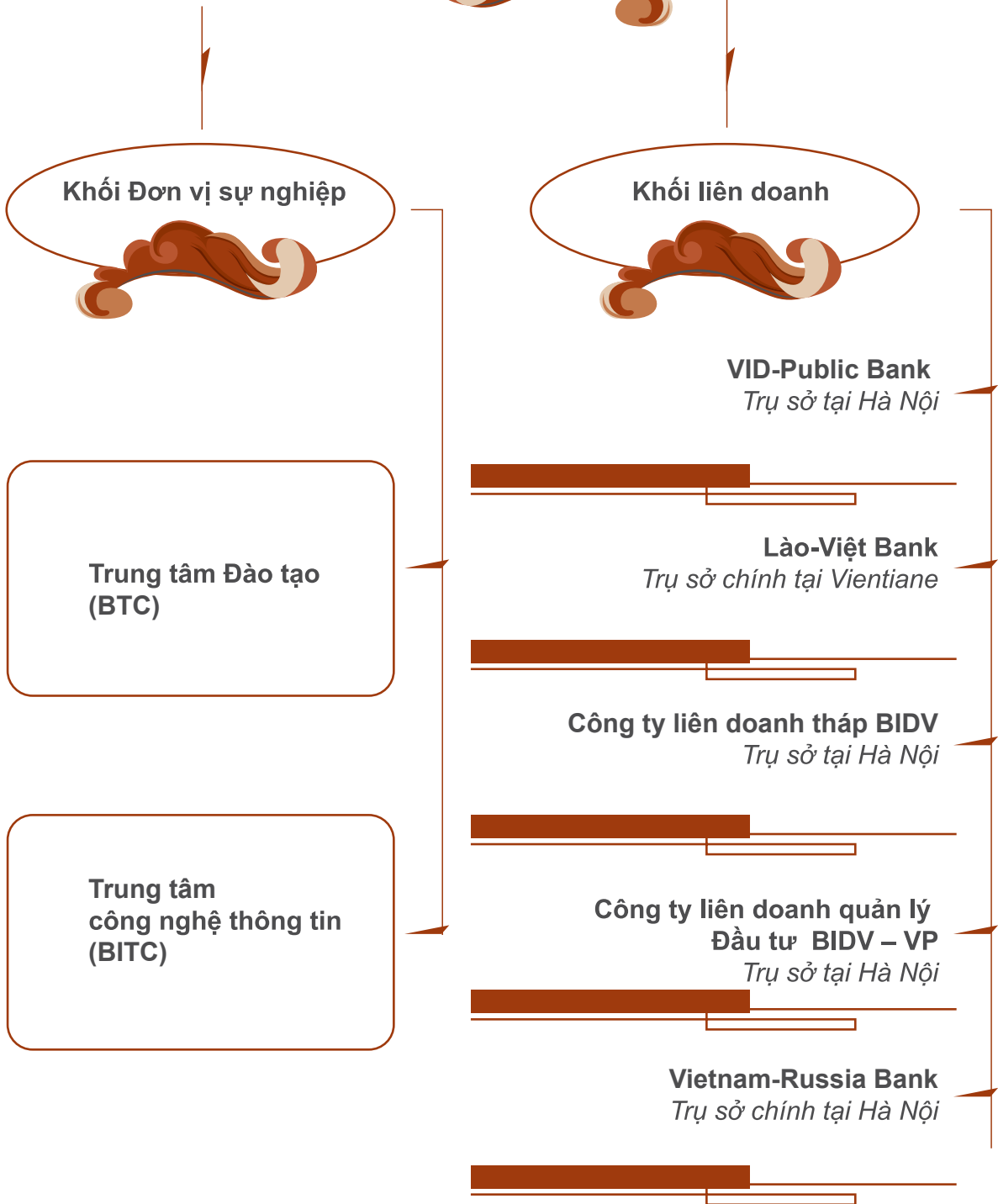
**CÁC SỞ GIAO DỊCH,
CÁC CHI NHÁNH**

**03 Sở
giao dịch**

**100
Chi nhánh**

HỘI SỞ CHÍNH

CÁC HỘI ĐỒNG, CÁC PHÒNG BAN



BAN LÃNH ĐẠO BIDV







HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Hiếu / Ông Trần Anh Tuấn / Ông Trần Bắc Hà / Ông Nguyễn Văn Phẩm / Ông Lê Việt Cường / Ông Nguyễn Huy Tựa

ÔNG TRẦN BẮC HÀ

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm: 1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Ông Hà đã cống hiến cho Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại Ngân hàng vào tháng 2 năm 1981. Sau đó, ông Hà đã được bổ nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng như Phó giám đốc chi nhánh Nghĩa Bình, Phó giám đốc chi nhánh Bình Định, Giám đốc chi nhánh Bình Định. Tháng 10 năm 1999, ông Hà được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc của BIDV, bốn năm sau đó ông Hà được đề bạt làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc của BIDV. Tháng 01 năm 2008, ông Hà được bổ nhiệm làm chủ tịch HĐQT của BIDV.

Cũng trong thời gian đó, Ông Hà còn kiêm các chức vụ Giám đốc Công ty Chứng khoán BIDV (11/1999 – 1/2002); Giám đốc Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản BIDV (12/2001 – 08/2002) và Giám đốc sở Giao dịch III (7/2002 – 2/2005).

Bên cạnh trọng trách chính là Chủ tịch HĐQT của BIDV, ông Hà còn được Chính Phủ Việt Nam đề cử giữ một số chức vụ trong các tổ chức như Trưởng Ban xử lý tài sản và thu hồi nợ Ngân hàng TMCP Nam Đô (từ 09/1998 đến nay); Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam, thành viên của Hội đồng tư vấn kinh doanh ASEAN của Việt Nam (ASEAN BAC) (từ tháng 03/2006).

ÔNG TRẦN ANH TUẤN

Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Sinh năm: 1958.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Ông Tuấn bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1981. Sau đó, ông được bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Gia Lai (Gia Lai-Kon Tum) từ tháng 7/1989. Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1998, Ông Tuấn được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng Quản trị BIDV từ tháng 10/2006, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 01/2008, ngoài ra ông Tuấn kiêm Ủy viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần quản lý quỹ công nghiệp và năng lượng Việt Nam.

ÔNG LÊ VIỆT CƯỜNG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1950

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tổng hợp, Cử nhân kinh tế Đại học Ngân hàng.

Quá trình công tác:

Ông Cường đã làm trong lĩnh vực ngân hàng từ tháng 5 năm 1972. Trước khi được đề bạt là Ủy viên HĐQT BIDV từ tháng 01/2007, ông Cường đã có thời gian công tác tại một số cơ quan như Trường trung học ngân hàng Bắc Thái, Sơn Tây, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã qua một số chức vụ như Trưởng phòng thư ký Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, Ông Cường kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần chế tạo tàu và dàn khoan dầu khí, Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần tài chính điện lực.



ÔNG NGUYỄN TRUNG HIẾU

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1954.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Ngân hàng, Chứng chỉ Cao học Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh quốc tế Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Ông Hiếu bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm tháng 11 năm 1976. Sau đó, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc chi nhánh BIDV Quảng Nam – Đà Nẵng (từ 10/1991-12/1996), Giám đốc chi nhánh BIDV Đà Nẵng (từ 12/1996 - 8/1997). Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 9/1997, được bổ nhiệm Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 06/2007.

Ngoài ra, ông Hiếu còn kiêm các chức vụ Ủy viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Trung ương từ tháng 8/2002 và Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh tháp BIDV từ tháng 10/2005.

ÔNG NGUYỄN VĂN PHẨM

Ủy viên HĐQT

Sinh năm: 1949.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế. Chứng chỉ Cao học Kinh tế ĐH Kinh tế quốc dân.

Quá trình công tác:

Ông Phẩm bắt đầu làm việc tại ngành Ngân hàng từ năm 1973 và tại BIDV từ năm 1992. Trước khi vào làm việc tại BIDV, ông Phẩm đã có hơn 10 năm làm việc tại các vị trí khác nhau tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Đắk Lắk như Phó Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà

nước tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV Đắk Lắk (từ 05/1992 – 01/1997), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV (từ 02/1997 – 09/1999), Phó Tổng Giám đốc BIDV (từ 10/1999 – 07/2002) kiêm Giám đốc Trung tâm đào tạo BIDV (từ 04/2001 – 01/2002). Ông Phẩm được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị từ tháng 8/2002 kiêm Trưởng ban kiểm soát BIDV từ 08/2002 - 11/2006. Từ tháng 7/2003 ông Phẩm kiêm Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội Ngân hàng VN. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Phẩm là Ủy viên HĐQT BIDV kiêm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NH Liên doanh Việt – Nga.

ÔNG NGUYỄN HUY TỰA

Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm: 1957.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học Xây dựng - Kiến trúc Sophia-Bungary, Chứng chỉ cao cấp nghiệp vụ ngân hàng, Chứng chỉ Cao học Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh quốc tế ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Ông Tựa đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 25 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1984. Sau đó, ông được bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng như Giám đốc chi nhánh BIDV Thăng Long từ tháng 12/1993 đến tháng 12/1996, Phó Giám đốc Sở giao dịch I từ tháng 12/1996 đến tháng 8/1997, Trưởng phòng Tín dụng 1 từ tháng 8/1997 đến tháng 8/2002, Giám đốc Ban Quản lý tín dụng từ tháng 8/2002 đến tháng 3/2005, Giám đốc Sở giao dịch III của BIDV từ tháng 3/2005 đến tháng 12/2006. Ông Tựa được bổ nhiệm là Ủy viên Hội đồng quản trị từ tháng 10/2006. Từ tháng 12/2006 đến nay, Ông Tựa là Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng ban Kiểm soát BIDV. Ngoài ra ông Tựa kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện dầu khí Nhơn Trạch, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh địa ốc Đà Lạt - BIDV; Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Điện Việt Lào.





Ông Trần Anh Tuấn



Ông Hoàng Huy Hà



Ông Nguyễn Khắc Thân

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Trung Hiếu



Ông Lê Văn Lộc



Ông Lê Đào Nguyên



Ông Trần Quý Trung



Ông Phan Đức Tú



Bà Phan Thị Chinh

ÔNG TRẦN ANH TUẤN

Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

(Xem phần giới thiệu HĐQT)

ÔNG HOÀNG HUY HÀ

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1955.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Học viện Ngân hàng), Thạc sĩ Kinh tế (Học viện Ngân hàng), Tiến sĩ Kinh tế (Học viện Ngân hàng).

Quá trình công tác:

Ông Hà đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được hơn 30 năm. Trước khi vào làm việc tại BIDV năm 1986, ông đã có hơn 10 năm làm việc tại các vị trí khác nhau tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh Sông Bé. Sau đó, ông nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng của BIDV như Giám đốc chi nhánh BIDV Sông Bé (từ 07/1996 – 12/1996), Giám đốc chi nhánh BIDV Bình Dương (từ 01/1997 – 10/1999), Giám đốc Sở giao dịch II của BIDV (từ 11/1999 – 06/2002). Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002. Ngoài ra, Ông Hà kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP phát triển đường cao tốc BIDV, Phó CT HĐQT Công ty CP Bắc Thăng Long, Ủy viên HĐQT VCCI.

ÔNG NGUYỄN TRUNG HIẾU

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

(Xem phần giới thiệu HĐQT)

ÔNG LÊ VĂN LỘC

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1950.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

Ông Lộc bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1975. Sau đó, ông nắm giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh BIDV Thanh Hóa (từ 7/1995 – 12/1996), Phó Giám đốc Sở Giao dịch I của BIDV (từ 12/2000 – 6/2001), Giám đốc Sở Giao dịch I (từ 7/2001- 06/2002). Ông được đề bạt chức vụ Phó Tổng giám đốc của BIDV vào tháng 7/2002. Ngoài ra, Ông Lộc kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP tài chính VINACONEX.

Ông Lộc còn có một thời gian chuyển sang làm việc tại Ngân hàng Nhà nước và nắm chức vụ quan trọng là Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (từ tháng 1/1997 đến tháng 11/2000).

ÔNG LÊ ĐÀO NGUYỄN

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1956.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học kỹ thuật BRNO-Tiệp Khắc, Chứng chỉ cao học kinh tế ĐH Kinh tế quốc dân, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh quốc tế ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Ông Nguyễn bắt đầu làm việc tại BIDV từ năm 1983. Tháng 10/1990, ông được bổ nhiệm là Phó Trưởng Phòng Thẩm định của BIDV, và là Trưởng Phòng Bảo lãnh và dịch vụ 4 năm sau đó. Đến tháng 4/1997, ông Nguyễn được đề bạt vị trí Giám đốc Sở giao dịch I và giữ vị trí này đến tháng 06/2001. Ông Nguyễn được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc BIDV từ tháng 7/1998. Từ tháng 6/2002 đến nay, ông Nguyễn kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt. Từ tháng 03/2007 đến nay, Ông Nguyễn kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư tài chính BIDV. Ngoài ra, Ông Nguyễn kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam, UV HĐQT Công ty cổ phần Sắt Thạch Khê, UV HĐQT Công ty CP thông tin tin dụng cá nhân, UV HĐQT công ty chuyển mạch tài chính quốc gia (Banknet) và là thành viên của Hội đồng quản trị Hiệp hội các định chế tài chính Châu Á Thái Bình Dương (ADFIAP) từ năm 2002 đến nay.



ÔNG NGUYỄN KHẮC THÂN

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1952.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Tài Chính-Kế toán, chứng chỉ Cao học Kinh tế ĐH kinh tế quốc dân

Quá trình công tác:

Ông Thân đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV năm 1979. Đến tháng 5/2003, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở giao dịch I BIDV. Ông Thân được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Ngoài ra, Ông Thân kiêm Chủ tịch Công ty chứng khoán từ tháng 7/2005, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV- Partner từ tháng 01/2006, kiêm Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Công nghiệp VN, Ủy viên HĐQT Công ty CP ĐTPT Khu kinh tế Hải Hà.

ÔNG TRẦN QUÝ TRUNG

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1952.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học Xây dựng, Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế quốc dân, Chứng chỉ Cao học Kinh tế ĐH kinh tế quốc dân.

Quá trình công tác:

Ông Trung đã làm trong lĩnh vực ngân hàng được gần 30 năm. Ông bắt đầu vào làm việc tại BIDV từ năm 1980. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng là: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng liên doanh VID-Public. Ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 8/2004. Ngoài ra, Ông Trung kiêm Ủy viên HĐQT Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quang Trung, Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần thương mại và cảng biển Vũng Áng.

ÔNG PHAN ĐỨC TÚ

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1964.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Ông Tú bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1987. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống như Phó giám đốc, Giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi. Tháng 06 năm 2007 ông được bổ nhiệm là phó Tổng giám đốc của BIDV. Ngoài ra ông Tú kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính (Leasing I), Ủy viên HĐQT Công ty CP bất động sản BIDV, Ủy viên HĐQT Công ty CP đầu tư dự án Tây Thăng Long, UV HĐQT công ty cổ phần đô thị BIDV-PP, Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.

BÀ PHAN THỊ CHINH

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm: 1968.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng Trường Cao cấp nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế quốc dân, Thạc sỹ quản trị Kinh doanh quốc tế trường ĐH Quốc gia Hà Nội và ĐH IRVINE-Hoa Kỳ.

Quá trình công tác:

Bà Chinh bắt đầu làm việc tại BIDV năm 1991 và từng giữ các chức vụ quan trọng như Phó giám đốc, Giám đốc Ban Tài Chính. Được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc BIDV từ tháng 06/2007, ngoài ra Bà Chinh kiêm UV HĐQT Công ty LD Tháp BIDV từ tháng 10/2005.







ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 2007

Năm 2007 là một năm đầy biến động với việc các Ngân hàng thương mại nhà nước dư thừa vốn khả dụng nhiều và kéo dài, tỷ lệ dự trữ bắt buộc tăng, Ngân hàng Nhà nước kiểm soát chặt chẽ cho vay đối với đầu tư chứng khoán và tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng vào những tháng cuối năm.



Đánh giá hoạt động 2007

Hoạt động của BIDV cũng đã phải chịu ảnh hưởng không mấy tích cực từ những biến động này. Song, với sự chỉ đạo sát sao và quyết liệt của Ban lãnh đạo cùng với sự quyết tâm của toàn hệ thống, BIDV đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh 2007. Tuy rằng một số chỉ số tài chính cơ bản còn chưa đạt tới chuẩn mực quốc tế nhưng quan trọng hơn là nó đã thể hiện sự cải thiện không ngừng trong nhiều năm qua và minh chứng cho nỗ lực của lãnh đạo ngân hàng trong việc nâng cao năng lực tài chính, chuẩn bị các điều kiện tiên quyết cho việc cổ phần hóa ngân hàng và hướng ngân hàng trở thành một tập đoàn ngân hàng tài chính vững mạnh, có uy tín trong khu vực. Sau đây là báo cáo tóm tắt về các chỉ số tài chính cơ bản của ngân hàng trong năm 2007.

Bảng 1: Các chỉ số tài chính cơ bản của BIDV

Các chỉ số	2007	2006
Chất lượng tài sản		
Nợ xấu/Tổng dư nợ	3,98%	9,6%
Dự phòng rủi ro tín dụng/Nợ xấu	134%	60%
Cân đối vốn		
Vốn CSH/Tổng tài sản	4,17%	2,8%
Tỷ số vốn cấp 1	6,4%	5,8%
CAR	6,7%	5,5%
Thanh khoản		
Tổng dư nợ/Tiền gửi khách hàng	97,5%	92,6%
Khả năng sinh lời		
ROaA	0,89%	0,4%
ROaE	25,01%	14,23%
Lãi cận biên ròng	3,07%	2,73%
Hiệu quả		
Chi phí hoạt động/Tổng tài sản	1,3%	1,1%
Chi phí hoạt động/Dư nợ trước DPRR	2%	1,77%
Chi phí hoạt động/Thu nhập hoạt động	44%	42%

Ghi chú:

Số liệu lấy trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo IFRS

Nợ xấu là nợ từ nhóm 3 đến nhóm 5

Tổng dư nợ là tổng dư nợ chưa trừ dự phòng RRTD

Dự phòng rủi ro là số dư phòng tại thời điểm cuối năm



Chất lượng tài sản

Tính đến 31/12/2007, tổng tài sản theo chuẩn mực kế toán quốc tế đạt 201.382 tỷ VND (12,5 tỷ USD), tăng 27% so với năm 2006. Chất lượng tài sản của ngân hàng được nâng cao một cách bền vững trong vòng 5 năm qua, thể hiện qua cơ cấu tài sản ngày càng chuyển biến hợp lý và hiệu quả hơn. Cụ thể:

Tài sản có tính thanh khoản cao bao gồm tiền mặt và tiền gửi thanh toán tại 31/12/2007 là 12.716 tỷ VND, giảm 11.690 tỷ VND so với năm 2006. Tỷ trọng tài sản thanh khoản trong tổng tài sản cuối kỳ năm 2007 cũng đã giảm hơn so với năm trước là 9,1% (năm 2006 chiếm 15,4%, năm 2007 chiếm 6,3%). Tuy nhiên, tỷ trọng bình quân cả năm 2007 thì vẫn lớn hơn năm 2006 là do yêu cầu tăng dự trữ bắt buộc theo quy định mới của Ngân hàng Nhà nước.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác đạt 24.006 tỷ VND, chiếm 11,9% tổng tài sản, tăng 6.577 tỷ VND so với năm 2006.

Đầu tư chứng khoán đạt 30.312 tỷ VND chiếm 15,05%, tăng 14.298 tỷ VND so với năm trước và tập trung chủ yếu vào đầu tư trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc Nhà nước, công trái...là những khoản đầu tư vừa có rủi ro thấp lại vừa đảm bảo khả năng hỗ trợ tính thanh khoản của Ngân hàng.

Tổng dư nợ cho vay và ứng trước khách hàng sau khi trừ dự phòng rủi ro tín dụng chiếm 62% trong tổng tài sản (năm 2006: 59%), phù hợp với tỷ lệ từ 60% - 65% mà tư vấn Morgan Stanley đã đưa ra. Trong đó, ngân hàng đã giảm mức cho vay doanh nghiệp nhà nước xuống 34.258 tỷ VND, làm cho tỷ trọng cho vay doanh nghiệp nhà nước trong tổng dư nợ giảm từ 35% năm 2006 xuống còn 26% năm 2007. Bên cạnh đó, cho vay theo chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước không những không phát sinh nợ mới từ năm 2002 mà còn giảm dần qua các năm cả về số tuyệt đối và tương đối (đến năm 2005 là 5,93%, cuối năm 2006 còn 3,21%, năm 2007 còn 1,49% tổng dư nợ).

Cơ cấu khách hàng đã được chuyển dịch phù hợp với xu hướng phát triển hiện nay, đó là ưu tiên phát triển tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn, giảm tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Cho vay theo ngành nghề cũng dần đẩy mạnh sang các lĩnh vực sinh lợi cao, hạn chế cho vay trong lĩnh vực nhiều rủi ro như ngành xây dựng, cơ sở hạ tầng. Cho vay xây dựng mặc dù vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng dư nợ song đã giảm mạnh trong những năm qua, thể hiện từ năm 2004 chiếm 45,37%, đến 2007 còn 23,6%, thay vào đó là cho vay trong các nghề nhiều tiềm năng như ngân hàng-tài chính-bảo hiểm, hóa chất, bưu chính-viễn thông-hàng không, năng lượng, tài nguyên khoáng sản.

Bảng 2: Các chỉ số danh mục cho vay của BIDV

	2003	2004	2005	2006	2007
Cho vay doanh nghiệp quốc doanh và cho vay theo chỉ định (%)					
Tăng trưởng cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh		16	65,9	20,2	67,0
Tăng trưởng cho vay doanh nghiệp quốc doanh		10,4	-5,6	14,1	6,4
Cho vay doanh nghiệp quốc doanh (% dư nợ)	67	65	52,0	49,3	39,2
Cho vay theo chỉ định Nhà nước (% dư nợ)	11,75	8,70	5,93	3,21	1,49
Tỷ trọng cho vay theo ngành (%)					
Xây dựng	42,4	45,37	36,5	24,9	23,6
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	5,0	3,77	9,00	9,16	7,26
Sản xuất và chế biến	10,7	11,53	13,70	24,52	19,20
Công nghiệp khai thác	7,3	5,92	5,50	4,87	3,49
Nông lâm nghiệp và thủy sản	13,7	14,33	14,50	6,34	6,04
Giao thông	5,8	4,57	3,50	3,71	4,54
Thương mại và dịch vụ	10,6	14,16	15,80	25,07	34,49
Ngành khác	4,6	0,34	1,50	1,43	1,3
Tổng	100	100	100	100	100



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 2007

Trong năm 2007, ngân hàng tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối tượng xếp hạng theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được mở rộng từ những khách hàng doanh nghiệp có dư nợ trên 5 tỷ VND (năm 2006) đến toàn bộ khách hàng doanh nghiệp (năm 2007) chứng tỏ ngân hàng ngày càng kiểm soát chặt chẽ danh mục tín dụng theo thông lệ quốc tế. Trên cơ sở việc mở rộng đối tượng xếp hạng và quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ra đời, ngân hàng đã sửa đổi chính sách phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro cho phù hợp và chính thức áp dụng vào tháng 7/2007.

Năm 2007, ngân hàng đã thực hiện thành công việc kiểm soát chất lượng tín dụng và xử lý nợ xấu như: đánh giá khách hàng và phân loại nợ chính xác theo thông lệ quốc

tế; kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng tới từng khoản vay, từng khách hàng; hạn chế cho vay những khách hàng có nợ xấu; tích cực đơn đốc thu hồi nợ xấu; xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ; cơ cấu lại các khoản nợ, xử lý rủi ro và bán nợ.

Tỷ lệ nợ xấu thời điểm 31/12/2007 theo báo cáo kiểm toán là 3,98%. So sánh tỷ lệ nợ xấu của năm 2007 với tỷ lệ nợ xấu năm 2005 (31,3%) và năm 2006 (9,6%) có thể thấy được nỗ lực cũng như hiệu quả trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu, làm sạch bảng cân đối của ngân hàng. Như vậy, ngân hàng bước đầu đã đạt được thành công trong công tác quản lý tín dụng theo thông lệ quốc tế.

Bảng 3: Hoạt động cho vay của BIDV 2006 - 2007

Phân loại dư nợ	2006 triệu VND	2007 triệu VND	Tăng trưởng cho vay (%)	% Dư nợ (2006)	% Dư nợ (2007)
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	49.138	86.797	76,64	54,24	72,60
2. Nợ cần chú ý	32.753	28.004	-14,50	36,16	23,42
3. Nợ dưới chuẩn	6.231	3.426	-45,01	6,88	2,87
4. Nợ nghi ngờ	333	212	-36,33	0,37	0,18
5. Nợ không thu hồi được	2.125	1.117	-47,4	2,4	0,9
Nợ xấu (Nhóm 3 + 4 + 5)	8.689	4.756	-45,26		
Tổng	90.581	119.559		100	100

Một điểm nổi bật là 73% danh mục dư nợ thương mại của ngân hàng là nợ đủ tiêu chuẩn. Tất cả các mức dư nợ từ dưới chuẩn tới không thu hồi được đều giảm mạnh, xuống mức được chấp nhận. Nợ nhóm 2 đã giảm từ 36,2% năm 2006 xuống còn 23,4% năm 2007, là do ngân hàng đã kiểm soát chất lượng tín dụng chặt chẽ bằng những biện pháp thích hợp như:



Thực hiện phân loại khách hàng hiện có ngay khi khách hàng bắt đầu có quan hệ để có những chính sách định hướng quan hệ tín dụng phù hợp với từng nhóm từng đối tượng khách hàng.



Tập trung cho vay mới đối với những khách hàng có tiềm lực tài chính mạnh và đảm bảo khả năng trả nợ (cho vay mới đối với những khách hàng xếp nhóm 1).



Phân tích đánh giá thực trạng tín dụng thương mại, định kỳ rà soát phân loại tín dụng để kịp thời có biện pháp xử lý, hạn chế các khoản tín dụng xấu; Xác định tiềm ẩn rủi ro để quản lý nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro. Thực hiện quản lý danh mục đầu tư và danh mục nợ xấu để có biện pháp xử lý kịp thời, kiểm soát, hạn chế nợ xấu mới phát sinh tại từng chi nhánh.



Tuy nhiên, một điều cần lưu ý là mức dư nợ cần chú ý đặc biệt dù đã giảm mạnh 14,5% so với năm 2006 vẫn chiếm tỷ trọng cao (23,4%). Dẫu vậy, với nỗ lực tăng cường kiểm soát tín dụng mạnh mẽ của toàn hệ thống, khả năng đạt được tỷ lệ như mong muốn hoàn toàn nằm trong khả năng của ngân hàng. Kết quả về nợ xấu giảm đáng kể trong năm qua phần nào thể hiện hướng đi đúng đắn của ngân hàng trong quản lý rủi ro, nâng cao chất lượng hoạt động của ngân hàng.

Vốn

Vốn cấp I năm 2007 đạt 10.276 tỷ VND, tăng 3.628 tỷ VND so với 2006. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phát hành trái phiếu tăng vốn cấp II với khối lượng: 3.250 tỷ VND. Ngân hàng đã phát hành thành công 2 đợt trái phiếu vào tháng 5 và tháng 12 năm 2006, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu dài hạn để tăng vốn cấp II theo đúng các điều kiện quy định của Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính. Mức vốn cấp II vừa đảm bảo mức an toàn vốn vừa tuân theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước không vượt quá 50% vốn cấp I. Tổng vốn cấp I và cấp II đều tăng đảm bảo tăng hệ số an toàn vốn (CAR) của ngân hàng.

Bảng 5: Xu hướng an toàn vốn của BIDV

<i>Đơn vị: tỷ VND</i>					
Các chỉ số an toàn vốn	2003	2004	2005	2006	2007
Vốn / Tổng tài sản (%)	3,59	3,07	2,7	2,80	4,17
Vốn / Tài sản có rủi ro (%) - CAR	4,58	4,29	3,36	5,5	6,67
Vốn điều lệ	3.746	3.866	3.971	4.077	7.699
Các quỹ dự trữ	1.328	1.351	1.583	1.345	1.106
Đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	621	221
Tổng Vốn chủ sở hữu	3.084	3.062	3.150	4.428	8.405

Hiện nay, phần lớn tài sản cố định của ngân hàng được phản ánh thấp hơn giá trị thực tế. Khi có cơ chế cho việc định giá lại tài sản cố định và chứng khoán đầu tư, thì đây cũng sẽ là một nguồn đáng kể góp phần tăng vốn tự có cho ngân hàng.

Bảng 4: Vốn tự có

<i>Đơn vị: tỷ VND</i>		
	2006	2007
Vốn cấp I	6.648	10.276
Vốn cấp II	3.341	3.223
Khoản loại trừ	-3.644	-2.856
Tổng vốn tự có tính CAR	6.345	10.643
Tỷ lệ vốn cấp I/ Tổng tài sản có rủi ro	5,8%	6,4%
Hệ số an toàn vốn – CAR	5,5%	6,7%

Ghi chú: () Hệ số CAR năm 2006 được tính lại theo số liệu điều chỉnh cột đầu kỳ 2007 & các quy định mới để cùng mặt bằng so sánh với 2007.*

Hệ số CAR – một thước đo chính khả năng của ngân hàng chống đỡ rủi ro không được dự tính mà không làm ảnh hưởng tới nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Mức tiêu chuẩn của Việt Nam đã thay đổi từ giữa năm 2005, yêu cầu về hệ số CAR ngày càng tiếp cận đến mức chuẩn quốc tế (theo QĐ 457/2005/QĐ-NHNN tháng 4/2005). Quyết định này bắt buộc duy trì hệ số CAR ở mức tối thiểu 8% và có thời gian ân hạn 3 năm (tới tháng 5/2008) cho các tổ chức tín dụng thực hiện để đáp ứng mức tối thiểu này. Theo báo cáo kiểm toán quốc tế, CAR năm 2007 của ngân hàng được cải thiện đáng kể do đã được Chính phủ cấp bổ sung vốn điều lệ thêm 3.400 tỷ VND và ngân hàng thực hiện thành công đề án tăng vốn cấp II, đạt mức 6,7%, đang tiến tới chuẩn tối thiểu về an toàn vốn theo Quy định của Ngân hàng Nhà nước và tiêu chuẩn quốc tế là 8%. Từ năm 2003 tới năm 2007, hệ số an toàn vốn cơ bản (Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản) cũng đã tăng gần 2 lần, từ 3,59% tới 4,17%, góp phần đảm bảo an toàn vốn cho hệ thống.



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 2007

Khả năng thanh khoản

Bảng 6: Khả năng thanh khoản của BIDV

Các chỉ số thanh khoản (%)	Đơn vị: %				
	2003	2004	2005	2006	2007
Dư nợ/ Tiền gửi	106,4	107,7	99,6	92,6	97,5
Tài sản thanh khoản / Tổng nợ phải trả	8,2	7,0	5,7	15,9	6,6
Tiền gửi khách hàng / Tổng nợ phải trả	72,4	69,6	75,8	69,3	70,3
Tăng trưởng tiền gửi	29,9	12,3	29,4	24,2	27,1

Ngân hàng có một số hạn chế trong vấn đề thanh khoản, tuy nhiên khả năng thanh khoản của ngân hàng đã được cải thiện đáng kể từ năm 2003 tới 2007, với tỷ lệ dư nợ/ tiền gửi giảm dần từ 106,4% xuống 97,5%, nhờ mức độ tăng nhanh huy động tiền gửi khách hàng. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Chỉ số tài sản thanh khoản (tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác)/Tổng nợ phải trả có xu hướng giảm nhẹ dần qua các năm, từ 8,2% xuống 6,6 %, tuy nhiên việc giảm này chủ yếu là do ngân hàng đã thu hút được nhiều tiền gửi nhân rồi từ tổ chức và cá nhân và chỉ một phần nhỏ là do tài sản thanh khoản của ngân hàng giảm trong năm 2007. Tình hình hiện tại về nguồn vốn của ngân hàng không phải là ngoại lệ vì tất cả các ngân hàng đều phụ thuộc lớn vào nguồn tiền gửi từ tổ chức và cá nhân khi mà thị trường trái phiếu của Việt Nam còn non trẻ và ngân hàng vẫn chưa tiến hành cổ phần hóa.

Công tác quản lý thanh khoản của ngân hàng đang được cải thiện, đặc trưng là việc thiết lập cơ chế kiểm soát và theo dõi hợp lý tình trạng thanh khoản hàng ngày và dài hạn. Trong năm qua, ngân hàng đã tuân thủ đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước về dự trữ bắt buộc, tỷ lệ khả năng chi trả, quản lý tốt dòng tiền vào, ra của hệ thống theo kỳ hạn đáo hạn để chủ động xử lý nguồn vốn thanh khoản khi thiếu hụt hoặc thặng dư. Theo đó, tỷ lệ khe hở thanh khoản lũy kế (Tài sản có đến hạn – Tài sản nợ đến hạn/TTS) luôn thực hiện trong biên độ cho phép theo quy định của ALCO là +/-3%.

Rủi ro thanh khoản của ngân hàng ở mức được kiểm soát do tăng trưởng tiền gửi (nguồn vốn cơ bản) khá ổn định. Các tài sản không thanh khoản của ngân hàng được hỗ trợ bởi các nguồn ổn định từ tiền gửi khách hàng và các quỹ tiền gửi của các cơ quan chính phủ, nhiều hơn là từ các nguồn nhạy cảm và không ổn định như nguồn từ thị trường vốn ngắn hạn và vay liên ngân hàng.



Khả năng sinh lời

Bảng 7: Khả năng sinh lời BIDV

<i>Các chỉ số khả năng sinh lời (%)</i>	2003	2004	2005	2006	2007
ROaA	0,03	0,04	0,11	0,39	0,89
ROaE	1,11	1,25	3,70	14,23	25,01
Lợi nhuận ròng (triệu VND)	26.395	38.338	114.992	538.996	1.604.745
Tăng trưởng thu nhập lãi ròng	13,96	44,04	53,62	-5,47	44,78
Thu nhập lãi ròng / Tổng thu nhập hoạt động	70,18	61,61	91,05	80,42	81,23
Lãi cận biên ròng	2,19	2,77	3,38	2,73	3,07
Thu nhập ngoài lãi / Tổng tài sản	0,70	1,19	1,01	0,52	0,56

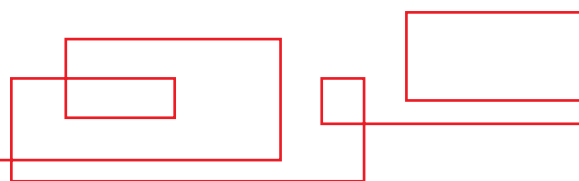
Dù chịu sự cạnh tranh gay gắt trong năm qua, khả năng sinh lời của ngân hàng vẫn tăng trưởng khá tốt. Lợi nhuận ròng của ngân hàng năm 2007 là 1.605 tỷ VND. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (ROaA) của ngân hàng có xu hướng tăng đều qua các năm, năm 2007 tỷ lệ này là 0,89% - đạt mức cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với thông lệ quốc tế. Tương đồng với ROaA, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROaE) cũng có sự cải thiện rõ rệt qua các năm, cụ thể: đạt 3,7% vào năm 2005, 14,23% năm 2006 và 25,01% năm 2007, chỉ số này đã vượt mức yêu cầu của thông lệ quốc tế. Các chỉ số này là rất tích cực khi tính đến nhiều yếu tố có ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của ngân hàng. Lãi cận biên tăng mạnh từ năm 2003 đến năm 2005 từ 2,19% tới 3,38%, nhưng lại có xu hướng giảm nhẹ từ năm 2005 tới năm 2007 (3,1%). Sự thu hẹp lãi biên như vậy có nguyên nhân từ sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ trên thị trường khiến ngân hàng phải nâng cao lãi suất tiền gửi và giảm lãi suất cho vay để giữ khách hàng. Bên cạnh đó, do nguồn vốn khả dụng thừa nên chủ yếu được sử dụng đầu tư trên liên ngân hàng

trong khi thị trường dư thừa vốn lớn đã khiến hiệu quả sử dụng vốn chưa cao. Khả năng sinh lời của ngân hàng còn chịu ảnh hưởng do ngân hàng đã cho vay các dự án lớn dài hạn, trong đó nhiều dự án là không hiệu quả, lãi suất cho vay thấp và ngoài ra, ngân hàng còn phải thực hiện tăng trích dự phòng rủi ro cho các khoản thua lỗ. Tuy nhiên ngân hàng đang đẩy mạnh đa dạng hóa hoạt động kinh doanh để nâng cao chất lượng tín dụng của ngân hàng làm giảm đáng kể nợ xấu phát sinh, tăng khả năng sinh lời.

Thu nhập từ các hoạt động phi lãi suất của ngân hàng (trước chi phí hoạt động và dự phòng) năm 2007 như thu phí dịch vụ ngân hàng, thu từ các giao dịch ngoại tệ tăng dần qua các năm từ 599 tỷ năm 2003 đến 1.121 tỷ VND năm 2007, tăng 37,4% so với năm 2006, cho thấy ngân hàng đang cố gắng đa dạng nguồn thu nhập. Tuy nhiên, tỷ lệ thu nhập ngoài lãi/Tổng tài sản vẫn chưa được cải thiện. Thu nhập từ lãi vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu hoạt động, trên 60%, một tỷ lệ vẫn còn khá cao so với tiêu chuẩn hoạt động ngân hàng hiện đại ngày nay.



ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 2007



Hiệu quả hoạt động

Bảng 8: Hiệu quả hoạt động của BIDV

<i>Các chỉ số hiệu quả hoạt động (%)</i>	2003	2004	2005	2006	2007
Chi phí hoạt động / Tổng tài sản	0,77	0,97	1,21	1,1	1,31
Chi phí hoạt động / Dư nợ trước DPRR	1,04	1,33	1,68	1,77	2,10
Chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động	34,37	31,21	34,77	36,59	33,64

Các chỉ số về chi phí hoạt động là một điểm mạnh trong hoạt động của ngân hàng. Chi phí hoạt động/Tổng tài sản và chi phí hoạt động/dư nợ tương đối tốt so với tiêu chuẩn của khu vực và thế giới, thể hiện cơ cấu chi phí của trong hoạt động của ngân hàng là thấp hơn so với các ngân hàng khác. Mặc dù các chỉ số này có xu hướng tăng qua các năm, song tốc độ tăng không lớn. Khi so sánh chi phí hoạt động của ngân hàng với thu nhập hoạt động, tỷ số này cũng cho thấy mức độ hiệu quả hoạt động của ngân hàng vẫn ở mức tốt, (mặc dù giảm dần qua các năm) và tốt hơn nhiều mức tiêu chuẩn hoạt động ngân hàng (55-60%). Ngân hàng dù phải tăng chi phí để nâng cao năng lực, bảo vệ thị phần trước những ngân hàng mới thì thu nhập từ hoạt động đã hoàn toàn bù đắp được khoản chi phí tăng lên này.

Nhạy cảm với rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi lãi suất biến động, dẫn tới sự không ổn định trong giá trị thị trường và thu nhập trong tương lai.

Hoạt động tín dụng, đầu tư tiền gửi là hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục tài sản của ngân hàng, mang lại thu nhập chủ yếu cho ngân hàng. Qua cơ cấu thu từ các hoạt động qua các năm có thể thấy, thu lãi từ hoạt động

tín dụng, đầu tư tiền gửi chiếm tới 60% tổng thu từ các hoạt động. Tuy nhiên ở khía cạnh khác, đây lại là hoạt động mang lại nhiều rủi ro của ngân hàng khi lãi suất có những biến động. Huy động tiền gửi từ khách hàng (bao gồm tiền gửi tổ chức và cá nhân) là nguồn chủ yếu phục vụ cho hoạt động của ngân hàng, chiếm khoảng 70% tổng nợ phải trả. Cũng giống như hoạt động tín dụng đầu tư tiền gửi trong danh mục tài sản, huy động tiền gửi từ khách hàng cũng góp phần đáng kể tạo ra rủi ro lãi suất đối với ngân hàng.

Trong những tháng đầu năm tốc độ tăng trưởng của huy động vốn cao hơn nhiều lần so với tốc độ tăng trưởng của tín dụng (bình quân 6 tháng đầu năm, tốc độ tăng trưởng của huy động vốn là 16% trong khi tín dụng chỉ tăng 1,22%) dẫn đến tình trạng dư thừa nguồn vốn khả dụng lớn. Tình trạng này đã được cải thiện dần trong những tháng cuối năm. Đến tháng 10/2007 tốc độ tăng trưởng của tín dụng đã vượt tốc độ tăng trưởng của huy động và được duy trì trong 2 tháng cuối năm.

Tình hình lãi suất trong năm qua có những biến động nhất định. Lãi suất huy động VND được các ngân hàng điều chỉnh giảm tại thời điểm đầu năm do nguồn vốn khả dụng của phần lớn các ngân hàng đều ở trạng thái thừa, tăng trưởng tín dụng thấp. Tuy nhiên đến cuối năm lãi suất huy động VND đã bắt đầu tăng nhẹ do nhu cầu thanh toán và vay vốn tiêu dùng, mua sắm cuối năm tăng, yếu tố lạm phát tăng cao cũng tác động đến lãi suất.



Đối với lãi suất USD, sau khi Ngân hàng Nhà nước bãi bỏ trần lãi suất áp dụng đối với pháp nhân tại các tổ chức tín dụng, lãi suất tiền gửi USD của pháp nhân đã tăng lên mức tương ứng với lãi suất huy động từ dân cư. Giữa

năm, lãi suất huy động USD tăng mạnh, nhất là từ tháng 5 đến tháng 7. Tuy nhiên đến cuối năm, lãi suất USD đã ổn định không còn tiếp tục tăng mạnh nữa do nguồn USD tại các ngân hàng khá dồi dào.

Bảng 9: Khe hở nhạy cảm lãi suất của ngân hàng thời điểm 31/12/2007

Đơn vị: Tỷ VND, triệu USD

Chi tiêu	Kỳ định giá lại					Tổng
	<=6 tháng	6 - 12 tháng	1-3 năm	3-5 năm	>5 năm	
1. VND						
Tài sản có	70.697	28.862	16.492	17.687	26.400	160.138
Tài sản nợ	111.404	16.520	10.239	6.339	15.636	160.138
Khe hở nhạy cảm lãi suất	-40.707	12.342	6.253	11.349	10.764	0
2. USD						
Tài sản có	1.290	150	99	296	686	2.522
Tài sản nợ	1.404	488	126	258	246	2.522
Khe hở nhạy cảm lãi suất	-114	-338	-27	38	440	0

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VND và USD có dao động trong biên độ hẹp. Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng của ngân hàng chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD. Một số tài sản khác của ngân hàng lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND và USD (như EUR, JPY...) nhưng số lượng không lớn. Như vậy, sự biến động tỷ giá không gây ra ảnh hưởng bất lợi nhiều cho hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên, để đảm bảo an toàn và hiệu quả hoạt động cho hệ thống, ngân hàng chính thức hoàn thành nghiệm thu và đi vào vận hành Chương trình Quản lý giá trị chịu rủi ro ngoại hối (VAR) từ tháng 1/2007. Ban Quản lý rủi

ro trong ngân hàng đã đề xuất hạn mức VaR ngoại hối cho 3 đồng tiền chủ yếu trong báo cáo đánh giá rủi ro thị trường ngày 08/1/2007, cụ thể: VaR USD là 2.245 triệu VND, VaR EUR là 1.453 triệu VND và VaR JPY là 148 triệu VND. Tuy nhiên, do chưa được ALCO phê duyệt nên đây là những hạn mức tạm thời để quản lý VaR ngoại hối trong 9 tháng đầu năm. Ngày 02/10/2007 hội đồng ALCO đã ra nghị quyết phê duyệt hạn mức VaR áp dụng cho 3 tháng cuối năm là: VaR USD 2.800 triệu VND, VaR EUR 1.000 triệu VND và VaR JPY 148 triệu VND. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



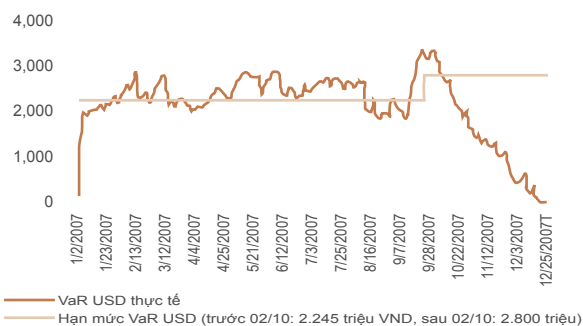
ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG 2007

Giá trị chịu rủi ro ngoại hối của từng đồng tiền:

Theo số liệu thống kê giá trị chịu rủi ro hàng ngày đối với từng loại ngoại tệ năm 2007, với trạng thái nắm giữ tại thời điểm nghiên cứu trong điều kiện biến động tỷ giá của 250 ngày trước đó và độ tin cậy 99% thì dự đoán khả năng tổn thất cụ thể như sau:

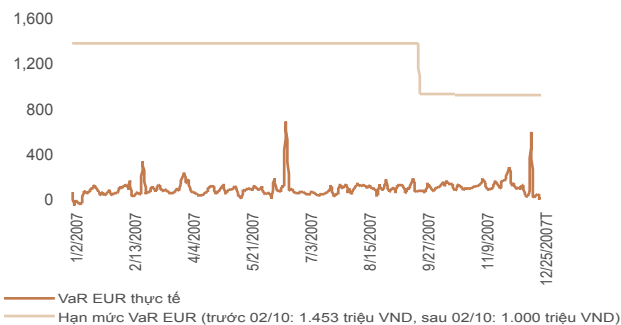
Giá trị chịu rủi ro đối với USD

Cùng với sự biến động của USD trong năm vừa qua thì VaR USD cũng có sự biến động tương đối lớn. Mức tổn thất dự tính trong kinh doanh USD năm 2007 cao nhất là 3.342 triệu VND (ngày 1/10/2007), thấp nhất là 18 triệu VND (ngày 28/12/2007), trung bình là 2.153 triệu VND.



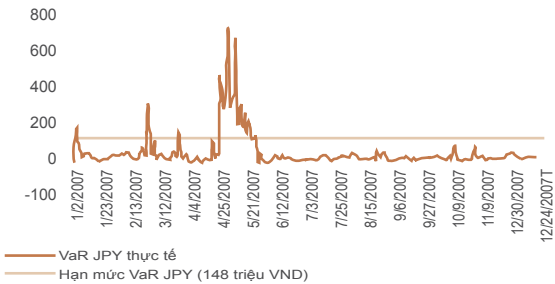
Giá trị chịu rủi ro đối với EUR

Mức độ tổn thất dự tính từ việc kinh doanh EUR của BIDV là tương đối thấp, VaR EUR luôn nhỏ hơn hạn mức VaR đã được phê duyệt. Tổn thất thực tế có thể xảy ra trong kinh doanh EUR tại BIDV trong năm 2007 cao nhất là 762 triệu VND (ngày 21/06/2007), thấp nhất là 8,9 triệu VND (ngày 3/1/2007) bình quân là 161,2 triệu VND.

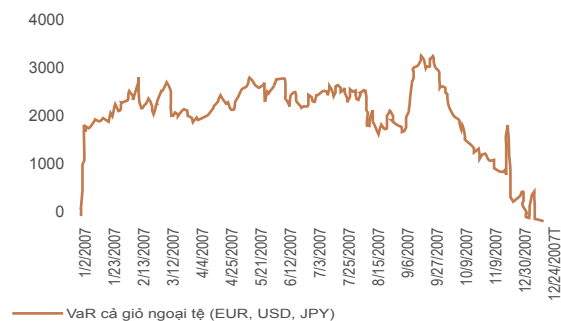


Giá trị chịu rủi ro đối với JPY

Trong tháng 3 và tháng 5 có một số thời điểm VaR JPY vượt hạn mức đã đề ra. Tuy nhiên, giá trị VaR thực tế của JPY chưa lớn (cao nhất là ngày 14/5: 795 triệu VND, trung bình là 60,6 triệu VND).



Trong năm 2007, thông qua việc tính toán, theo dõi giá trị chịu rủi ro ngoại hối thực tế cho cả giỏ ngoại tệ (EUR, USD, JPY), mức tổn thất cao nhất dự tính cho cả giỏ ngoại tệ là 3.346 triệu VND vào ngày 1/10/2007, thấp nhất là 98,2 triệu VND vào ngày 29/12/2007. Mức tổn thất dự tính bình quân cho cả giỏ ngoại tệ là 2.187 triệu VND.



Rủi ro giá cả chứng khoán

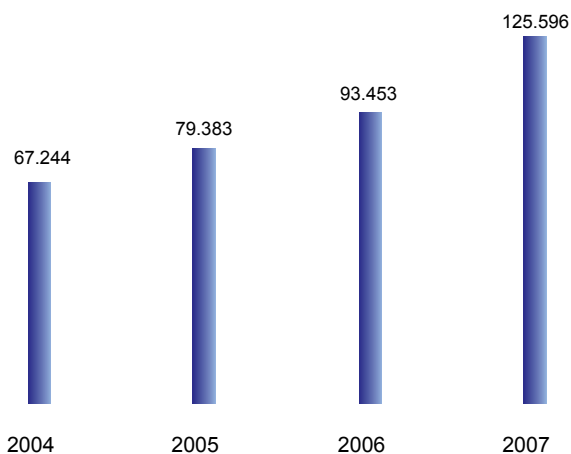
Ngân hàng tập trung đầu tư dưới dạng góp vốn thành lập các công ty cổ phần, tham gia đấu giá IPO các doanh nghiệp Nhà nước tốt và sẽ hiện thực hoá lợi nhuận vào thời điểm thuận lợi. Mặc dù giá chứng khoán năm qua có nhiều biến động bất lợi, đa phần các khoản đầu tư của ngân hàng đều mang tính dài hạn và sẽ chỉ được xác định hiệu quả sau từ 2 đến 3 năm đầu tư. Tuy nhiên, cũng vì đây là đầu tư dài hạn cho nên số lượng và giá trị các khoản đầu tư có thể thanh lý và thu lợi nhuận ngay còn thấp, nên ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn trong ngắn hạn.

Rủi ro giá cả hàng hóa

Ngân hàng đã chính thức thực hiện hoạt động kinh doanh hàng hoá phái sinh. Hoạt động này đang ở trong giai đoạn đầu với quy mô nhỏ và cũng đã phát sinh một số rủi ro. Ngân hàng đã rà soát và ban hành các quy định thí điểm cần thiết cho nghiệp vụ giao dịch phái sinh này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH 2007

Trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ phát triển cao và cạnh tranh giữa các ngân hàng gay gắt, BIDV đã hoàn thành toàn diện, đồng bộ và vượt trội kế hoạch kinh doanh năm 2007.



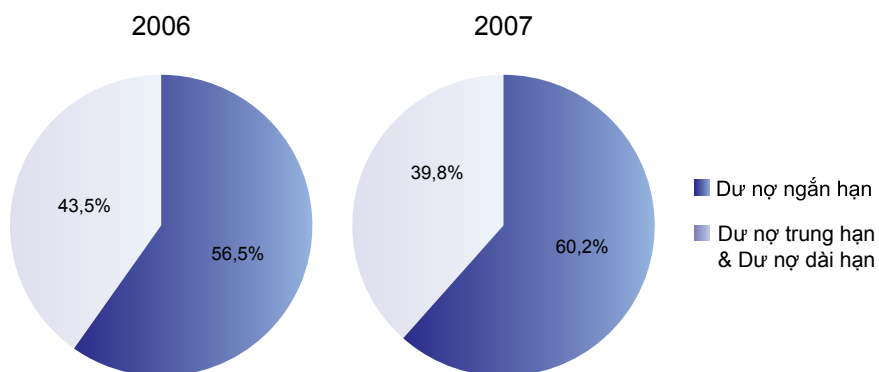
Hoạt động tín dụng

Trong đó việc điều hành hoạt động kinh doanh tín dụng năm 2007 đã đạt được những mục tiêu đề ra góp phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh của toàn hệ thống.

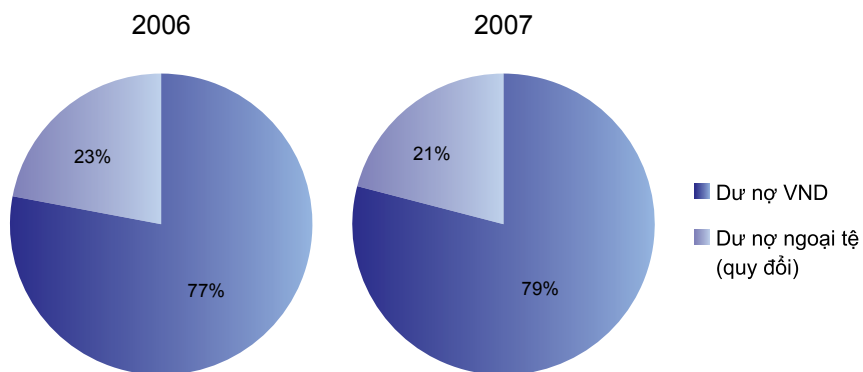
Tổng dư nợ của BIDV (sau khi đã trích lập dự phòng rủi ro) đến 31/12/2007 là 125.596 tỷ VND, tăng 34,4% so với năm 2006, trong đó tổng dư nợ cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước là 113.999 tỷ VND tăng 28,8%.

Các chỉ tiêu về chất lượng, cơ cấu tín dụng đều đạt kết quả tốt hơn so với năm 2006. Thu nhập lãi từ hoạt động tín dụng đạt 11.908 tỷ VND, tăng 33,07% so với năm 2006. Tỷ trọng cho vay trung-dài hạn từ mức 43,5% năm 2006 giảm xuống còn 39,8%. Tỷ trọng cho vay doanh nghiệp ngoài quốc doanh từ mức 35,8% tăng lên mức 47,2%, tăng tỷ trọng dư nợ có tài sản đảm bảo từ 70% lên 73%. Tỷ lệ nợ xấu dưới 4%.

Tăng trưởng tín dụng qua các năm (2004-2007) (tỷ VND)



Cơ cấu dư nợ tín dụng theo kỳ hạn (%)

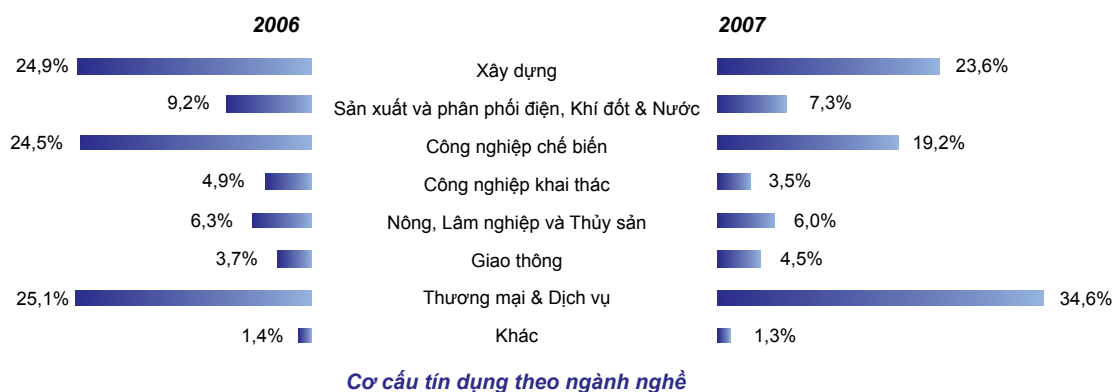


Cơ cấu tín dụng theo loại tiền tệ (%)



Năm 2007 cũng là năm cơ cấu dư nợ cho vay theo ngành nghề của BIDV chuyển biến theo hướng tích cực hơn so với năm 2006.

Với định hướng phát triển thành một ngân hàng bán lẻ, trong năm qua danh mục các sản phẩm tín dụng bán lẻ của BIDV đã liên tục được bổ sung. Tỷ trọng tín dụng bán lẻ tăng từ mức 10,12% năm 2006 lên mức 13,14% năm 2007 với số dư 17.339 tỷ VND.



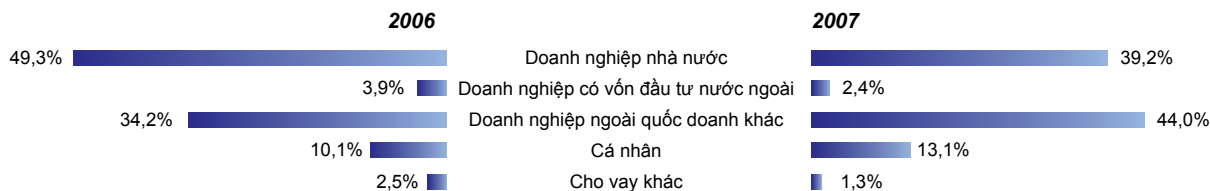
Một số ngành BIDV ưu tiên tập trung đầu tư như điện, xi măng, bất động sản, chế biến gỗ xuất khẩu, chế biến thủy hải sản xuất khẩu đều tăng trưởng dư nợ về tỷ trọng và về số tuyệt đối so với năm 2006.

Song song với việc chuyển đổi tích cực các tỷ lệ trong cơ cấu tín dụng, BIDV cũng đã tập trung xây dựng, phát triển **nền khách hàng** bền vững. BIDV đã xây dựng được một nền tảng khách hàng tương đối tốt bao gồm các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty lớn của đất nước, các khách hàng này đang tập trung đầu tư vào những ngành, lĩnh vực then chốt có vai trò quan trọng phát triển kinh tế như điện lực, xi măng, xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng...

Với định hướng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, trong thời gian qua BIDV cũng đã thiết lập và tạo dựng được mối quan hệ với các công ty, Tập đoàn kinh tế tư nhân như: Tập đoàn Vĩnh Phúc, Tập đoàn Khải Vy, Công ty Bitexco, Công ty EuroWindow, Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vinpearl, Công ty cổ phần Vincom...

Về quan hệ khách hàng của BIDV đang tiến triển theo xu hướng hợp tác toàn diện từ quan hệ tín dụng kết hợp với hoạt động đầu tư, góp vốn, quan hệ cổ đông chiến lược... Đây là một xu hướng quan hệ mới sẽ phát triển trong những năm tới, tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa Ngân hàng và khách hàng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH 2007



Cơ cấu dư nợ tín dụng theo khách hàng

Đặc biệt từ quý IV trong năm 2007, BIDV đã triển khai thành công chương trình **tín dụng tài trợ xuất khẩu và nhập khẩu** nhằm thu hút khách hàng và gia tăng thị phần tín dụng của BIDV trong lĩnh vực này. Kết quả thực hiện từ tháng 09/2007 đến hết năm 2007 doanh số cho vay tài trợ XNK đạt 11.300 tỷ VND, dư nợ cho vay xuất nhập khẩu đạt 5.000 tỷ VND.

Bên cạnh việc tích cực triển khai công tác tín dụng, các biện pháp quản lý chất lượng tín dụng cũng được BIDV quan tâm. BIDV đã thực hiện nhiều biện pháp để thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, kiểm soát nợ xấu đảm bảo việc phân loại nợ một cách chính xác theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế và đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác quản lý tín dụng, quản lý tài sản bảo đảm...

Với sự hướng dẫn cụ thể, kịp thời trong công tác phân loại nợ cũng như sự chỉ đạo sát sao của Hội sở chính trong công tác kiểm soát chất lượng tín dụng, nợ xấu của BIDV luôn được kiểm soát chặt chẽ và giảm từ 9,6% thời điểm 31/12/2006 xuống còn 3,98% thời điểm 31/12/2007. Diễn biến tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu ngày càng giảm thấp và ổn định vào cuối năm cho thấy chất lượng tín dụng được nâng lên, khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng chủ động chính xác và an toàn hơn.

Trong năm 2007, toàn hệ thống đã tập trung quyết liệt triển khai các biện pháp tận thu hồi nợ, do vậy đã mang lại kết quả tích cực trong việc kiểm soát chất lượng tín dụng và thu hồi nợ hạch toán ngoại bảng. Nợ nhóm 2 giảm từ mức 36,2% năm 2006 xuống còn 23,4% năm 2007. Đặc biệt ấn tượng năm nay là con số 1.856 tỷ VND mà BIDV đã đạt được trong tận thu hồi nợ hạch toán ngoại bảng.

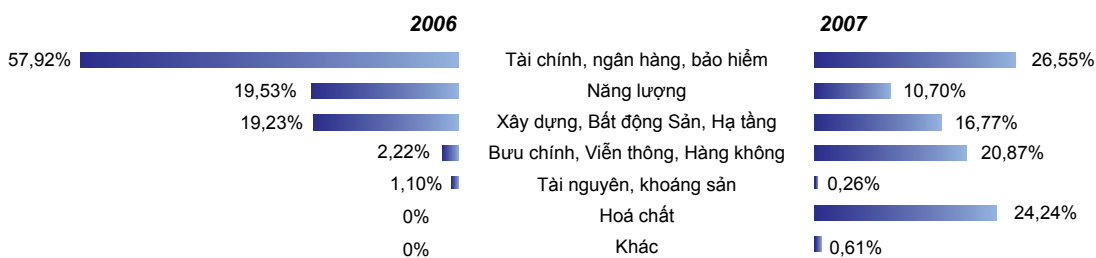
Hướng tới năm 2008, BIDV sẽ triển khai thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động theo dự án TA2 cả ở Hội sở chính và các chi nhánh, trong đó hoạt động tín dụng sẽ chuyển đổi theo định hướng khách hàng. Việc quản lý rủi ro và quan hệ đối với khách hàng lớn sẽ được tập trung về Hội sở chính, các chi nhánh sẽ tập trung cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Mục tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2008 dự tính sẽ đạt con số 25% (khoảng 150.000 tỷ VND) và tỷ lệ dư nợ trên tổng tài sản là 60%. Đặc biệt, BIDV sẽ tiếp tục đảm bảo chất lượng tín dụng với mục tiêu tỷ lệ nợ xấu sẽ thấp hơn 3%, tỷ lệ dư nợ nhóm 2 trên tổng dư nợ giảm xuống 12%. BIDV cũng phấn đấu đạt cơ cấu tỷ trọng dư nợ bán lẻ trên tổng dư nợ đạt 18%.



Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư góp vốn, liên doanh và mua cổ phần (sau đây gọi tắt là hoạt động đầu tư) được xác định là một trong những trọng tâm hoạt động của BIDV nhằm mục đích đa dạng hoá danh mục tài sản có, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và góp phần mở rộng hoạt động của Ngân hàng phù hợp với việc chuyển đổi sang mô hình Tập đoàn Tài chính – Ngân hàng cùng với tiến trình cổ phần hoá.

Trên cơ sở đó, hoạt động đầu tư trong năm 2007 đã có những bước phát triển mạnh mẽ, bắt kịp theo tín hiệu thị trường và đạt được nhiều **kết quả nổi bật**. BIDV đã cấp bổ sung 855 tỷ VND, nâng tổng số vốn cấp cho các công ty trực thuộc lên 1.635 tỷ VND để hỗ trợ hoạt động của những đơn vị này cũng như việc tăng thêm 954 tỷ VND (giá trị ròng) đầu tư vào khối các đơn vị liên doanh và các đơn vị đầu tư khác đưa tổng danh mục đầu tư cuối năm của khối này đạt 2.240 tỷ VND (tăng 74,2%).



Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề (không bao gồm các Liên doanh)

Năm 2007, hoạt động đầu tư đã đi đúng định hướng, tập trung vào những **lĩnh vực, ngành nghề** có tiềm năng và hiệu quả cao như: năng lượng, tài nguyên khoáng sản, cơ sở hạ tầng - bất động sản, tài chính ngân hàng, viễn thông, hàng không, giáo dục và y tế...

Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, BIDV đã cùng với một số tập đoàn và tổng công ty hàng đầu của đất nước như: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy, Tập đoàn Bưu chính viễn thông, Tập đoàn Công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam... hình thành Tổ hợp đầu tư để triển khai các dự án đầu tư chung. Trong đó, BIDV đã tham gia chủ động và tích cực trên nhiều giác độ như góp vốn đầu tư, tài trợ và thu xếp vốn tín dụng, cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng...

Một số dự án đầu tư lớn:

- o Dự án BOT Sài Gòn-Trung Lương-Mỹ Thuận –Cần Thơ
- o Công Ty Cổ Phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)
- o Dự án Thủy điện Việt Lào
- o Dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 2
- o Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV (BFC)
- o Dự án BIDV International Hồng Kông

Tổng trị giá danh mục đầu tư tại 40 đơn vị (không bao gồm vốn cấp cho các công ty trực thuộc), tăng 153% so với năm 2006. Bên cạnh quy mô đầu tư, hiệu quả hoạt động đầu tư cũng có kết quả tăng trưởng khá. Tổng thu nhập từ hoạt động đầu tư (không kể lãi hoạt động của các công ty trực thuộc) trong năm 2007 là 116,8 tỷ VND, tăng 61% so với năm 2006.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH 2007

Hoạt động đầu tư đã góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín và vị thế của BIDV trước cộng đồng tài chính và giới đầu tư trong và ngoài nước. BIDV hiện đang sở hữu danh mục đầu tư có tiềm năng và giá trị, tạo nền tảng cho việc hiện thực hoá lợi nhuận đầu tư và hỗ trợ vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng trong những năm tới.

Dịch vụ ngân hàng

Năm 2007, BIDV tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ để nâng tỷ trọng thu dịch vụ trong lợi nhuận của ngân hàng. Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo BIDV, hoạt động dịch vụ của BIDV tiếp tục giữ được mức tăng trưởng cao so với năm 2006, cụ thể một số điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất: Hoạt động dịch vụ của BIDV (không bao gồm hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng) tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng cao so với năm 2006 (58,8%), thu dịch vụ ròng toàn ngành đạt 624 tỷ VND, trong đó Thu dịch vụ ròng khối ngân hàng đạt 621 tỷ VND, tăng trưởng 59,6% so với năm 2006.

Thứ hai: Các dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp như tài trợ thương mại, bảo lãnh, kinh doanh ngoại tệ tiếp tục phát huy lợi thế và khẳng định là thế mạnh của BIDV. Các hoạt động này đều có tốc độ tăng trưởng cao với chất lượng dịch vụ tốt, đáp ứng ngày càng đầy đủ kịp thời nhu cầu về sản phẩm dịch vụ cho các doanh nghiệp. Năm 2007, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu qua BIDV tăng 61%, cao hơn tốc độ tăng trưởng kim ngạch

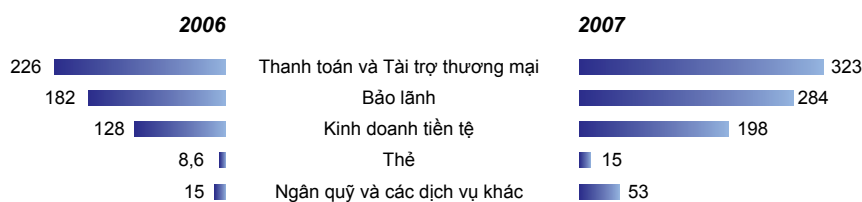
xuất nhập khẩu của cả nước (20%); được tạp chí Asia Money bình chọn là ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ kinh doanh ngoại tệ (FX) tốt nhất năm 2007.

Thứ ba: Năm 2007 là năm quản trị điều hành trong hoạt động dịch vụ tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Hàng loạt cơ chế chính sách, qui trình, qui định trong hoạt động dịch vụ được ban hành, bổ sung hoàn thiện đã tạo khung pháp lý vững chắc cũng như các động lực hỗ trợ cho chi nhánh trong việc đẩy mạnh kinh doanh dịch vụ.

Thứ tư: Năm 2007, hoạt động marketing các sản phẩm dịch vụ của BIDV được triển khai bài bản, rõ nét hơn. Cùng với các hoạt động hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành, BIDV đã có nhiều chương trình nhằm quảng bá thương hiệu hình ảnh cũng như hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Thứ năm: Mạng lưới kênh phân phối sản phẩm dịch vụ phi truyền thống tiếp tục được mở rộng. Trong năm, BIDV đã tích cực triển khai mở rộng mạng lưới máy ATM, triển khai thêm 300 máy ATM, nâng tổng số máy ATM của BIDV lên gần 1000 máy (đứng thứ 2 về số máy). Bước đầu triển khai và đưa vào hoạt động gần 500 POS. Đây là nền tảng quan trọng để BIDV phát triển mạnh mẽ dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong tương lai.

Tốc độ tăng trưởng của các hoạt động dịch vụ tương đối đồng đều, nhóm các sản phẩm dịch vụ truyền thống có mức tăng trưởng bình quân 37%, nhóm các dịch vụ mới tăng trưởng từ 76 đến 87%. Các kết quả cụ thể như sau:



Thu phí dịch vụ theo từng loại hình (tỷ VND)



Các dịch vụ dành cho khối khách hàng doanh nghiệp



Hoạt động thanh toán và tài trợ thương mại.

Với thế mạnh về công nghệ, BIDV tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thanh toán và tài trợ thương mại, coi đây là một trong những dịch vụ then chốt của ngân hàng. Năm 2007, doanh số chuyển tiền thanh toán trong nước và doanh số chuyển tiền quốc tế đều tăng so với năm 2006; hoạt động tài trợ thương mại cũng có những bước phát triển tích cực với việc ký kết các thoả thuận hợp tác, triển khai nhiều giao dịch tài trợ thương mại với các ngân hàng đại lý, cùng với việc chú trọng cung cấp các dịch vụ cho các định chế tài chính. Tổng doanh số xuất nhập khẩu trong năm đạt 5,15 tỷ USD, tăng trưởng 61% so với năm 2006. Thu dịch vụ ròng từ hoạt động thanh toán đến 31/12/2007 đạt 301 tỷ VND, tăng trưởng 40,6% so với năm 2006, chiếm tỷ trọng 48,2% trong tổng thu dịch vụ ròng của khối ngân hàng.



Hoạt động bảo lãnh.

Bảo lãnh là một dịch vụ truyền thống và thế mạnh của BIDV do khả năng tài chính và uy tín của BIDV trong hoạt động tài trợ vốn cho các dự án lớn, đồng thời do cơ cấu khách hàng của BIDV vốn là các tổng công ty, các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực xây dựng. Thu từ dịch vụ bảo lãnh đến 31/12/2007 đạt 284 tỷ VND, tăng trưởng 56% so với năm 2006, chiếm tỷ trọng 35,9% trong tổng thu dịch vụ ròng của ngân hàng.



Hoạt động kinh doanh tiền tệ.

Bên cạnh việc tăng cường hoạt động kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng, hoạt động mua bán ngoại tệ của BIDV trong năm 2007 cũng đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ nhu cầu giao dịch về ngoại tệ với giá cạnh tranh cho các khách hàng trong toàn hệ thống, đảm bảo quản lý trạng thái ngoại tệ tuân thủ quy định của Ngân Hàng Nhà Nước.

- o Doanh số mua bán ngoại tệ toàn hệ thống trong năm 2007 đạt gần 23 tỷ USD quy đổi (tăng 17% so với cùng kỳ năm trước) với chênh lệch thu chi đạt 112,3 tỷ VND - tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước.

- o Trong năm qua, BIDV đã thành công trong việc đưa ra các nghiệp vụ mới như triển khai kinh doanh hàng hoá tương lai đến với các khách hàng, kinh doanh trái phiếu trên thị trường thứ cấp, cung cấp các sản phẩm hoán đổi lãi suất phục vụ nhu cầu phòng ngừa rủi ro cho khách hàng. Một số mục tiêu ban đầu của đề án triển khai về cung cấp sản phẩm bảo hiểm rủi ro giá cho doanh nghiệp, nâng cao vị thế hình ảnh của BIDV đã có những kết quả tích cực, đặc biệt là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với sản phẩm qua giải thưởng về phát triển thương mại của ADFIAP, giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ mua bán ngoại tệ tốt nhất Việt Nam năm 2007” của tạp chí Asiamoney.

- o Nhằm tăng cường quảng bá hình ảnh của BIDV đối với hoạt động kinh doanh tiền tệ trong năm 2008, BIDV dự kiến sẽ đẩy mạnh hơn nữa hoạt động marketing các sản phẩm, nghiệp vụ BIDV đang triển khai (hoạt động mua bán ngoại tệ, kinh doanh trái phiếu, các sản phẩm phái sinh tỷ giá, lãi suất...), tiếp tục bám sát thị trường nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh ngoại tệ phù hợp với xu thế biến động của tỷ giá và lãi suất đảm bảo hiệu quả tối đa và an toàn trong hoạt động kinh doanh.



Dịch vụ tư vấn, thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

BIDV đã tham gia chính thức vào thị trường trái phiếu với vai trò là tổ chức tư vấn, thu xếp phát hành từ năm 2003. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2007, BIDV đã thực hiện tư vấn, thu xếp phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy trình thông lệ quốc tế, thực hiện theo chuẩn Eurobond. Hiện BIDV là một trong những tổ chức ghi sổ hàng đầu tại Việt Nam. Những khách hàng lớn của BIDV có thể kể đến là Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Sông Đà, ... Đặc biệt, trong năm 2007, BIDV đã phối hợp với các chi nhánh phát hành thành công 1.000 tỷ VND trái phiếu Vincom và 1.000 tỷ VND trái phiếu Vinaconex với vai trò là tổ chức tư vấn, thu xếp phát hành. Tổng số phí dịch vụ thu được từ 2 giao dịch này đạt trên 16 tỷ VND. Sự đánh giá cao từ phía tổ chức phát hành góp phần tăng uy tín và tên tuổi của BIDV trên thị trường và đó là lý do tại sao BIDV ngày càng nhận được nhiều đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp về dịch vụ phát hành trái phiếu.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHÍNH 2007

BIDV xác định sẽ tham gia vào thị trường phát hành một cách mạnh mẽ để nắm bắt cơ hội thị trường, khai thác thế mạnh sẵn có của BIDV và cung cấp cho khách hàng sản phẩm dịch vụ tốt nhất. Đồng thời, BIDV cũng mong muốn hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để củng cố năng lực và chuẩn hoá hoạt động của mình.

Các dịch vụ dành cho khối khách hàng cá nhân



Hoạt động kinh doanh thẻ

Trong năm vừa qua, kinh doanh thẻ là dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất trong các hoạt động dịch vụ của BIDV với các thành tựu nổi bật:

- o **Về mạng lưới**, hệ thống ATM với 1000 máy trải rộng ở 64 tỉnh thành trên toàn quốc, đặc biệt là việc hoàn thiện kết nối hệ thống ATM trên toàn quốc với liên minh thẻ Banknet hồi tháng 5 vừa qua và tiến tới trong năm 2008 sẽ là kết nối với liên minh thẻ Smartlink.
- o **Về sản phẩm**, BIDV đã phát hành được 400.000 thẻ ghi nợ nội địa, tổng số thẻ lũy kế đạt 1 triệu thẻ, chiếm 13% thị phần, đồng thời cung cấp dịch vụ thanh toán qua POS/EDC cho 600 đơn vị chấp nhận thẻ trên 30 tỉnh thành.
- o **Về doanh thu**, thu ròng từ hoạt động kinh doanh thẻ đạt 15 tỷ, có tốc độ tăng trưởng so với năm 2006 là 74%, tăng trưởng cao hơn so với mức tăng trưởng của năm 2006.

Giai đoạn 2008 – 2010 được xác định là giai đoạn tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng dịch vụ thẻ của BIDV với những mục tiêu đầy thách thức như:

- o Xây dựng hình ảnh BIDV như một trong những ngân hàng cung cấp dịch vụ kinh doanh thẻ hàng đầu tại Việt Nam: phát hành 150.000 thẻ tín dụng và 5 triệu thẻ ghi nợ nội địa, chiếm lĩnh tối thiểu 13% thị phần chủ thẻ toàn thị trường

- o Đồng thời cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng như: dịch vụ top-up trên ATM/POS và điện thoại di động, dịch vụ thanh toán hoá đơn, dịch vụ thanh toán chứng khoán và bảo hiểm

Các mục tiêu chính của năm 2008 – năm tạo đà cho hoạt động kinh doanh thẻ phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 3 năm:

- o Phát hành 1 triệu thẻ ghi nợ, tổng số thẻ lũy kế đạt 2 triệu
- o Ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng cao cấp VISA Gold
- o Hoàn tất kết nối hệ thống với tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam Smartlink
- o Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ Top-up trên ATM và ĐTDĐ, dịch vụ thanh toán tiền giao dịch chứng khoán cho Công ty Chứng khoán Đầu tư, dịch vụ thanh toán hoá đơn trên ATM cho Công ty Điện lực Việt Nam (EVN)
- o Doanh thu ròng từ hoạt động kinh doanh thẻ: 32 tỷ VND, tăng 200% so với năm 2007.





Hoạt động dịch vụ khác:


Các dịch vụ khác như BSMS, Thanh toán hoá đơn Viettel, chuyển tiền nhanh WU, Thanh toán lương đã được triển khai từ đầu năm và đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

- o Dịch vụ BSMS đến 31/12/07 phí thu được trên 2 tỷ VND, tổng số khách hàng sử dụng dịch vụ trên 50.000, trong đó có 44.000 khách hàng cá nhân, 9.000 khách hàng DN.
- o Dịch vụ thanh toán hoá đơn với Viettel đã được triển khai đến 60 chi nhánh trên toàn quốc, doanh số đạt trên 2 tỷ VND.
- o Dịch vụ chuyển tiền kiều hối Western Union, phí thu đạt trên 7 tỷ VND, tăng trưởng 110% so với năm 2006, mạng lưới chi trả WU thông qua BIDV là 400 điểm giao dịch so với KH đặt ra là 360 điểm, trong đó mạng lưới BIDV là 372 điểm, và mạng lưới đại lý phụ là 28 điểm.
- o Dịch vụ thanh toán lương có tổng số cán bộ thực hiện nhận lương qua BIDV đạt trên 500 ngàn người, doanh số thanh toán đạt trên 1.500 tỷ, phí thu đạt gần 2 tỷ VND.

Các dịch vụ dành cho khối định chế tài chính

 BIDV đã thực hiện thành công dự án Tài chính nông thôn I, II và được Ngân hàng Thế Giới tiếp tục lựa chọn làm Ngân hàng bán buôn cho Dự án Tài chính nông thôn III với tổng vốn 200 triệu USD. Các dự án cho vay lại khác từ các nguồn song phương và đa phương cũng đạt những kết quả cao, khẳng định uy tín của BIDV trong hoạt động đại lý uỷ thác.

 Hoạt động cấp và sử dụng hạn mức với các Định chế tài chính trong và ngoài nước được thực hiện bài bản, linh hoạt và đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch của các ĐCTC và BIDV. Tính đến thời điểm 31/12/2007, BIDV đã cấp hạn mức cho 62 ĐCTC nước ngoài với tổng hạn mức hiệu lực là 3,8 tỷ USD.

 Một bước tiến mới của BIDV trong năm 2007 là việc chủ động chào bán sản phẩm “Cash Collection VND” cho các ĐCTC nước ngoài tại Việt Nam với kết quả BIDV đã ký và triển khai thực hiện Hợp đồng dịch vụ Tài khoản và tiền mặt cho HSBC, Calyon và Standard Chartered Bank.

Tiếp tục phát huy cao độ lợi thế của mình, BIDV hứa hẹn sẽ vượt qua thách thức của năm 2008 để tiếp tục tăng tốc, phát triển hơn nữa hoạt động kinh doanh dịch vụ. Theo kế hoạch phấn đấu, thu dịch vụ ròng của toàn ngành sẽ tăng trưởng 67% so với năm 2007, tổng thu dịch vụ ròng toàn ngành dự kiến là khoảng 1.500 tỷ VND trong đó thu từ khối ngân hàng đạt 1.280 tỷ VND. Mức tăng trưởng của các hoạt động dịch vụ: Thu từ Bảo lãnh, kinh doanh tiền tệ tăng trưởng 87%, kinh doanh thẻ tăng trưởng 200%, thanh toán tăng trưởng 85%, các hoạt động khác tăng trưởng 78% so với năm 2007.

Năm 2007, BIDV tiếp tục duy trì vị trí hàng đầu đối với hoạt động đầu tư trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng. Là một trong những ngân hàng cung ứng vốn VND và ngoại tệ chủ yếu trên thị trường liên ngân hàng, BIDV đã đóng góp tích cực trong việc bơm vốn ra thị trường, giúp bình ổn thị trường vào cuối năm 2007 khi phần lớn các NHTM gặp khó khăn trong thanh khoản, đã được thống đốc NHNN đánh giá cao.



ĐỔI MỚI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Trong những năm gần đây với sự trợ giúp của các định chế tài chính quốc tế, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực chỉ đạo và dành rất nhiều khoản viện trợ cho lĩnh vực tài chính ngân hàng nhằm mục tiêu cải tổ toàn diện hệ thống ngân hàng trong nước cả về cấu trúc, chính sách và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng Việt Nam chuyển hoạt động hướng dần theo những thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt nhất.


Các chương trình liên kết kỹ thuật nhằm hỗ trợ tái cơ cấu BIDV (gọi tắt là dự án TA) do quỹ ASEM tài trợ dưới sự quản lý của Ngân hàng thế giới là một trong các chương trình nằm trong chương trình cải cách tổng thể ngành ngân hàng Việt Nam, được thực hiện bởi các chuyên gia tư vấn nước ngoài đến từ những tập đoàn ngân hàng tài chính có uy tín và thành công trên thế giới.

Dự án TA được khởi động vào tháng 10/2005 và kết thúc vào tháng 6/2006, tập trung vào các hoạt động chủ chốt như quản lý chuyển đổi quản trị điều hành và cơ cấu tổ chức, nguồn vốn, quản lý rủi ro, quản lý tài sản nợ-có, kiểm toán nội bộ, marketing, chiến lược kinh doanh, chiến lược công nghệ thông tin và chiến lược phát triển sản phẩm dịch vụ là những lĩnh vực được tư vấn, trợ giúp về mặt kỹ thuật, phân tích một cách sâu sắc và toàn diện. Đồng thời, các chuẩn mực về quy trình nghiệp vụ của một ngân hàng thương mại hiện đại cũng được nghiên cứu áp dụng và thực hiện dưới sự giám sát hỗ trợ của tư vấn.







Giữ vai trò chủ chốt trong các hoạt động tư vấn của dự án TA, tư vấn cấu phần chuyển đổi hoạt động quản trị điều hành và cơ cấu tổ chức có nhiệm vụ thiết yếu là trợ giúp BIDV tái cấu trúc bộ máy tổ chức và quản trị ngân hàng. Về cơ bản, mô hình tổ chức của BIDV được chuyển đổi theo hướng sau:

 Chuyển đổi mạnh mẽ từ một ngân hàng truyền thống thành một hệ thống ngân hàng hợp nhất theo hướng ngân hàng đa năng. Hội sở chính (HSC) kiểm soát các sản phẩm, các kế hoạch tài chính cho từng nhóm khách hàng mục tiêu thông qua các kênh phân phối. Vì vậy, HSC sẽ trở nên lớn hơn, trực tiếp kinh doanh một số hoạt động chiến lược như: kinh doanh tiền tệ, tín dụng món lớn, tài trợ thương mại... Các chi nhánh được coi như một kênh phân phối và bán hàng cho HSC, sẽ thu hẹp cả về chức năng, nhiệm vụ, qui mô và phạm vi hoạt động.



 Đảm bảo phân tách trách nhiệm rõ rệt. Các khối kinh doanh (front office) hoạt động trên nguyên tắc cơ bản là giao dịch, thương lượng với khách hàng nhưng không thể nhập dữ liệu vào tài khoản. Họ chỉ có thể lấy thông tin về các tài khoản đó. Các khối Back Office/hỗ trợ về nguyên tắc không liên hệ với khách hàng và có nhiệm vụ nhập dữ liệu vào tài khoản, hỗ trợ về rủi ro, tác nghiệp và tài chính.

 Tập trung hóa một số chức năng về HSC như: tổ chức cán bộ, kinh doanh tiền tệ, cân đối nguồn vốn, tài trợ thương mại, công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ, tín dụng bán buôn... nhằm nâng cao hiệu quả quản trị điều hành hệ thống.

Việc chuyển đổi mô hình đối với BIDV là một xu hướng tất yếu, xuất phát từ thực tại khách quan của BIDV, từ yêu cầu hội nhập và từ yêu cầu cổ phần hoá. Hiện tại, mô hình của BIDV chưa có một mô hình tổ chức và mô thức quản lý rủi ro thực sự thông lệ, các chi nhánh hoạt động như các ngân hàng con, mô hình này sẽ không cho phép kiểm soát được rủi ro, quản lý có hiệu quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Hơn nữa, hội nhập sâu hơn và gia nhập WTO là một yêu cầu tất yếu khách quan của nền kinh tế nói chung và hệ thống Ngân hàng trong nước nói riêng. Khi đó, trước nguy cơ cạnh tranh từ các ngân hàng nước ngoài, BIDV cũng như các Ngân hàng trong nước khác phải đối mặt với những thách thức và sức ép từ nhiều phía đòi hỏi phải cải tổ mạnh mẽ, toàn diện, đưa cơ cấu tổ chức và mô thức quản lý tiến dần đến các thông lệ quốc tế mới để có thể chủ động tiếp nhận vốn, công nghệ, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý phục vụ có hiệu quả cho chiến lược cạnh tranh và phát triển. Ngoài ra, cơ cấu tổ chức hợp lý theo thông lệ quốc tế là yếu tố quan trọng làm tăng vị thế, uy tín vốn có của BIDV và do đó, sẽ làm tăng giá trị của BIDV khi tiến hành cổ phần hoá, BIDV sẽ trở nên hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.



PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI



Năm 2007 là năm bản lề của việc thực hiện kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2006 – 2010 của BIDV. Công tác phát triển mạng lưới góp phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh.



PHÁT TRIỂN MỘT MẠNG LƯỚI KINH DOANH RỘNG KHẮP VÀ NGUỒN NHÂN LỰC NĂNG ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ.

Thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới giai đoạn 2006 – 2010, BIDV đã củng cố mạng lưới hoạt động thực sự hiệu quả với 103 chi nhánh và sở giao dịch, 228 phòng giao dịch, 162 điểm giao dịch/quỹ tiết kiệm, đã góp phần tạo nên vị thế, hình ảnh, thương hiệu của BIDV rộng khắp 64 tỉnh/thành phố. Hệ thống đạt được 1,1 triệu thẻ với gần 1000 máy ATM đặt tại các trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng, đảm bảo phân phối đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ đến khách hàng trên toàn quốc. Mạng lưới điểm chấp nhận thẻ (POS) phát triển được 425 điểm tại 24 tỉnh/ thành phố. BIDV đã tham gia vào hệ thống Banknet, thực hiện việc rút tiền từ ATM thông qua 4 ngân hàng gồm NH Công thương (ICB), NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank), NHCP Sài Gòn (SCB) và NHCP An Bình (ABBank). Mục tiêu của BIDV là hoàn thiện mạng lưới hoạt động năng động, phù hợp với mô hình tập đoàn tài chính ngân hàng Việt Nam cùng với tiến trình cổ phần hóa BIDV năm 2008.

Riêng 20 Chi nhánh mới thành lập năm 2006 đã phát huy được hiệu quả và lợi thế kinh doanh. Các chi nhánh mới đang dần hướng tới hoạt động theo mô hình bán lẻ, tập trung mở rộng cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, khách hàng ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, đóng góp đáng kể vào kết quả chung của toàn ngành. Năm 2007, hầu hết các chi nhánh hoạt động kinh doanh ổn định và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh.

Mục tiêu phát triển mạng lưới toàn hệ thống là cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng bán buôn và bán lẻ toàn diện, trọn gói, tập trung mạng lưới tại các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế của đất nước; đảm bảo tăng trưởng quy mô hoạt động gắn với nâng cao hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Năm 2008, hệ thống tiếp tục tập trung nguồn lực để phát triển mạng lưới chi nhánh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương. Kế hoạch phát triển mạng lưới đến năm 2010, toàn hệ thống sẽ có 141 chi nhánh, 386 phòng giao dịch, trên 2000 máy ATM và 35.000 POS, đáp ứng đầy đủ nhu cầu về sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng trên mọi miền đất nước.

Bên cạnh việc phát triển mạng lưới nội địa, BIDV đang thâm nhập thị trường quốc tế. Với quan điểm không ngừng tìm

kiếm và mở rộng các thị trường mới, BIDV đã thiết lập quan hệ hợp tác với đối tác tại Mỹ, Châu Âu, Kazakstan, Nhật Bản, Trung Quốc và đặc biệt là Hồng Kông, Nga và các nước trung Âu.

Tại thị trường Hồng Kông, với lợi thế môi trường đầu tư hấp dẫn, quy tắc trong ngành ngân hàng và tài chính thông thoáng, quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ, là trung tâm tài chính của thế giới, là cửa ngõ của Trung Quốc đại lục, là nơi quy tụ các chuyên gia tài chính hàng đầu thế giới cũng như các tập đoàn quốc gia lớn, Hồng Kông trở thành điểm đến hứa hẹn cho các nhà đầu tư tài chính trên toàn thế giới. Công ty BIDV International tại Hồng Kông dự kiến thành lập mới trong năm 2008 sẽ đóng vai trò cầu nối về đầu tư giữa thị trường Hồng Kông và Việt Nam, với mục tiêu là huy động vốn trên thị trường quốc tế về đầu tư tại Việt Nam, tạo ra một công cụ hỗ trợ quá trình hội nhập và phát triển của thị trường vốn Việt Nam và thị trường vốn quốc tế.

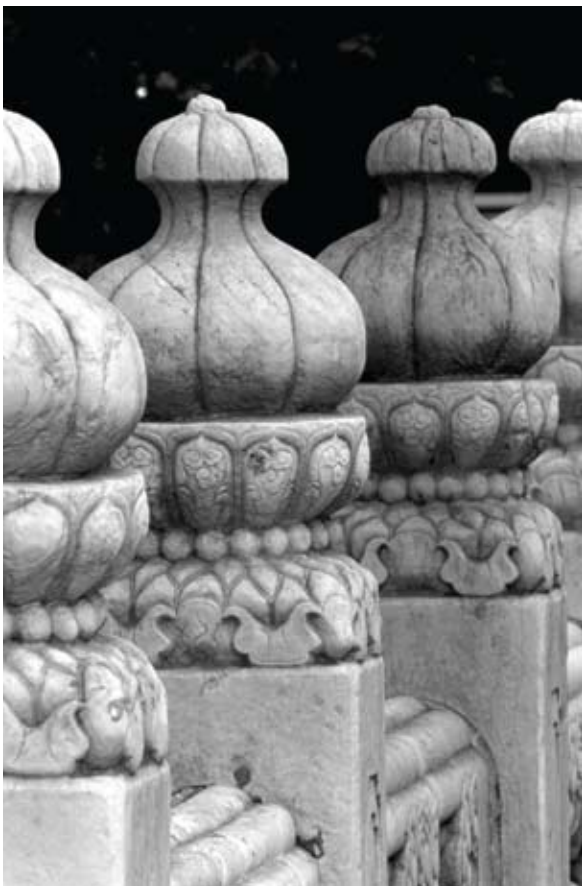
Tại thị trường Nga, BIDV và ngân hàng Ngoại thương Nga (VTB) đã đạt được thống nhất về kế hoạch tăng vốn điều lệ Ngân hàng liên doanh Việt Nga (VRB) lên 62.5 triệu USD vào tháng 01/2008 nhằm đáp ứng yêu cầu về tăng năng lực tài chính của Ngân hàng và tạo cơ sở cho việc thành lập Ngân hàng con của VRB tại Matxcova trong thời gian tới. Nhằm thực hiện vai trò cầu nối thúc đẩy thương mại và đầu tư giữa hai nước, hỗ trợ cộng đồng người Việt tại Nga, hỗ trợ các doanh nghiệp Nga tìm kiếm các cơ hội đầu tư tại Việt Nam. BIDV đánh giá Nga là một thị trường nhiều triển vọng và sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư và hỗ trợ đầu tư vào thị trường này.

BIDV đang thực hiện các bước khảo sát đề án thành lập ngân hàng hoặc công ty đầu tư tài chính tại Séc, nơi cộng đồng người Việt có số lượng khá lớn và tiềm lực tài chính vững chắc, nhằm mục đích hỗ trợ hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam tại Séc và Đông Âu, tăng cường vai trò của mình trong việc thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và khu vực Đông Âu.

Phát triển mạng lưới phi ngân hàng thông qua hoạt động liên doanh, đầu tư góp vốn là một trong những trọng tâm



PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI



của BIDV. Năm 2007, BIDV đã hoàn tất các thủ tục thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính BIDV (BFI), Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC), Công ty Cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV (BEDC); tiếp tục củng cố hoạt động Công ty liên doanh Quản lý đầu tư BIDV- Vietnam Partners (BVIM), Công ty Thuê mua tài chính (BLCI và II), Công ty chứng khoán (BSC), xúc tiến dự án thành lập Bệnh viện Masep,... Đặc biệt trong năm 2007, BIDV đã tận dụng cơ sở vật chất của các chi nhánh đã phát triển mạng lưới Công ty Bảo hiểm BIC, đã đưa số chi nhánh của BIC lên 12 chi nhánh cùng với 27 phòng kinh doanh khu vực và gần 800 đại lý bảo hiểm. Việc tích cực phát triển hoạt động của BIDV trên các lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, chứng khoán... là minh chứng rõ nhất cho những nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên BIDV trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, góp phần mở rộng hoạt động của toàn hệ thống phù hợp với việc chuyển đổi sang mô hình Tập đoàn Tài chính Ngân hàng, nhanh chóng thích nghi và nắm bắt những thời cơ mới, vận hội mới của tiến trình hội nhập.

Phát triển mạng lưới và xây dựng nguồn nhân lực là hai yếu tố không tách rời nhau trong quá trình phát triển của bất kỳ tổ chức kinh tế nào. Nhận thức rõ điều đó, BIDV đã và đang chú trọng đến công tác tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực một cách bài bản và chuyên nghiệp. Chính sách phát triển nguồn nhân lực của BIDV trong năm qua đã rất linh hoạt giúp phát huy được hiệu suất làm việc và gây dựng nên bộ mặt mới năng động cho toàn bộ mạng lưới BIDV. Thông qua việc bố trí cán bộ làm việc tại Hội sở chính và các đơn vị thành viên cũng như việc luân chuyển cán bộ một cách năng động và phù hợp với tình hình mới, BIDV đã đáp ứng được nhu cầu công việc cho từng bộ phận, đồng thời phát huy được tối đa năng lực làm việc của từng cán bộ nhân viên.

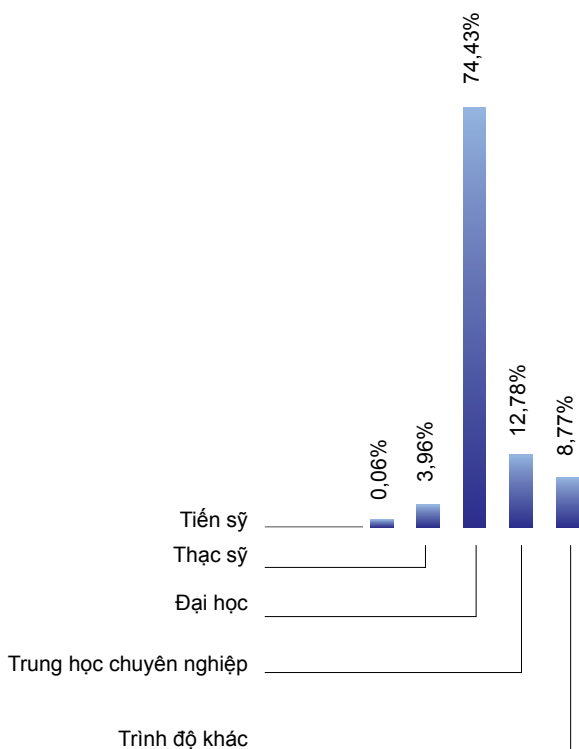
Chính sách đãi ngộ của BIDV không chỉ cố gắng đảm bảo mọi quyền lợi của người lao động về lương và thu nhập theo hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị, mà còn theo hướng tích cực đổi mới phong cách làm việc, tăng cường trao đổi thông tin giữa Hội sở chính và các đơn vị thành viên để chủ động tiếp cận, đề xuất khen thưởng kịp thời, động viên xứng đáng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc nhằm tăng cường khả năng lao động của tập thể và cá nhân có những đóng góp nổi trội trong hoạt động của đơn vị. Trong năm 2007 Tổ chức Công đoàn toàn hệ thống đã có những chương trình hoạt động sôi nổi cụ thể thiết thực, gắn với công tác chuyên môn ở các đơn vị cũng như trong toàn hệ



thống, thu hút đông đảo cán bộ tham gia, trở thành diễn đàn lành mạnh cho cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống. Các hoạt động văn hoá, thể thao, các sinh hoạt đoàn thể của công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ được chăm lo thoả đáng trên nguyên tắc hiệu quả thiết thực và tiết kiệm chi phí. Kết thúc năm 2007, kết quả của phong trào thi đua nói chung đã được thể hiện thông qua kết quả hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh của từng đơn vị và của toàn hệ thống; hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học, xây dựng và ban hành các quy trình nghiệp vụ trên các mặt hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, trước yêu cầu củng cố đội ngũ cán bộ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phát triển, công tác Tổ chức cán bộ đã được quan tâm đúng mức. Hiện nay, BIDV đã có một đội ngũ nhân sự lớn mạnh với 11.585 người (tính đến 31/12/2007), trong đó độ tuổi bình quân toàn hệ thống là 32,8 tuổi, tỷ lệ cán bộ ở độ tuổi dưới 30 là 56,25%, đã được đào tạo cơ bản về tài chính ngân hàng, tỷ lệ cán bộ có trình độ Đại học và trên Đại học đạt 78,45%, 246 cán bộ được đào tạo chính trị cao cấp và cử nhân.

Biểu đồ cơ cấu lao động theo trình độ tại thời điểm 31/12/2007



Đội ngũ nhân sự của BIDV thường xuyên được đào tạo và đào tạo lại, đào tạo cả trong nước lẫn nước ngoài, cập nhật kiến thức và thực tiễn kinh doanh mới, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học... để mỗi nhân viên đều trở thành một lợi thế cạnh tranh của BIDV trong tình hình mới. Trong năm 2007, BIDV đã tiến hành tổ chức tổng cộng 172 khóa đào tạo cho tổng số học viên 8045 người trên các lĩnh vực như Quản trị điều hành, Nghiệp vụ ngân hàng, Hỗ trợ đào tạo theo yêu cầu chi nhánh, Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin và Dịch vụ, Thương hiệu và Quan hệ công chúng... BIDV cũng đã phối hợp với Sở giao dịch III và TTĐT xây dựng kế hoạch triển khai các khoá đào tạo từ nguồn tài chính nông thôn II; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo năm 2008 từ nguồn Dự án Tài chính nông thôn 2 - khoản vay 1 triệu USD (đã được WB phê duyệt đầu tháng 12/07). Ngoài ra, BIDV đã cử hơn 1000 lượt cán bộ tham gia các khoá đào tạo, khảo sát, hội nghị, hội thảo tại các cơ sở đào tạo, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo các chương trình cần thiết và hữu ích cho hoạt động Ngân hàng, trong đó, ngoài nước có 130 đoàn với 940 lượt cán bộ; trong nước có 34 khoá với 131 lượt cán bộ. Công tác đào tạo bài bản được tiến hành, phối hợp và quản lý bởi Trung tâm đào tạo của BIDV đã tạo ra tiền đề vững chắc cho việc xây dựng một đội ngũ nhân viên thực sự năng động, chuyên nghiệp, nhạy bén, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và chuẩn bị sẵn sàng cho công cuộc hội nhập sâu rộng hơn, toàn diện hơn của BIDV.

Chiến lược quản lý nhân sự của BIDV hướng vào quản lý có tính khoa học, xem xét cơ chế chính sách và yêu cầu quản trị điều hành sau khi chuyển sang hoạt động của Ngân hàng cổ phần và mô hình tổ chức của Tập đoàn để điều chỉnh bổ sung chế độ chính sách sao cho quyền lợi của người lao động được đảm bảo một cách tối đa. Mặt khác, chuẩn bị cho tiến trình cổ phần hóa, BIDV dự kiến sẽ thống nhất một khung kế hoạch về đào tạo nguồn nhân lực, bố trí các chuyên gia nước ngoài trực tiếp tham gia vào các vị trí trong mạng lưới kinh doanh của BIDV và của cả Tập đoàn; đồng thời tập trung hoàn thiện cơ chế đào tạo, khen thưởng, khuyến khích, thăng cấp đối với người lao động để thu hút nhân tài, coi họ là nguồn tài nguyên quý trong quá trình phát triển toàn hệ thống. Với mục tiêu phấn đấu trở thành tập đoàn tài chính – tín dụng mạnh, ngang tầm các ngân hàng tiên tiến trong khu vực trong giai đoạn 2006-2010, Ban lãnh đạo BIDV đã khẳng định rõ vai trò của công tác phát triển mạng lưới và xây dựng nguồn nhân lực là nòng cốt nhằm xây dựng một kênh phân phối hiệu quả các sản phẩm dịch vụ của BIDV tới mọi đối tượng khách hàng.

SẴN SÀNG CỔ PHẦN HOÁ

Ngay sau lễ ký kết Hợp đồng Tư vấn tài chính ngày 16/7/2007, BIDV và Morgan Stanley đã hợp khởi động Dự án và thống nhất với Tư vấn về chương trình, kế hoạch, cách thức phối hợp thực hiện, triển khai từng cấu phần công việc trên cơ sở bám sát các điều khoản, điều kiện trong Hợp đồng tư vấn tài chính.






Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại thông báo số 03/TB-VPCP ngày 04/01/2007 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp thường trực Chính phủ đối với chương trình cổ phần hoá các Ngân hàng thương mại nhà nước, Ngân hàng ĐT&PT VN đã nhanh chóng thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa BIDV gồm các thành viên chủ chốt của BIDV và mời đại diện của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng Công ty đầu tư và quản lý vốn nhà nước, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tham dự. Đồng thời BIDV đã bố trí nhân sự có năng lực tham gia Dự án Cổ phần hóa với nhiệm vụ chính là triển khai thực hiện và giúp việc cho Ban chỉ đạo.

Cùng với việc hoàn thiện bộ máy tổ chức, BIDV đã xem xét phê duyệt Kế hoạch chi tiết cổ phần hoá BIDV. Với nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện các công tác chuẩn bị sẵn sàng cho cổ phần hóa và hoàn thiện cơ bản đề án hình thành tập đoàn Tài chính Ngân hàng Việt nam sau hơn một năm triển khai một cách chủ động và tích cực, với sự trợ giúp của các cơ quan Bộ và Chính phủ, đến nay Ngân hàng ĐT&PT VN đã đạt được những bước tiến quan trọng trong quá trình chuẩn bị cho cổ phần hóa và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

BIDV xác định rõ việc thuê Tư vấn Tài chính hỗ trợ cổ phần hoá BIDV chính là một bước chuẩn bị mang tính then chốt, quyết định sự thành công của quá trình cổ phần hoá, do vậy BIDV đã thực hiện quá trình đấu thầu lựa chọn tư vấn một cách công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các thông lệ quốc tế. Kết quả, Morgan Stanley – một trong những định chế tài chính hàng đầu thế giới – đã được lựa chọn làm đơn vị tư vấn tài chính thực hiện cổ phần hóa. BIDV cũng đã thực hiện ký hợp đồng thuê công ty luật đẳng cấp quốc tế White&Case và công ty YKVN Việt Nam tư vấn các vấn đề pháp lý đồng thời tiếp tục ký hợp đồng với công ty

kiểm toán Ernst&Young thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2007.

Ngay sau lễ ký kết Hợp đồng Tư vấn tài chính ngày 16/7/2007, BIDV và Morgan Stanley đã hợp khởi động Dự án và thống nhất với Tư vấn về chương trình, kế hoạch, cách thức phối hợp thực hiện, triển khai từng cấu phần công việc trên cơ sở bám sát các điều khoản, điều kiện trong Hợp đồng tư vấn tài chính. Sau 6 tháng phối hợp thực hiện, đến nay các cấu phần của Dự án cổ phần hóa BIDV đã được triển khai tương đối thuận lợi và theo đúng tiến độ cam kết. Kết quả tóm tắt như sau:

-  Hoàn thành việc đánh giá khảo sát thực trạng BIDV bao gồm đánh giá khảo sát về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, tổ chức và pháp lý.
-  Hoàn thành cơ bản việc xác định giá trị doanh nghiệp BIDV theo các phương pháp định giá theo thông lệ quốc tế; hiện đang triển khai định giá theo phương pháp tài sản bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Nghị định 109/2007/NĐ-CP về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang công ty cổ phần;
-  Đang tích cực rà soát để thống nhất nội dung Bản công bố thông tin (IM) và danh sách các nhà đầu tư chiến lược tiềm năng;
-  Đã tiếp nhận báo cáo của Tư vấn về Phương án cổ phần hóa và đang triển khai rà soát, hoàn thiện;
-  Xây dựng kế hoạch, chương trình phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng trong nước (IPO trong nước) và đang triển khai các công việc chuẩn bị cần thiết, bảo đảm IPO vào thời điểm thích hợp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.



Đồng thời với quá trình chuẩn bị cổ phần hóa, BIDV đã chủ động thực hiện các hoạt động nhằm hỗ trợ cho quá trình cổ phần hóa, bao gồm:



Lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao chất lượng hoạt động hướng tới chuẩn mực quốc tế. Nỗ lực giải quyết phần lớn nợ xấu còn tồn đọng từ các năm trước bằng các biện pháp kết hợp và làm sạch bảng cân đối đồng thời thực hiện trích lập tối đa dự phòng rủi ro qua đó đã giảm tỷ lệ nợ xấu xuống dưới 4% theo cả tiêu chuẩn kế toán Việt nam (IAS) và tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Ngoài ra, với việc được cấp bổ sung 3.400 tỷ VND vốn điều lệ trong năm 2007, chỉ số An toàn vốn của BIDV đã đạt mức > 6,7% theo tiêu chuẩn quốc tế.



Thực hiện minh bạch hóa thông tin tài chính quản trị hướng tới thông lệ quốc tế. BIDV đã thuê Moody's tiếp tục thực hiện định hạng tín dụng và tiếp tục đạt mức định hạng trần quốc gia. Năm 2007 cũng là năm thứ 12 liên tiếp BIDV thực hiện kiểm toán theo cả IAS và IFRS và công bố các kết quả kiểm toán này đồng thời trong báo cáo thường niên. BIDV cũng đã thuê tư vấn quốc tế hỗ trợ và là ngân hàng Việt nam đầu tiên hoàn thiện việc xây dựng và áp dụng hệ thống định hạng tín dụng nội bộ theo thông lệ quốc tế



Đổi mới công tác quản trị điều hành, quản lý kinh doanh và mô hình hoạt động. Hoàn thiện Đề án chuyển đổi mô hình tổ chức theo khuyến nghị của Dự án TA2 do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ đã tạo cơ sở cho việc đổi mới trong vận hành và quản lý. Đây cũng là cơ sở quan trọng trong chuyển đổi căn bản hoạt động của BIDV từ phân tán theo chiều ngang sang tập trung theo chiều dọc (theo sản phẩm và khách hàng). BIDV đã thực hiện xây dựng chi nhánh bán buôn và chi nhánh bán lẻ đồng thời có sự phân tách hoạt động giữa các chi nhánh bán buôn và bán lẻ trên địa bàn các thành phố lớn. Triển khai thành công cơ chế quản lý vốn tập trung, chuyển đổi thành công mô hình tổ chức quản lý hoạt động theo hệ thống



Bên cạnh đó, được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1132/TTg-ĐMDN về việc cho phép BIDV xây dựng Đề án thí điểm mô hình tập đoàn tài chính trình Chính phủ trong tháng 9/2007 để xem xét, quyết định, BIDV đã thành lập tổ công tác xây dựng Đề án hình thành Tập đoàn tài chính – ngân hàng Việt Nam triển khai thực hiện ngay từ đầu các nội dung công việc có liên quan. Cùng với đại diện các Bộ, Ban Ngành liên quan, tổ công tác xây dựng Đề án tập đoàn đã thực hiện các chuyển công tác khảo sát kinh nghiệm cũng như mô hình hoạt động thực tế của các tập đoàn tài chính – ngân hàng tại Hàn Quốc, Đài Loan để xây dựng đề án xây dựng BIDV thành tập đoàn tài chính - ngân hàng cùng với đề án cổ phần hoá.

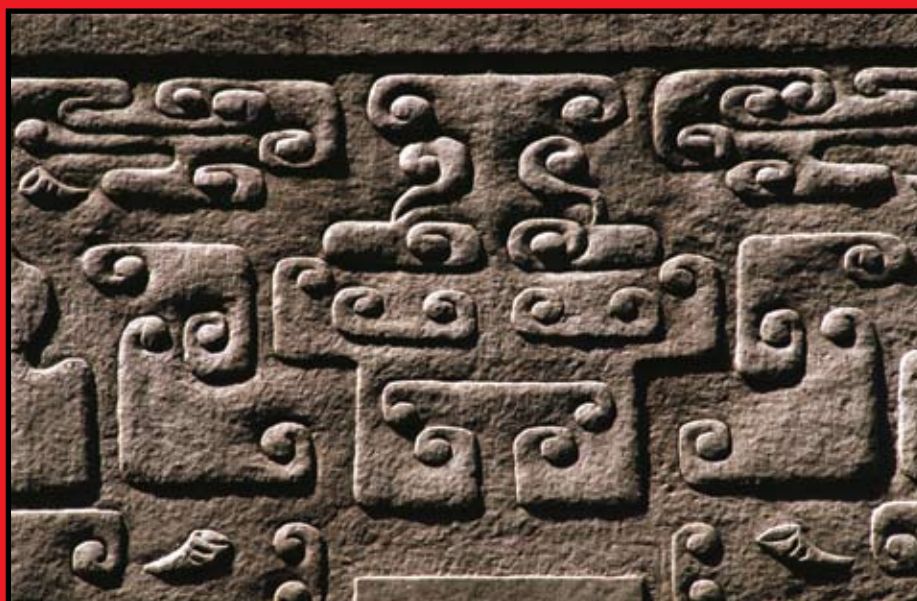
Trên cơ sở Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn tài chính ngân hàng Việt Nam trình Chính phủ, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 230/TB-VPCP ngày 12/11/2007 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng *giao Ngân hàng ĐT&PT VN khẩn trương chuẩn bị các điều kiện hoạt động của Tập đoàn như điều lệ, quy chế tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự để hình thành Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Việt Nam cùng với cổ phần hóa Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam.* Hiện nay, BIDV đang hoàn thiện các nội dung liên quan để trình Chính phủ xem xét quyết định trong 6 tháng đầu năm 2008.

HƯỚNG TỚI MÔ HÌNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI

BIDV là ngân hàng thương mại Nhà nước có bề dày lâu đời nhất trong hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam. Qua chặng đường 51 năm xây dựng và trưởng thành, từ một ngân hàng chuyên ngành, đến nay BIDV đã trở thành Ngân hàng thương mại Nhà nước hàng đầu Việt Nam, hoạt động theo mô hình tổng công ty nhà nước hạng đặc biệt với tính hệ thống thống nhất cao.

Trong 12 năm trở lại đây (giai đoạn 1995-2007), BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản theo hướng một NHTM đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực, với các trụ cột chính là hoạt động NHTM, bảo hiểm và đầu tư tài chính. Tuy nhiên, trước đòi hỏi đổi mới sâu rộng về thể chế nhằm chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, qua 12 năm hoạt động theo mô hình Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp hạng đặc biệt, BIDV đã và đang bộc lộ những bất cập về tổ chức nên đã hạn chế không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh, khả năng cạnh tranh và năng lực cung ứng các dịch vụ tài chính hỗ trợ cho nền kinh tế. Trong tình hình đó đòi hỏi BIDV cần cải cách thay đổi cơ bản mô hình tổ chức và mô hình quản lý; cải cách thể chế để tăng năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.





Được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nhận định xu thế phát triển tất yếu của các NHTM quốc doanh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, cân nhắc vị trí, vai trò mũi nhọn của BIDV trong công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển kinh tế đất nước, tham khảo kinh nghiệm quốc tế, lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các chuyên gia trong và ngoài nước, BIDV xây dựng Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại BIDV và các đơn vị thành viên. Với bản đề án quan trọng này, BIDV sẽ không ngừng nỗ lực thực hiện cải cách nhằm hiện thực hoá mục tiêu trở thành một tập đoàn tài chính ngân hàng vững mạnh, đáp ứng giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế và hướng theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế.



KẾ HOẠCH 2008



BIDV đang hướng tới xây dựng mô hình tập đoàn tài chính – ngân hàng với 2 trụ cột chính Ngân hàng – Bảo hiểm sau khi cổ phần hoá và theo đó sẽ tập trung tăng cường quy mô hoạt động, năng lực các đơn vị thành viên, tăng vốn điều lệ cho các công ty chứng khoán, bảo hiểm, mở rộng mạng lưới hoạt động bảo hiểm...



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH DOANH 2008-2010.

Kinh doanh Ngân hàng

Phát triển một hệ thống ngân hàng dịch vụ đa dạng và toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của Việt Nam bằng việc tiếp tục cải tiến chất lượng và hiệu quả của dịch vụ ngân hàng truyền thống, bắt kịp hệ thống ngân hàng hiện đại và cung cấp các dịch vụ tài chính có sử dụng công nghệ cao, có thể cung cấp các dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

Phát triển hệ thống ngân hàng dịch vụ đa dạng có sự liên kết chặt chẽ giữa dịch vụ tín dụng và dịch vụ phi tín dụng, và giữa dịch vụ ngân hàng và dịch vụ tài chính phi ngân hàng để cung cấp các dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế với giá cả cạnh tranh.

Mở rộng lĩnh vực dịch vụ tài chính, trong đó ưu tiên phát triển dịch vụ cho các nhóm đối tượng trung lưu và đối tượng có thu nhập cao hoặc đối tượng khách hàng trẻ tuổi.

Kinh doanh Bảo hiểm

Phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm, mạng lưới bảo hiểm liên kết chặt chẽ với mạng lưới Chi nhánh ngân hàng thương mại, mạng lưới các công ty con của tập đoàn.

Đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh, chú trọng việc sử dụng các chỉ tiêu phi kinh doanh để đánh giá hoạt động của công ty BIC như: tiến độ hoàn thiện

quy trình nghiệp vụ, số lượng sản phẩm mới, thời gian xử lý nghiệp vụ...

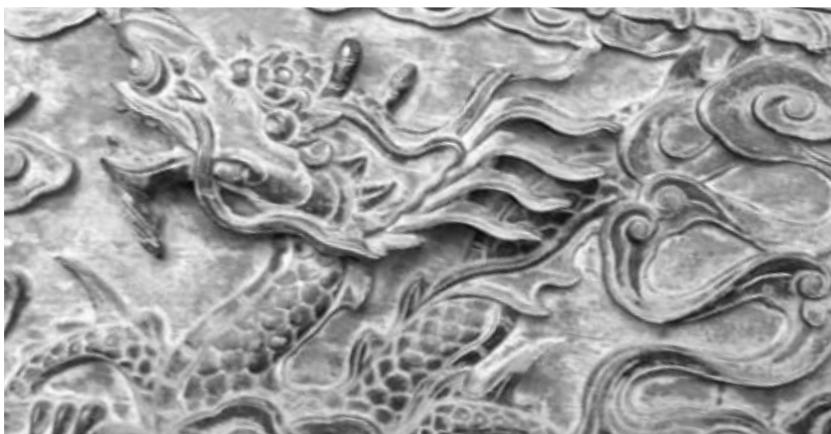
Mở rộng nền khách hàng trong đó tập trung khai thác tối đa nền khách hàng của BIDV và mở rộng ra các khách hàng trong nền kinh tế nhằm mục tiêu tiêu tăng trưởng thị phần, mở rộng thị trường,

Triển khai áp dụng các sản phẩm mới và khai thác tối đa các lợi thế cạnh tranh của công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên cơ sở hoàn thiện công nghệ. Thị phần bảo hiểm phi nhân thọ đạt 6% vào năm 2010.

Kinh doanh chứng khoán

Đẩy mạnh hoạt động bảo lãnh phát hành, nâng cao năng lực của công ty trong hoạt động bảo lãnh phát hành, tập trung tìm kiếm các thương vụ có giá trị lớn. Cung cấp các dịch vụ, tư vấn tài chính và đầu tư hàng đầu Việt Nam với thị phần chung chiếm 15% - 20% vào năm 2010.

Đảm bảo an toàn và không ngừng phát triển nguồn vốn, doanh thu, thu nhập và lợi nhuận cao, tăng trưởng vững mạnh các hoạt động: môi giới, tự doanh, quản lý danh mục đầu tư, bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư tài chính và chứng khoán.



KẾ HOẠCH 2008

Tạo bước đột phá trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại trong giao dịch với mục tiêu công nghệ phải tạo bước đột phá mạnh để chiếm lĩnh lợi thế kinh doanh và tạo sức cạnh tranh tạo lập thị phần ưu thế.

Hình thành và phát triển các loại hình quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán.

Phát triển mạng lưới kinh doanh phù hợp với các khu vực, tỉnh, thành phố có nhiều tiềm năng và triển vọng trong kinh doanh, xây dựng hệ thống các sàn giao dịch, điểm giao dịch có vị trí thuận tiện, đủ đảm bảo yêu cầu phục vụ đa dạng nhiều loại khách hàng.

Kinh doanh đầu tư tài chính

Các quỹ đầu tư

- o Đẩy mạnh liên kết với các tập đoàn lớn trong nước cũng như các tổ chức đầu tư quốc tế hình thành các quỹ đầu tư trong các ngành năng lượng, viễn thông, kinh doanh bất động sản; năng lượng, cơ sở hạ tầng...
- o Xúc tiến liên kết với các đối tác nước ngoài có danh tiếng trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư thành lập các công ty quản lý quỹ hàng đầu trong nước trên cơ sở cung cấp dịch vụ tốt nhất; quản lý quỹ minh bạch, theo chuẩn mực và tiêu chuẩn quốc tế.
- o Đa dạng danh mục đầu tư, tìm kiếm dự án đầu tư có hiệu quả để đầu tư, tìm kiếm các đối tác góp vốn để đầu tư và khai thác trên từng lĩnh vực. Mở rộng các dự án đầu tư và mở rộng các đối tượng khách hàng để đẩy mạnh quy mô – tốc độ phát triển.

Các công ty đầu tư tài chính

- o Khai thác tốt các sản phẩm dịch vụ tài chính, cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ cho các dự án và khách hàng mục tiêu: ủy thác, quản lý danh mục; tư vấn tài chính doanh nghiệp, đầu tư tài chính và các dịch vụ khác thuộc tài chính công ty ...

- o Tìm hiểu các đối tác góp vốn để cùng đầu tư, khai thác trên từng lĩnh vực. Tìm kiếm các dự án đầu tư hiệu quả để mở rộng và phát triển đầu tư đẩy mạnh quy mô tốc độ phát triển.

Cho thuê tài chính

Trở thành Công ty cho thuê tài chính hàng đầu Việt Nam. Mở rộng mạng lưới hoạt động phù hợp với nhu cầu phát triển. Mở rộng khách hàng trong và ngoài ngành, đẩy mạnh quy mô, tốc độ thị trường và thị phần.

Đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng cung cấp dịch vụ đến khách hàng là cá nhân, cung cấp nguồn dịch vụ chất lượng cho thị trường mục tiêu. Đảm bảo an toàn hoạt động, phát triển nguồn vốn – doanh thu – thu nhập và lợi nhuận cao.

Để thực hiện các mục tiêu đề ra, BIDV sẽ đặc biệt chú trọng vào lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực và công nghệ thông tin trong giai đoạn 2008-2010 để tăng cường hiệu quả hoạt động và lợi nhuận. Đồng thời, song song với việc chuẩn hóa theo các chuẩn mực quốc tế, BIDV cũng có kế hoạch cụ thể nhằm xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp trong chiến lược phát triển thương hiệu của BIDV. Đây là giai đoạn hứa hẹn chứng kiến sự bứt phá ngoạn mục của BIDV so với các ngân hàng thương mại khác.



MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2008

“Tập trung hoàn thành tốt nhất công tác cổ phần hoá BIDV và chuyển đổi mô hình tổ chức thành Tập đoàn tài chính ngân hàng. Nghiêm túc thực thi có hiệu quả việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước góp phần ổn định giá trị đồng tiền, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Toàn hệ thống quyết tâm tăng tốc, bứt phá, thực hiện cao nhất kế hoạch kinh doanh năm 2008 tạo bước chuyển biến trong hoạt động kinh doanh phù hợp với mô hình tổ chức cổ phần và tập đoàn tài chính ngân hàng, đồng thời tiếp tục phát triển quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, tăng trưởng bền vững theo mục tiêu kế hoạch chiến lược đề ra”.

Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản năm 2008

Nhóm chỉ tiêu về quy mô

- o Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản: 23%/năm
- o Tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân: 17%/năm
- o Tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân: 25%/năm

Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

- o ROA: 1,08%
- o ROE: 14,6%
- o CAR: >8%

Nhóm chỉ tiêu cơ cấu chất lượng

- o Tỷ lệ nợ xấu: <3%

NHIỆM VỤ NĂM 2008

Thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá BIDV, đề xuất tiếp nhận và có phương án sử dụng có hiệu quả thặng dư phát hành cổ phiếu; hoàn thành quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động phù hợp với mô hình tổ chức, quản lý của tập đoàn tài chính ngân hàng.

Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh các lĩnh vực hoạt động kinh doanh như chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư tài chính...; nâng cao năng lực tài chính và năng lực cạnh tranh; áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong quản trị điều hành.

Nâng cao năng lực quản trị rủi ro thông qua chuẩn hoá các quy trình, thủ tục quản lý và tác nghiệp.

Phát triển chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có năng lực chuyên môn vừa có đạo đức nghề nghiệp và đảm bảo các lợi ích của người lao động; xây dựng, phát triển văn hoá BIDV.

Hoàn thành chiến lược phát triển thương hiệu, triển khai quảng bá đồng bộ thương hiệu mới, chiến lược tiếp thị đưa hình ảnh tập đoàn đến khách hàng và đối tác trong và ngoài nước; thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán trong nước và quốc tế.

Phát triển mạng lưới kênh phân phối sản phẩm, đa dạng hoá lĩnh vực đầu tư, từng bước gia tăng ảnh hưởng và giá trị của BIDV trên thị trường tài chính; tập trung định hình và hoàn thiện mạng lưới kinh doanh ngân hàng, bảo hiểm, ATM, POS, gia tăng đầu tư chứng khoán; đẩy mạnh đầu tư các dự án có ưu thế trong cạnh tranh sau khi Việt Nam gia nhập WTO ở các lĩnh vực năng lượng, hạ tầng kỹ thuật, cảng biển, bất động sản; đẩy mạnh hoạt động ngân hàng bán lẻ.

Xây dựng chiến lược công nghệ thông tin đến 2010, dự án hiện đại hoá ngân hàng giai đoạn 2008-2012 và tầm nhìn đến 2015, xây dựng hệ thống thông tin quản lý MIS hiện đại.







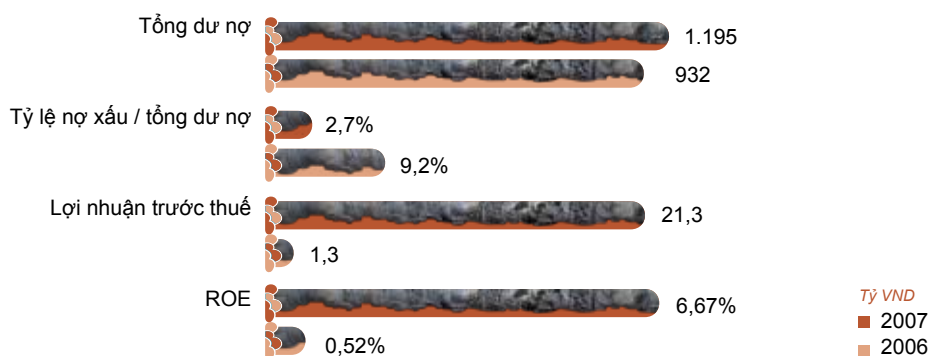
HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH



Năm 2007, hoạt động kinh doanh của BLC vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định và đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao: Đến 31/12/2007, tổng dư nợ cho thuê tài chính đạt 1.195 tỷ VND, tăng 28% so với mức thực hiện năm 2006. Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ là 2,7% giảm mạnh so với năm 2006. Trong năm 2007, Công ty trích dự phòng rủi ro được 82,2 tỷ VND và lợi nhuận trước thuế đạt 21,3 tỷ VND, tăng hơn 16 lần so với năm 2006.

Để hỗ trợ Công ty tăng cường năng lực tài chính và tạo lợi thế về quy mô nhằm sớm giành lại thị phần cho thuê tài chính, BIDV sẽ thực hiện cấp bổ sung nâng vốn điều lệ cho BLC trong năm 2008.

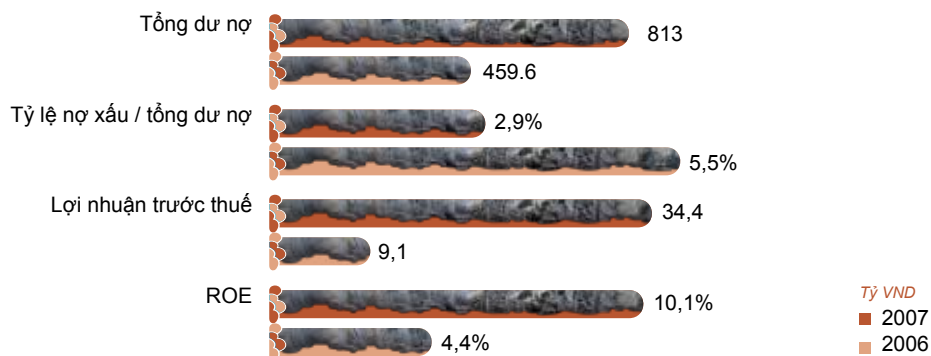


CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH II



Năm 2007, hoạt động kinh doanh của Công ty đạt kết quả khả quan, các chỉ tiêu chất lượng và hiệu quả hoạt động tăng trưởng so với năm 2006 và vượt kế hoạch giao năm 2007. Cụ thể các mặt hoạt động như sau:

Đến 31/12/2007, tổng dư nợ cho thuê tài chính đạt 813 tỷ VND, tăng 76,9% so với năm 2006. Tỷ lệ nợ xấu là 2,9%, giảm so với năm 2006. Công ty thực hiện trích dự phòng rủi ro đến 31/12/2007 là 21,1 tỷ VND, tăng 7% so với năm 2006. Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 34,4 tỷ VND, tăng 278% so với năm 2006. Chỉ tiêu ROE ở mức tương đối tốt, đến 31/12/2007 đạt 10,1%.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

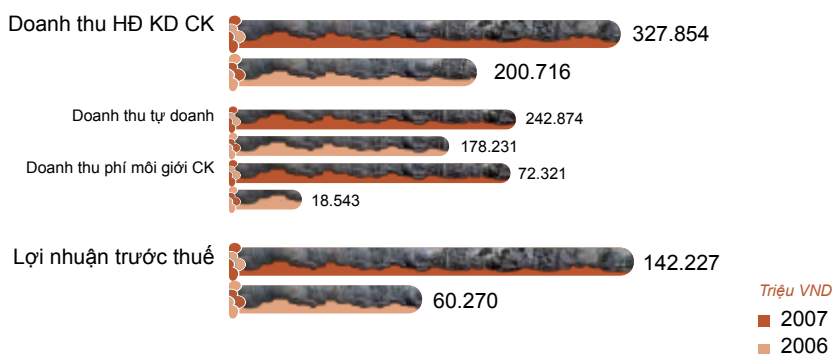
BSC - CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Được thành lập năm 2000 với mức vốn điều lệ ban đầu là 55 tỷ VND, BSC là một trong hai công ty chứng khoán được cấp phép hoạt động đầu tiên trên thị trường và thực hiện đầy đủ các chức năng của công ty chứng khoán. Sau bảy năm hoạt động, BSC đã có nhiều bước trưởng thành và là một trong những công ty chứng khoán lớn nhất trên thị trường với vốn điều lệ là 700 tỷ VND.

Năm 2007, thị trường chứng khoán Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp và chịu tác động khá mạnh mẽ của những chính sách và sự kiện quan trọng. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đạt được kết quả khả

quan, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và có những bước tăng trưởng vượt bậc so với năm 2006.

Một số chỉ tiêu hoạt động chính của công ty: Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán gấp 1,6 lần doanh thu năm 2006. Trong đó, hoạt động môi giới của BSC tiếp tục có bước tăng trưởng cao, đạt gấp gần 4 lần. Doanh số hoạt động môi giới qua BSC tiếp tục duy trì ở mức trên 10% tổng doanh số toàn thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 142.2 tỷ VND và tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân đạt 17,3%.



Đề duy trì vị thế và phát triển trong môi trường cạnh tranh gay gắt, BSC đã không ngừng đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh xây dựng và phát triển mạng lưới. Mục tiêu của BSC từ nay đến 2010 là trở

thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường chứng khoán Việt Nam với phương châm phát triển kinh doanh bền vững trên cơ sở hoạt động có bài bản và chuẩn mực.

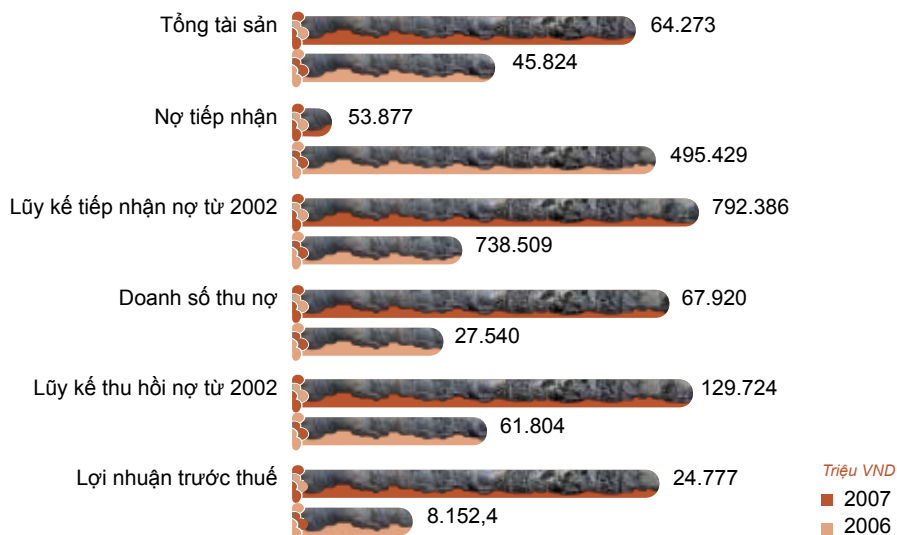


BAMC - CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN BIDV

Năm 2007, do BIDV đã cơ bản hoàn thành việc xử lý nợ theo Quyết định 149/2001/QĐ-TTg nên BAMC đã không nhận chuyển giao thêm nợ mà tập trung vào việc thu hồi các khoản nợ đã được tiếp nhận từ những năm trước. Tính đến thời điểm 31/12/2007, tổng khoản nợ BAMC thu hồi được khoảng 67,9 tỷ VND tăng gần gấp 3 lần so với

năm 2006 do đó lợi nhuận trước thuế đạt 24,8 tỷ VND tăng gấp 3 lần so với năm 2006.

Năm 2007, tổng tài sản cũng có mức tăng trưởng vượt bậc, đạt 64 tỷ VND và tăng 42% so với mức thực hiện năm 2006.

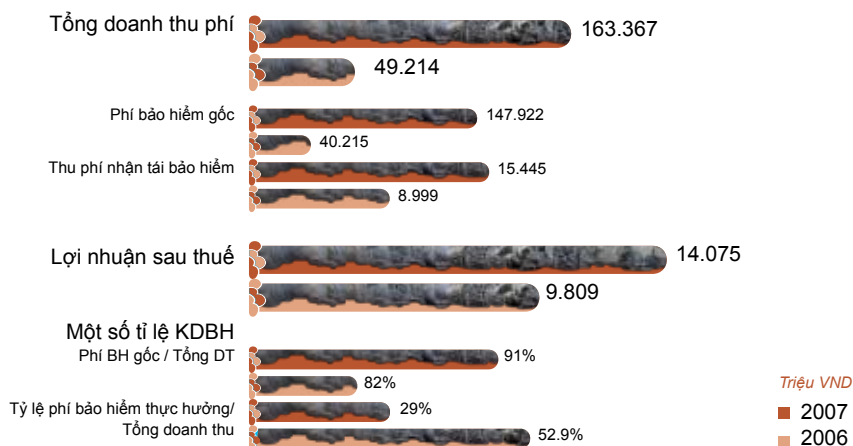


HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BIC - CÔNG TY BẢO HIỂM BIDV

Sau một năm ổn định cơ cấu tổ chức hoạt động, với mục tiêu phát triển nhanh và vững chắc để trở thành một trong 2 trụ cột chính của Ngân hàng, năm 2007 hoạt động kinh doanh của BIC đã đạt được những kết quả tương đối

khả quan. Quy mô hoạt động của BIC đã được mở rộng đáng kể xét trên cả hai tiêu chí doanh thu khai thác và thị phần.



Tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2007 đạt 163 tỷ VND, tăng 332% so với năm 2006. Xét về doanh thu phí bảo hiểm gốc, BIC luôn dẫn đầu thị trường về tốc độ tăng trưởng. Tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm gốc chiếm 91% tổng doanh thu phí và tăng 368% so với năm 2006; do đó, thị phần của BIC cũng tăng mạnh từ 0,63% năm 2006 lên 2% trong năm 2007. BIC đã đứng vào danh sách 10 công ty có doanh thu phí bảo hiểm lớn nhất (năm 2006 đứng thứ 16/21 công ty) và là Công ty có tốc độ tăng trưởng dẫn đầu thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 18.701 triệu VND.

Thành công lớn nhất đối với Công ty trong năm 2007 là đã tạo ra sự chuyển biến rõ rệt trong việc khai thác bảo hiểm gắn với các dự án tài trợ tín dụng của BIDV. Ngoài

việc từng bước hoàn thiện mạng lưới chi nhánh – phòng kinh doanh khu vực phủ kín các tỉnh thành trong cả nước, BIC cũng đã bước đầu triển khai thành công một số sản phẩm kết hợp với dịch vụ của Ngân hàng để tăng khả năng cạnh tranh so với các công ty bảo hiểm khác, bao gồm: sản phẩm BIC Bảo An bảo hiểm cho người gửi tiết kiệm tại BIDV, BIC – Bình An, bảo hiểm cho người vay vốn tại Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga (VRB). Đây là điều kiện tiền đề để triển khai đồng bộ và sâu rộng gói sản phẩm tài chính – ngân hàng - bảo hiểm trong hệ thống các chi nhánh của BIDV trong năm tới.



NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VID PUBLIC BANK

Hoạt động kinh doanh trong năm 2007 của Ngân hàng liên doanh tiếp tục đạt những bước phát triển tốt và những kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh. Kết quả hoạt động năm 2007 cho thấy Ngân hàng liên doanh đã hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu kinh doanh. Cụ thể:

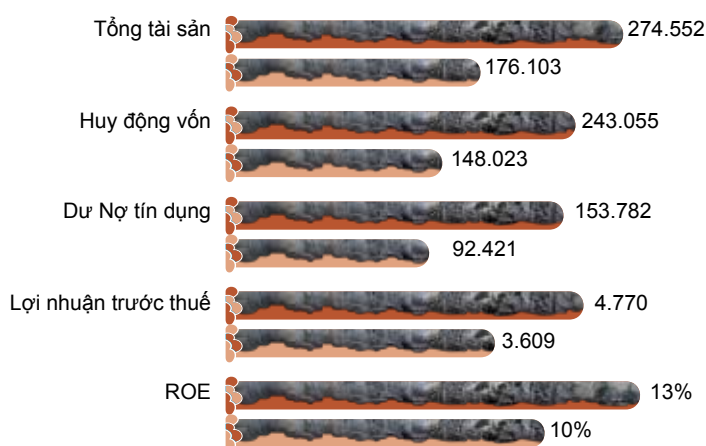
Chỉ tiêu huy động vốn được ghi nhận ở mức 243 triệu USD, tăng 64% so với 2006 và đạt 122% kế hoạch năm. Trong chỉ tiêu huy động vốn, huy động từ khối doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 75% nguồn vốn huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế.

Hoạt động tín dụng của Ngân hàng trong năm 2007 được ghi nhận với tốc độ tăng trưởng khá lớn, tăng 66% so với năm 2006 với dư nợ cuối năm là 153,5 triệu USD. Trong năm, Ngân hàng chú trọng phát triển thêm các sản phẩm tín dụng

mới như cho vay tiêu dùng, cho vay mua xe tay ga, cho vay kinh doanh chứng khoán... Hai sản phẩm cho vay mua nhà và cho vay mua ô tô vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh, chiếm khoảng 38% tổng dư nợ.

Bên cạnh việc đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng cũng quan tâm đến chất lượng tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu được duy trì ở mức khá thấp là (0,3%).

Chỉ tiêu lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt 4.770 ngàn USD, tăng 32% so với năm 2006 và đạt 112% kế hoạch năm, góp phần cải thiện đáng kể chỉ số ROE ở mức 13% so với năm 2006 là 10%.



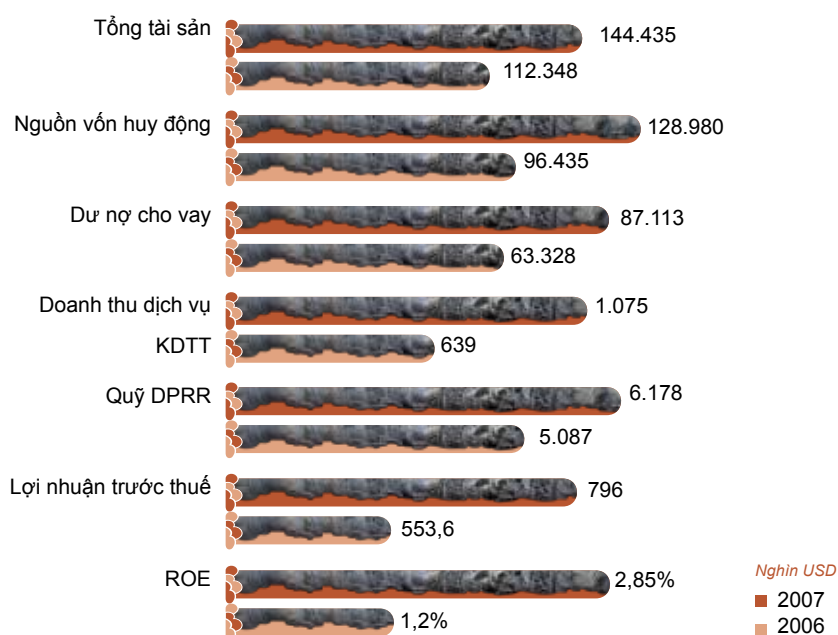
Nghìn USD
■ 2007
■ 2006



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

LVB - NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT

Hoạt động của LVB năm 2007 tiếp tục đạt những bước phát triển tốt và khả quan. Các chỉ tiêu kinh doanh cho thấy LVB đã hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao trong năm, cụ thể như sau:



Tổng tài sản đạt 144 triệu USD, tăng 29% so với cuối năm 2006

Tổng nguồn vốn huy động đạt gần 129 triệu USD, tăng 34% so với năm 2006, trong đó huy động vốn TCKT và dân cư đạt 83,4 triệu USD, tăng 77% so với năm 2006.

Dư nợ tín dụng đạt 87 triệu USD, tăng 38% so với năm 2006.

Tỷ lệ nợ quá hạn giảm so với năm 2006 (2,95% so với 3,7%), cho thấy chất lượng tín dụng LVB đã từng bước được cải thiện.

Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 796 nghìn USD, tăng 44% so với năm 2006.

Doanh thu dịch vụ tăng cao so với năm 2006 (68%), đóng góp lớn vào hiệu quả hoạt động của LVB năm 2007.

Tỷ lệ ROE đã có những cải thiện đạt 2,85%. Những chỉ tiêu này phản ánh những nỗ lực phấn đấu của LVB để cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.



BVIM

CÔNG TY LIÊN DOANH QUẢN LÝ ĐẦU TƯ BIDV – VIETNAM PARTNERS

Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV - Vietnam Partner ("Công ty") được thành lập đầu năm 2006 với chức năng quản lý các quỹ đầu tư (bao gồm cả quỹ thành lập tại nước ngoài) để đầu tư tại Việt Nam, với mức vốn điều lệ đăng ký là 2 triệu USD. Hiện tại, Công ty đang quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VIF) có tổng mức vốn cam kết là 1.406 tỷ VND với 21 nhà đầu tư và đang thực hiện huy động quỹ

song sinh từ nước ngoài với quy mô 300 triệu USD, dự kiến đóng quỹ lần đầu trong Quý I/2008.

Mặc dù thị trường chứng khoán Việt Nam, năm 2007 có những biến động bất thường, hoạt động kinh doanh của BVIM vẫn tiếp tục thu được những kết quả cao, tăng trưởng nhanh và ổn định, thể hiện ở một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu sau:



Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với việc quản lý và thực hiện đầu tư của các Quỹ do Công ty quản lý, hiện tại là quỹ VIF. Tính đến 31/12/2007, Công ty đạt doanh thu 28,2 tỷ VND, chủ yếu từ thu phí quản lý Quỹ VIF (94%). Lợi nhuận sau thuế đạt 8,5 tỷ VND với tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu là 30,25% và tỷ suất lợi

nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu là 53,77% . VIF đã huy động 1,082 tỷ VND tương đương 76,8% tổng vốn đã cam kết góp (1.406 tỷ VND), đầu tư vào 24 công ty và giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ đạt 1.5 tỷ VND (mệnh giá 1 tỷ VND).

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY LIÊN DOANH THÁP BIDV



Công ty liên doanh Tháp BIDV được thành lập năm 2005 với số vốn điều lệ đăng ký là 13,1 triệu USD. Đây là liên doanh đầu tiên của BIDV hoạt động trong lĩnh vực ngoài ngành ngân hàng tài chính, được liên doanh giữa BIDV và Bloomhill Holdings Pte (Singapore).

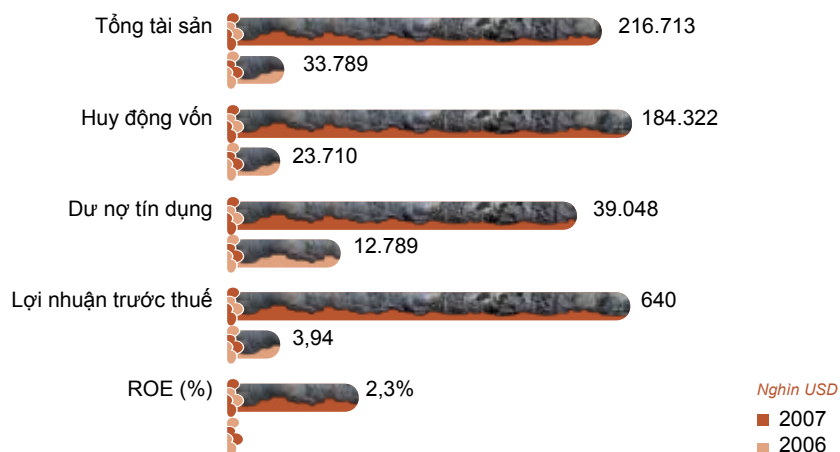
Công ty liên doanh được thành lập nhằm triển khai xây dựng, vận hành và quản lý khai thác Tháp BIDV tại địa điểm 194 Trần Quang Khải, Hà Nội. Tháp BIDV sẽ là nơi đặt trụ sở chính của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV hiện nay và Tập đoàn Tài chính Ngân hàng Việt Nam sau này, là biểu tượng cho sự phát triển mạnh mẽ của BIDV trong tương lai. Trong năm 2007, Công ty liên doanh đã tổ chức thực hiện nhiều gói thầu công việc quan trọng có ảnh hưởng lớn đến tiến độ hoàn thành và khai trương công trình. Hiện nay, Công ty liên doanh đang tích cực phối hợp với các bên tư vấn và các nhà thầu thi công để khẩn trương đưa gói thầu Thi công phần thân và lắp đặt thiết bị vào khởi công đúng dự kiến để có thể sớm hoàn thành toàn bộ tòa tháp trong năm 2009.



VRB - NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT - NGA

Hoạt động được hơn 1 năm sau ngày khai trương, với sự hỗ trợ tích cực của 2 ngân hàng mẹ đặc biệt là BIDV, VRB đã đạt được một số kết quả ban đầu, với tổng tài sản tại 31/12/2007 đạt 3.468 tỷ VND tương đương 216 triệu USD, tăng 541% so với năm 2006. Dư nợ tín dụng đạt 624 tỷ VND tương đương 39 triệu USD, tăng 205% so với năm 2006 và không có nợ xấu. Huy động vốn đạt 2.949 tỷ VND tương đương 184 triệu USD, tăng 677% so với năm 2006, trong đó huy động vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 1.521 tỷ VND. Lợi nhuận trước thuế đạt 640 nghìn USD và ROE đạt 2,3% trong năm đầu hoạt động.

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chủ yếu đạt được trong năm 2007 như sau:







Số tham chiếu: 21121/21107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất, các chính sách kế toán có liên quan và các thuyết minh đi kèm (sau đây gọi tắt là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 3 đến trang 79.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các Báo cáo Tài chính Hợp nhất

Ban Điều hành của Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Các trách nhiệm này bao gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp nhằm để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý và không có những sai sót trọng yếu, do gian lận hay thiếu sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp; và thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể.

Trách nhiệm của Công ty Kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các quy trình kiểm toán nhằm để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thông tin trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Các quy trình kiểm toán do Công ty Kiểm toán lựa chọn dựa trên các kết quả đánh giá bao gồm đánh giá mức độ rủi ro của những sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay thiếu sót. Khi thực hiện các đánh giá này, Công ty Kiểm toán xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất một cách hợp lý nhằm để xây dựng các quy trình kiểm toán phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng mục đích của kiểm toán không phải nhằm để đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp bằng chứng đầy đủ và phù hợp cho ý kiến kiểm toán.



Vấn đề Ngoại trừ

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (sau đây được gọi tắt là “Trái phiếu”) đã được Chính phủ Việt Nam cấp trong năm 2003 để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng. Các Trái phiếu này được ghi nhận ban đầu và tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán theo mệnh giá với tổng giá trị là 1.350.000 triệu đồng. Việc hạch toán như vậy không tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (“IAS 39”) – Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị, theo đó, tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Do ở Việt Nam chưa có thị trường đầy đủ cho Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nên không thể xác định một cách chính xác giá trị hợp lý của chúng. Thực hiện các quy trình kiểm toán thay thế, chúng tôi đã áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất sau thuế ước tính 5,76%/năm của các trái phiếu Chính phủ Việt Nam khác để ước tính thì giá trị hợp lý của các Trái phiếu là 961.550 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận các Trái phiếu này. Như vậy, giá trị hợp lý của các Trái phiếu thấp hơn so với mệnh giá ghi nhận trong các báo cáo tài chính hợp nhất và dẫn đến khoản giảm giá trị 388.450 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận Trái phiếu.

Sau khi ghi nhận ban đầu, IAS 39 cũng yêu cầu Ngân hàng xác định giá trị của Trái phiếu vào các năm kế tiếp theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Theo đó, chúng tôi ước tính giá trị phân bổ của các Trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.008.782 triệu đồng (2006: 995.964 triệu đồng). Giá trị này thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng trong các báo cáo tài chính hợp nhất số tiền là 341.218 triệu đồng và lỗ lũy kế cũng bị ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và của các năm tài chính trước chưa phản ánh giá trị hợp lý, khoản giảm giá trị và ảnh hưởng của việc ghi nhận tiếp theo của các Trái phiếu theo phương pháp giá trị phân bổ theo hướng dẫn của IAS 39.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008

Ernst & Young Vietnam Ltd.



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	8	15.431.166	10.921.070	15.436.384	10.921.070
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	9	(10.579.935)	(7.570.229)	(10.579.935)	(7.570.229)
THU NHẬP LÃI THUẦN		4.851.231	3.350.841	4.856.449	3.350.841
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	10	791.396	476.171	791.396	476.171
Chi phí hoạt động dịch vụ		(167.206)	(83.177)	(167.206)	(83.177)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng	11	139.647	107.725	139.647	107.725
Thu nhập từ mua/bán chứng khoán kinh doanh	12	144.334	233.374	159.830	221.513
Thu nhập từ hoạt động khác	13	239.839	107.098	2.040.945	679.910
Chi phí hoạt động khác	13	(26.786)	(25.318)	(26.786)	(25.318)
TỔNG THU NHẬP TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG		5.972.455	4.166.714	7.794.275	4.727.665
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
Chi phí nhân viên		(1.544.972)	(866.474)	(1.290.968)	(749.954)
Chi phí khấu hao		(273.626)	(220.398)	(273.626)	(220.398)
Chi phí hoạt động khác		(820.227)	(663.736)	(820.227)	(663.736)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2.638.825)	(1.750.608)	(2.384.821)	(1.634.088)
Lãi thuần từ đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh		16.629	12.406	16.629	12.406
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(3.368.071)	(2.383.323)	(3.446.172)	(2.129.508)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng		265.051	-	48.335	136.017
Thu hồi nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng		1.856.243	604.586		
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ		2.103.482	649.775	2.028.246	1.112.492
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(496.830)	(110.779)	(496.830)	(110.779)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.606.652	538.996	1.531.416	1.001.713
Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1.907)	-	(1.907)	-
Lợi nhuận ròng trong năm		1.604.745	538.996	1.529.509	1.001.713



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
TÀI SẢN					
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ		1.975.966	1.383.221	1.975.966	1.383.221
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)		8.758.166	17.688.317	8.758.166	17.688.317
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác		1.982.383	5.335.177	1.982.383	5.335.177
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác		24.006.514	17.429.351	24.006.514	17.429.351
Dự phòng cho vay TCTD khác				(55.166)	(25.400)
Chứng khoán kinh doanh	2.1	859.744	88.787	781.686	45.152
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	2.2	27.142.529	13.676.127	25.502.935	12.806.496
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán				(860)	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.3	2.309.729	2.249.024	2.309.729	2.249.024
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		31.644	-	31.644	-
Cho vay và ứng trước khách hàng, sau khi trừ dự phòng rủi ro tín dụng	3	125.595.744	93.453.121	129.079.350	97.201.778
Trong đó: Cho vay khách hàng	3	131.983.554	98.638.838	131.983.554	98.638.838
Dự phòng rủi ro tín dụng	4	(6.387.810)	(5.185.717)	(2.904.204)	(1.437.060)
Đầu tư góp vốn liên doanh, mua cổ phần	5	832.084	551.945	2.251.228	800.231
Tài sản cố định hữu hình		900.599	839.378	900.599	839.378
Tài sản vô hình và quyền sử dụng đất		355.931	286.644	355.931	286.644
Tài sản cố định thuê tài chính		496.694	430.179	496.694	430.179
Tài sản có khác	6	6.134.349	4.753.535	6.134.349	4.753.535
TỔNG TÀI SẢN		201.382.076	158.164.806	204.511.148	161.223.083
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN		18.229.032	16.781.239	18.229.032	16.781.239
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		3.765.871	1.510.452	3.765.871	1.510.452
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và vay của các TCTD khác		4.120.972	1.164.211	4.120.972	1.164.211



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG (tiếp theo) (tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	7	135.335.702	106.495.878	135.335.702	106.495.878
Phát hành giấy tờ có giá		6.521.758	7.115.749	6.521.758	7.115.749
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính phái sinh khác		-	602	-	602
Các nguồn vốn vay khác		18.088.670	16.172.559	18.088.670	16.172.559
Lãi dự chi		3.360.918	2.540.173	3.360.918	2.540.173
Thuế thu nhập doanh nghiệp		358.746	13.074	358.746	13.074
Các khoản nợ khác		2.853.621	1.943.045	2.753.076	1.877.788
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		192.635.290	153.736.982	192.534.745	153.671.725
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn điều lệ		7.699.147	4.077.401	7.699.147	4.077.401
Vốn khác		1.414.893	1.416.159	1.414.893	1.416.159
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính		55.181	54.897	55.181	54.897
Các quỹ dự trữ		1.106.640	1.345.286	1.207.185	1.410.543
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		221.310	621.345		
Lợi nhuận để lại/Lỗ lũy kế		(2.091.995)	(3.087.264)	1.258.387	592.358
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.405.176	4.427.824	11.634.793	7.551.358
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		341.610	-	341.610	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		201.382.076	158.164.806	204.511.148	161.223.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn					
Bảo lãnh vay vốn		932.159	353.789	932.159	353.789
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		36.845.842	22.626.318	36.845.842	22.626.318
Bảo lãnh khác		25.875.698	15.331.693	25.875.698	15.331.693
		63.653.699	38.311.800	63.653.699	38.311.800
Các cam kết đưa ra					
Cam kết tài trợ cho khách hàng		47.982.264	18.562.558	47.982.264	18.562.558
Cam kết khác		1.118.616	-	1.118.616	-
		49.100.880	18.562.558	49.100.880	18.562.558



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	IFRS		VAS	
	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	14.960.406	11.220.872	14.965.624	11.220.872
Chi phí lãi và các chi phí tương đương	(9.759.190)	(6.781.337)	(9.759.190)	(6.781.337)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	624.190	392.994	624.190	392.994
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	139.647	107.725	139.647	107.725
Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh và chứng khoán sẵn sàng để bán	159.830	221.513	159.830	221.513
Chi phí khác	(574.200)	(599.971)	(574.200)	(599.971)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	1.829.576	631.738	1.829.576	631.738
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(1.096.516)	(792.143)	(1.096.516)	(792.143)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(85.902)	(175.054)	(85.902)	(175.054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	6.197.841	4.226.337	6.203.059	4.226.337
(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động				
Tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(298.260)	(3.974.770)	(4.227.623)	4.767.778
Chứng khoán kinh doanh	(736.534)	(2.491.562)	(10.756.284)	(3.009.817)
Chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(12.498.791)	(30.847)		
Công cụ TC phái sinh và các TSTC khác	(31.644)	-	(31.644)	-
Cho vay và ứng trước khách hàng	(35.244.943)	(16.453.321)	(33.344.016)	(16.453.321)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu			(1.900.927)	(3.248.859)
Tài sản khác	(745.378)	(3.398.683)	(745.387)	(70.417)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT TOÀN HỆ THỐNG (tiếp theo)

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	IFRS		VAS	
	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
Tăng/(Giảm) công nợ hoạt động				
Tiền gửi và tiền vay từ BTC và NHNN	1.214.804	(220.607)	2.331.392	2.079.413
Tiền gửi có kỳ hạn và tiền vay từ các TCTD khác	2.216.597	(713.982)	5.212.180	(595.758)
Các nguồn vốn vay khác	1.322.119	8.030.111	1.322.119	6.243.522
Tiền gửi của khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	28.839.826	27.864.903	28.839.826	29.764.147
Các công nợ khác	658.591	786.157	948.632	582.461
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh	(9.105.772)	13.623.736	(6.148.673)	24.285.486
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua sắm tài sản cố định	(563.249)	(920.566)	(563.249)	(919.907)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.797	3.116	1.797	2.414
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(1.463.109)	(765.540)	(1.463.109)	(110.976)
Cổ tức nhận được trong năm	70.965	34.416	65.747	34.416
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động đầu tư	(1.953.596)	(1.648.574)	(1.958.814)	(994.053)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tăng vốn điều lệ	1.736.050	62.387	1.736.050	62.387
Sử dụng các quỹ trong năm	(231.988)	(3.287)	(231.989)	(127.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động tài chính	1.504.062	59.100	1.504.061	(64.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(9.555.306)	12.034.262	(6.603.426)	23.226.723
Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm đầu kỳ	15.525.629	3.491.367	36.032.642	12.805.919
Tiền và các khoản tương đương tại thời điểm cuối kỳ	5.970.323	15.525.629	29.429.216	36.032.642



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS

1. TÓM TẮT CÁC CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1.1. Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng thực hiện ghi chép bằng đồng Việt Nam và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất bằng triệu đồng Việt Nam (“triệu VND” hay “triệu đồng”) theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật sửa đổi và bổ sung Một số Điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và Hệ thống Kế toán các tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (“IFRS”). Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây có khác biệt so với các báo cáo tài chính được lập theo luật định tại Việt Nam ở chỗ các báo cáo này bao gồm một số điều chỉnh nhưng không được thể hiện trong sổ sách của Ngân hàng theo VAS. Những điều chỉnh đó là cần thiết để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về vốn chủ sở hữu của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành, ngoại trừ việc ghi nhận giảm giá Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (theo IAS 39 – “Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị”) và phần trình bày theo IFRS 7 – “Các Công cụ Tài chính: Trình bày”.

Một số khoản mục trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số phải được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công ty mẹ. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng cần được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng nắm giữ 31% vốn chủ sở hữu của công ty này. Các vị trí chủ chốt trong công ty gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc được bổ nhiệm bởi Ngân hàng, ngoài ra Ngân hàng còn có quyền chi phối các chiến lược, chính sách và hoạt động của Công ty. Vì vậy, tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, công ty được coi là công ty con của Ngân hàng.

Đồng tiền báo cáo của Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC và Ngân hàng Liên doanh Lào Việt là đồng Đô la Mỹ (“USD”). Để phục vụ cho mục đích hạch toán khoản đầu tư vào các công ty liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo phương pháp vốn chủ sở hữu, tài sản và công nợ của các ngân hàng này được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán, tài khoản vốn được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá của ngày phát sinh giao dịch, và báo cáo kết quả kinh doanh được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên một mục riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

1.2. Phân loại lại/ Điều chỉnh sai sót của kỳ kế toán trước

Trong năm 2007, cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế và điều chỉnh một số khoản mục trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 của Ngân hàng. Ngoài ra, khi quyết toán nguồn Ngân sách Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất cho Ngân hàng trong năm 2007, Bộ Tài chính đã thoái thu dự thu cấp bù lãi suất do số ước tính cao hơn số thực tế được cấp bù. Ngân hàng thực hiện điều chỉnh những bút toán nêu trên vào báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 của Ngân hàng, do đó, một số số liệu trong báo cáo của Ngân hàng được điều chỉnh lại, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

	Số kiểm toán triệu VND	Điều chỉnh triệu VND	Số trình bày lại triệu VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.383.221	-	1.383.221
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)	17.685.229	3.088	17.688.317
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác	5.334.355	822	5.335.177
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	17.429.351	-	17.429.351
Chứng khoán kinh doanh	88.787	-	88.787
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.676.127	-	13.676.127
Chứng khoán đầu tư giữ đến khi đáo hạn	2.249.024	-	2.249.024
Cho vay và ứng trước khách hàng, sau khi trừ dự phòng rủi ro tín dụng	93.453.121	-	93.453.121
Góp vốn, đầu tư dài hạn	551.945	-	551.945
Tài sản cố định	1.268.523	1.034	1.269.557
Tài sản vô hình và quyền sử dụng đất	286.602	42	286.644
Tài sản có khác	4.812.729	(59.194)	4.753.535
TỔNG TÀI SẢN	158.219.014	(54.208)	158.164.806
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ chính phủ và NHNN	16.781.239	-	16.781.239
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	1.510.452	-	1.510.452
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và vay của các TCTD khác	1.164.211	-	1.164.211



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

	<i>Số kiểm toán triệu VND</i>	<i>Điều chỉnh triệu VND</i>	<i>Số trình bày lại triệu VND</i>
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	106.495.878	-	106.495.878
Phát hành giấy tờ có giá	7.115.749	-	7.115.749
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính phái sinh khác	602	-	602
Các nguồn vốn vay khác	16.172.559	-	16.172.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.074	-	13.074
Lãi dự chi	2.540.173	-	2.540.173
Các công nợ khác	1.923.088	19.957	1.943.045
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	153.717.025	19.957	153.736.982
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn điều lệ	4.077.401	-	4.077.401
Vốn khác	1.415.220	939	1.416.159
Quỹ chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	54.897	-	54.897
Các quỹ dự trữ	1.346.225	(939)	1.345.286
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán	621.345	-	621.345
Lỗi lũy kế	(3.013.099)	(74.165)	(3.087.264)
TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	4.501.989	(74.165)	4.427.824
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	158.219.014	(54.208)	158.164.806



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

	Số kiểm toán triệu VND	Điều chỉnh triệu VND	Số trình bày lại triệu VND
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	10.997.312	(76.242)	10.921.070
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	(7.571.032)	803	(7.570.229)
THU NHẬP LÃI THUẦN	3.426.280	(75.439)	3.350.841
Thu phí nhập từ hoạt động dịch vụ	477.568	(1.397)	476.171
Chi phí hoạt động dịch vụ	(81.753)	(1.424)	(83.177)
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, ngoại tệ và vàng	338.151	2.948	341.099
Thu nhập hoạt động khác	109.113	(2.015)	107.098
Chi phí hoạt động khác	(27.333)	2.015	(25.318)
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	4.242.026	(75.312)	4.166.714
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí lương	(873.394)	6.920	(866.474)
Chi phí khấu hao	(220.533)	135	(220.398)
Chi phí hoạt động khác	(639.710)	(24.026)	(663.736)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	(1.733.637)	(16.971)	(1.750.608)
Lãi/ (lỗ) thuần từ đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh	12.406	-	12.406
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(2.383.323)	-	(2.383.323)
Thu hồi nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng	605.727	(1.141)	604.586
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ	743.199	(93.424)	649.775
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(130.038)	19.259	(110.779)
LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM	613.161	(74.165)	538.996



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

1.3. Tài sản tài chính

1.3.1. Ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính

Việc phân loại một công cụ tài chính để ghi nhận ban đầu phụ thuộc vào mục đích sử dụng và tính chất của công cụ tài chính đó. Mọi công cụ tài chính ban đầu đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính không thuộc nhóm “tài sản/công nợ tài chính được ghi nhận tại giá trị hợp lý thông qua tài khoản lãi lỗ”, giá trị hợp lý được cộng với chi phí trực tiếp liên quan tới việc mua hoặc phát hành công cụ tài chính đó.

1.3.2. Đầu tư tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh

Tài sản hoặc công nợ tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo tài chính theo giá trị hợp lý. Thay đổi giá trị hợp lý được ghi nhận vào “lãi thuần từ hoạt động kinh doanh”. Đồng thời, thu nhập lãi và cổ tức cũng được ghi nhận vào “lãi thuần từ hoạt động kinh doanh” theo các điều khoản của hợp đồng, hoặc khi quyền thanh toán được xác định.

Bao gồm trong nhóm công cụ tài chính này là các loại chứng khoán nợ và chứng khoán vốn (nếu có) chủ yếu được đầu tư cho mục đích bán hoặc mua lại trong ngắn hạn.

1.3.3. Đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn là những tài sản tài chính có kỳ hạn thanh toán và ngày đáo hạn cố định hoặc có thể xác định được, và Ngân hàng có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất thực, trừ đi dự phòng lỗ do giảm giá trị. Giá trị phân bổ được xác định bao gồm cả khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh khi mua và các chi phí giao dịch trực tiếp. Chi phí phân bổ được ghi nhận vào “thu lãi và các khoản tương đương” trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Các khoản lỗ (nếu có) phát sinh từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khi các khoản đầu tư này bị giảm giá được ghi nhận vào “Dự phòng lỗ do giảm giá trị” trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

1.3.4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Đầu tư tài chính sẵn sàng để bán là những tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích sẵn sàng để bán và không được phân loại vào ba nhóm trên. Các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán bao gồm các công cụ vốn, các khoản đầu tư vào các quỹ tương hỗ và thị trường tiền tệ và các công cụ nợ khác.

Sau khi ghi nhận ban đầu, đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Phần lãi/lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào “Quý đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần vốn chủ sở hữu. Khi chứng khoán được bán, lãi/lỗ lũy kế sẽ được chuyển từ nguồn vốn chủ sở hữu vào ghi nhận trên khoản mục “thu nhập hoạt động khác” hoặc “chi phí hoạt động khác” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu Ngân hàng có nhiều hơn một khoản đầu tư vào cùng một loại chứng khoán, khi bán chứng khoán, các khoản đầu tư sẽ được hạch toán giảm theo phương pháp nhập trước-xuất trước. Lãi thu được khi nắm giữ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thu nhập lãi theo lãi suất thực. Cổ tức thu được khi nắm giữ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận vào “thu nhập hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào “dự phòng lỗ do giảm giá trị” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phải được loại khỏi khoản mục “Quý đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

1.4. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi có bằng chứng cho thấy Ngân hàng sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và giá trị của khoản doanh thu này có thể tính toán được. Sau đây là những điều kiện cụ thể cho việc ghi nhận doanh thu:

1.4.1. Ghi nhận thu nhập/chi phí lãi và các khoản tương đương

Đối với các công cụ tài chính được ghi nhận theo giá trị phân bổ và tài sản tài chính có phát sinh thu nhập/chi phí lãi được phân loại vào đầu tư tài chính sẵn sàng để bán, thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp lãi suất thực. Đây là lãi suất chiết khấu chính xác số tiền phải trả hoặc phải thu trong tương lai trong kỳ hạn của công cụ tài chính hoặc cho một kỳ hạn ngắn hơn (tùy trường hợp) về giá trị thực của tài sản hoặc công nợ tài chính. Việc tính toán theo phương pháp lãi suất thực có xem xét đến các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính (ví dụ như quyền chọn trả trước) bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp đến công cụ này và là một phần của lãi suất thực, nhưng không phải tổn thất tín dụng trong tương lai. Giá trị ghi sổ của tài sản hoặc công nợ tài chính sẽ được điều chỉnh nếu Ngân hàng thay đổi các ước tính về khoản phải trả hay phải thu. Giá trị còn lại được điều chỉnh sẽ được tính dựa trên lãi suất thực ban đầu. Thay đổi trong giá trị ghi sổ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí lãi.

Khi giá trị ghi nhận của một tài sản tài chính trong một nhóm các tài sản tài chính tương tự bị giảm do giảm giá trị tài sản, thu nhập lãi tiếp tục được ghi nhận sử dụng lãi suất thực ban đầu tính trên giá trị ghi sổ mới.

1.4.2. Thu nhập từ phí dịch vụ

Ngân hàng thu phí từ các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Thu nhập từ phí có thể chia thành các nhóm sau:

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định: Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ trong một thời gian nhất định được dự thu trong suốt thời gian đó. Phí này bao gồm phí quản lý quỹ đầu tư, phí quản lý, phí nhận ủy thác, hoa hồng và các phí liên quan đến cấp tín dụng, quản lý tài sản, phí quản lý danh mục và các chi phí quản lý cũng như phí tư vấn khác.

Phí thu từ việc cung cấp dịch vụ giao dịch: Phí phát sinh từ việc đàm phán và tham gia đàm phán các giao dịch cho một bên thứ ba – ví dụ dàn xếp việc mua cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác hoặc mua lại doanh nghiệp – được ghi nhận khi hoàn tất giao dịch liên quan. Phí hoặc các bộ phận của phí này có liên quan đến việc thực hiện một công việc nhất định sẽ được ghi nhận khi hoàn tất điều kiện tương ứng.

1.4.3. Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán của Ngân hàng được thiết lập.

1.4.4. Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh

Kết quả thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh bao gồm lãi/lỗ do thay đổi giá trị hợp lý và thu nhập lãi, chi phí lãi (nếu có) có liên quan và cổ tức của tài sản tài chính và công nợ tài chính giữ để kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

1.5. Phúc lợi nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng cho suốt thời gian làm việc tại Ngân hàng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng còn có chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công nhân viên trước khi nghỉ hưu từ quỹ thu nhập từ 3 đến 6 tháng lương theo Quyết định số 066/QĐ-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2006.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp thôi việc tự nguyện cho nhân viên bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc, cộng thêm phụ cấp lương (nếu có) trong trường hợp nhân viên quyết định chấm dứt hợp đồng lao động.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ trả trợ cấp mất việc làm cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng phải trả cho nhân viên khoản trợ cấp mất việc làm tương đương với một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán dự phòng trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1,00% đến 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được chuyển sang quỹ dự phòng trợ cấp mất việc cho nhân viên như đã quy định trong Thông tư 82.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc tương đương với 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội của Ngân hàng.

2. ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG KHOÁN

2.1. Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	2007		2006	
	Giá gốc triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND	Giá gốc triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND
Chứng khoán Nợ	132.100	132.100	-	-
Chứng khoán niêm yết	106.779	106.779	-	-
Chứng khoán không niêm yết	25.321	25.321	-	-
Chứng khoán Vốn	649.586	727.644	45.152	88.787
Chứng khoán niêm yết	379.932	466.339	45.152	88.787
Chứng khoán không niêm yết	269.654	261.305	-	-
	781.686	859.744	45.152	88.787



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

2.2. Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán sẵn sàng để bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Chỉ tiêu	2007		2006	
	Giá gốc triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND	Giá gốc triệu VND	Giá trị hợp lý triệu VND
Chứng khoán nợ	24.972.987	24.755.385	12.696.389	12.741.260
Chứng khoán vốn	1.948.232	2.387.144	358.393	934.867
	26.921.219	27.142.529	13.054.782	13.676.127

2.2.1. Chứng khoán nợ

Chi tiết các chứng khoán nợ do Ngân hàng nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	2007 Giá trị hợp lý triệu VND	2006 Giá trị hợp lý triệu VND
Chứng khoán Chính phủ	22.799.211	11.966.584
Tín phiếu Kho Bạc Nhà nước	6.099.389	440.830
Trái phiếu chính phủ phát hành bằng đồng Việt Nam	13.865.277	9.642.010
Trái phiếu chính phủ phát hành bằng đô la Mỹ	16.222	16.209
Trái phiếu Đô thị do UBND TP HCM phát hành	2.337.939	1.391.973
Trái phiếu Đô thị do UBND TP Hà Nội phát hành	480.384	475.562
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	761.951	700.170
Trái phiếu NHNN & PTNT Việt Nam	204.519	204.519
Trái phiếu Ngân hàng ACB Việt Nam	51.155	-
Chứng chỉ tiền gửi NHNN & PTNT Việt Nam	464.341	464.218
Trái phiếu do Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam phát hành	41.936	31.433
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.194.223	74.506
Trái phiếu Tổng công ty Điện lực Việt Nam	31.568	32.195
Trái phiếu của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	75.560	-
Trái phiếu chuyển đổi Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM	1.536	1.707
Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM	104.921	-
Trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	108.837	-
Trái phiếu Tổng Công ty XNK và XD Việt Nam VINACONEX	514.359	-
Trái phiếu của Công ty CP Vincom	306.016	-
Trái phiếu Tổng công ty Sông Đà	31.129	-
Trái phiếu Tổng công ty Xây dựng Điện Việt Nam	10.268	-
Trái phiếu Công ty SATRA	10.029	-
Khác	-	40.604
Tổng	24.755.385	12.741.260



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

2.2.2. Chứng khoán vốn

Chi tiết các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vào các tổ chức khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chi tiêu	2007		2006	
	Giá trị hợp lý triệu VND	% sở hữu của Ngân hàng	Giá trị hợp lý triệu VND	% sở hữu của Ngân hàng
Đầu tư vào các TCTD	247.292		428.183	
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	48.499	1,10	112.613	1,41
Quý Tín dụng Nhân dân Trung ương	5.000	4,49	5.000	4,49
Ngân hàng TMCP Nhà TP. Hồ Chí Minh	107.873	7,86	165.152	7,86
Ngân hàng TMCP Đại Á	72.900	9,00	136.616	9,00
Công ty CP Tài chính dầu khí	13.020	0,06	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	-	5.944	0,48
Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	-	2.858	0,09
Đầu tư vào các doanh nghiệp	2.139.852		506.684	
Công ty CP Đầu tư Cơ sở Hạ tầng TP.HCM	10.240	0,60	14.400	1,00
Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam	29.356	1,97	8.025	2,00
Công ty CP Vĩnh Sơn – Sông Hinh	46.700	0,84	49.600	1,00
Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	13.090	0,13	22.713	0,16
Công ty CP Thiết bị bưu điện	26.454	3,30	26.500	3,33
Công ty CP Nhà Thủ Đức	33.120	2,00	57.600	7,47
Công ty CP Gas Petrolimex	43.750	3,50	46.400	4,00
Công ty CP Đạm Phú Mỹ	555.000	1,80	-	-
Công ty Bảo hiểm Dầu khí	18.875	0,30	-	-
Tổ chức Liên Ngân hàng Thế giới	20	-	20	-
Quý Bảo lãnh Tín dụng DN vừa và nhỏ	1.800	6,00	1.800	6,00
Quý Đầu tư Việt Nam	82.000	6,80	38.400	8,29
Công ty CP Vinaconex	87.600	1,33	142.800	1,33
Nhà máy Thủy điện La Ngâu	1.760	11,00	440	11,00
Nhà máy Than Cao Sơn	3.710	1,00	3.550	1,00
Công ty CP Cảng quốc tế Gemadept	5.500	11,00	1.650	3,30
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bắc Thăng Long	3.300	1,10	3.300	30,14
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Xanh	152.985	13,80	-	-
Công ty CP Ngô Han	111.439	11,00	-	-
Công ty CP Dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn	42.840	1,85	-	-
Công ty CP Dầu khí An Pha S.G	33.264	10,00	-	-
Công ty CP Hoàng Anh Dak Lak	5.025	11,00	-	-
Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật BECAMEX	52.207	18,77	-	-
Công ty CP Thủy điện Dakrink	6.510	7,00	-	-
Công ty CP Lọc hóa Dầu Nam Việt	17.100	8,75	-	-
Công ty CP Địa ốc Đà Lạt	18.040	11,00	-	-
Công ty CP Quản lý Quý CN và NL Việt Nam	5.000	5,00	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	14.915	5,26	-	-
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	15.241	0,49	-	-
Công ty CP May Việt Tiến	9.324	1,55	-	-
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	5.500	5,50	-	-
Công ty CP ĐT Hạ tầng và Đô thị DK (Petroland)	60.480	8,00	-	-
Cổ phiếu do công ty con nắm giữ	627.707		89.486	
	2.387.144		934.867	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

2.3. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	2007		2006	
	Mệnh giá triệu VND	Giá trị hiện tại triệu VND	Mệnh giá triệu VND	Giá trị hiện tại triệu VND
Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
Công trái Giáo dục	743.949	927.270	743.930	866.604
Trái phiếu đô thị của UBND tỉnh Đồng Nai	30.000	32.459	30.000	32.420
	2.123.949	2.309.729	2.123.930	2.249.024

Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt là các trái phiếu có kỳ hạn 20 năm phát hành trong năm 2003 và có lãi suất cố định 3,30%/năm, lãi được trả hàng năm. Các trái phiếu này không được phép chuyển nhượng hoặc đem chiết khấu trong vòng 5 năm kể từ ngày phát hành. Lãi của Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt chỉ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo hướng dẫn của Thông tư 100/2002/TT-BTC ngày 4 tháng 11 năm 2002 của Bộ Tài chính. Trong năm 2007, Ngân hàng đã nhận 44.550 triệu VND lãi từ Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt để tăng vốn điều lệ.

Chi tiết về Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Ngày bắt đầu	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Mệnh giá triệu VND	Giá trị hiện tại triệu VND
Lần phát hành thứ 1	04/6/2003	04/6/2023	3,30	900.000	900.000
Lần phát hành thứ 2	30/7/2003	30/7/2023	3,30	450.000	450.000
				1.350.000	1.350.000

3. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG, SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2007 triệu VND	2006 triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	113.999.415	88.522.272
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	4.574.495	1.095.090
Các khoản phải thu từ cho thuê tài chính	1.500.965	963.331
Cho vay bằng vốn ODA	5.545.323	4.883.737
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ, kế hoạch Nhà nước	1.966.571	3.151.825
Cho vay ủy thác	4.380.570	-
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	16.215	22.583
	131.983.554	98.638.838
Trừ: dự phòng rủi ro tín dụng	(6.387.810)	(5.185.717)
	125.595.744	93.453.121

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay hợp vốn mà Ngân hàng làm đầu mối hay tham gia với tư cách là ngân hàng thành viên, bằng VND và đô la Mỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

3. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG, SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Cho vay chỉ định và theo kế hoạch Nhà nước bao gồm các khoản cho vay đối với các doanh nghiệp và dự án theo kế hoạch phát triển như hướng dẫn của Chính phủ và một phần được tài trợ từ nguồn vốn vay NHNN và Bộ Tài chính. Bộ Tài chính và NHNN quy định mức lãi suất đối với các khoản cho vay này và Ngân hàng được nhận phí quản lý từ Bộ Tài chính ở mức 2,40%/năm (2006: 2,40%/năm) trên số dư cho vay bình quân.

Cho vay ODA bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính. Ngân hàng chỉ đóng vai trò là đại diện quản lý những nguồn vốn này. Theo đó, Ngân hàng không chịu bất kỳ rủi ro tín dụng nào liên quan đến khoản cho vay này theo như các điều khoản đã được quy định trong bản thỏa thuận với nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính. Những khoản cho vay mất khả năng thanh toán sẽ được thông báo lại cho các nhà tài trợ ODA và Bộ Tài chính để có giải pháp xử lý. Những khoản cho vay khác cũng được tài trợ bởi nguồn vốn uỷ thác từ các chương trình phát triển chính thức nhưng Ngân hàng phải chịu toàn bộ rủi ro được phân loại thành các khoản cho vay thương mại.

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i>		<i>2006</i>	
	<i>triệu VND</i>	<i>%</i>	<i>triệu VND</i>	<i>%</i>
Nông nghiệp và lâm nghiệp	5.290.690	4,01	4.679.912	4,74
Thủy sản	2.682.262	2,03	1.577.141	1,60
Công nghiệp khai thác mỏ	4.611.508	3,49	4.801.022	4,87
Công nghiệp chế biến	25.341.882	19,20	24.182.579	24,52
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	9.586.084	7,26	9.040.021	9,16
Xây dựng	31.148.143	23,60	24.557.525	24,90
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	16.362.024	12,40	8.893.619	9,02
Khách sạn và nhà hàng	5.482.946	4,15	3.929.218	3,98
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	5.996.619	4,54	3.664.188	3,71
Hoạt động tài chính	7.557.370	5,73	1.469.141	1,49
Hoạt động khoa học và công nghệ	525	-	1.649	-
Các hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	885	-	1.891	-
Giáo dục và đào tạo	204.504	0,15	200.348	0,20
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	1.009.876	0,77	776.255	0,79
Hoạt động văn hoá thể thao	681.621	0,52	529.748	0,54
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	15.578.430	11,80	10.072.222	10,21
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	338.847	0,26	164.746	0,17
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	109.338	0,09	97.613	0,10
	131.983.554	100,00	98.638.838	100,00



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

3. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG, SAU KHI TRỪ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

Chỉ tiêu	2007		2006	
	triệu VND	%	triệu VND	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	113.131.496	85,72	86.368.653	87,58
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	24.138.837	18,29	26.196.160	26,57
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	6.002.533	4,55	7.035.892	7,13
Công ty TNHH nhà nước	4.117.038	3,12	1.521.097	1,54
Công ty TNHH tư nhân	25.292.902	19,16	16.586.895	16,82
Công ty cổ phần nhà nước	17.445.104	13,22	13.839.397	14,03
Công ty cổ phần khác	27.366.436	20,73	13.163.198	13,34
Doanh nghiệp tư nhân	5.475.328	4,15	3.999.672	4,06
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.137.783	2,38	3.850.052	3,91
Kinh tế tập thể	155.535	0,12	176.290	0,18
Cho vay cá nhân	17.339.018	13,14	10.002.209	10,12
Cho vay khác	1.513.040	1,14	2.267.976	2,30
	131.983.554	100,00	98.638.838	100,00

4. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

4.1. Dự phòng rủi ro tín dụng theo IFRS

Thay đổi dự phòng tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

Chỉ tiêu	2007 triệu VND	2006 triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	5.185.717	6.051.254
Dự phòng trích lập tăng trong năm	3.103.020	2.383.323
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm	(1.900.927)	(3.248.860)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	6.387.810	5.185.717

Chi tiết của chi phí dự phòng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như sau:

Chỉ tiêu	2007 triệu VND	2006 triệu VND
Chi phí dự phòng theo quy định trong năm	3.368.071	1.993.491
(Hoàn nhập)/trích bổ sung dự phòng trong năm theo IFRS	(265.051)	389.832
Tổng chi phí dự phòng trong năm theo IFRS	3.103.020	2.383.323
Trong đó:		
Chi phí dự phòng cho nợ chỉ định và kế hoạch nhà nước	307.993	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

4. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

4.1. Dự phòng rủi ro tín dụng theo IFRS (tiếp theo)

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được phân loại theo Chính sách phân loại nợ của Ngân hàng như sau:

	Số dư nợ gốc triệu VND	Mức dự phòng cụ thể triệu VND	Tỷ lệ dự phòng/ dư nợ %
<i>Phân loại rủi ro</i>			
Nợ Đủ tiêu chuẩn	86.797.588	-	-
Nợ Cần chú ý	28.004.894	4.076.160	14,56
Nợ Dưới tiêu chuẩn	3.426.703	1.403.206	40,95
Nợ Nghi ngờ	212.096	95.706	45,12
Nợ Không thu hồi được	1.117.609	812.738	72,72
	119.558.890	6.387.810	5,34
<i>Cộng:</i>			
Cho vay bằng vốn ODA	5.545.323		
Cho vay ủy thác được đánh giá là có rủi ro thấp và Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ ngay sau thời điểm cuối năm	4.380.570		
Cho vay theo các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán của BSC được hạch toán trong các khoản cho vay chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá	2.498.771		
Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	131.983.554		

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2006 được phân loại như sau:

	Số dư nợ gốc triệu VND	Mức dự phòng cụ thể triệu VND	Tỷ lệ dự phòng/ dư nợ %
<i>Phân loại rủi ro</i>			
Nợ Đủ tiêu chuẩn	49.138.290	-	-
Nợ Cần chú ý	32.753.000	2.078.242	6,3
Nợ Dưới tiêu chuẩn	6.231.741	1.139.691	18,3
Nợ Nghi ngờ	333.121	77.299	23,2
Nợ Không thu hồi được	2.124.541	1.890.485	89,0
Tổng	90.580.693 (*)	5.185.717	5,7

(*): Tổng dư nợ được trình bày không bao gồm các khoản cho vay chỉ định và theo kế hoạch của Nhà nước, cho vay ODA và nợ khoanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

4. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

4.2. Dự phòng rủi ro tín dụng theo VAS

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2007 bao gồm các khoản sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung triệu VND</i>	<i>Tổng cộng triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	1.147.497	289.563	1.437.060
Số dự phòng đã trích trong năm	2.726.872	689.534	3.416.406
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.335)	-	(48.335)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro (XLRR) từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(1.216.720)	-	(1.216.720)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	2.609.314	979.097	3.588.411
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(684.207)	-	(684.207)
	1.925.107	979.097	2.904.204

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2006 bao gồm các khoản sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung triệu VND</i>	<i>Tổng cộng triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	2.593.935	123.893	2.717.828
Số tiền đã trích trong năm	1.938.438	165.670	2.104.108
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(136.017)	-	(136.017)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(2.665.102)	-	(2.665.102)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	1.731.254	289.563	2.020.817
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(583.757)	-	(583.757)
	1.147.497	289.563	1.437.060

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo Quyết định 493, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493 và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

<i>Phân loại</i>	<i>Dư nợ</i>	<i>Cam kết</i>	<i>Dự phòng</i>		<i>Tổng số dự phòng</i>
	<i>cho vay (*) triệu VND</i>	<i>ngoại bảng triệu VND</i>	<i>cụ thể triệu VND</i>	<i>chung triệu VND</i>	
Nợ đủ tiêu chuẩn	85.340.970	54.591.749	-	1.049.495	1.049.495
Nợ cần chú ý	28.302.527	247.394	949.972	214.124	1.164.096
Nợ dưới chuẩn	3.535.021	52.551	456.290	26.907	483.197
Nợ nghi ngờ	238.447	35.067	70.425	2.051	72.476
Nợ có khả năng mất vốn	1.956.790	45.065	1.132.627	-	1.132.627
	119.373.755	54.971.826	2.609.314	1.292.577	3.901.891

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2007.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

4. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

4.2. Dự phòng rủi ro tín dụng theo VAS (tiếp theo)

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 như sau:

<i>Dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung triệu VND</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu VND</i>
Theo Quyết định 493	2.609.314	1.292.577	3.901.891
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	2.609.314	979.097	3.588.411
Số dự phòng chưa hạch toán đủ	-	313.480	313.480

Trong 2007, Ngân hàng đã trích đủ dự phòng cụ thể. Số dự phòng chưa hạch toán đủ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 số tiền là 313.480 triệu VND là của dự phòng chung. Tuy nhiên, Điều 9 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5 năm 2005).

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN KẾT LIÊN DOANH MUA CỔ PHẦN

	<i>Đầu tư vào các công ty liên doanh triệu VND</i>	<i>Đầu tư vào công ty liên kết triệu VND</i>	<i>Tổng cộng triệu VND</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	531.945	20.000	551.945
Vốn góp tăng trong năm	164.251	128.000	292.251
Phần chia sẻ lãi/(lỗ) trong năm của các công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	16.629	-	16.629
Chênh lệch do chuyển đổi BCTC (*)	284	-	284
Trừ: Cổ tức nhận được trong năm	(29.025)	-	(29.025)
Vốn góp giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	684.084	148.000	832.084

(*): Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty liên doanh từ đô la Mỹ sang VND cho mục đích hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN LIÊN KẾT LIÊN DOANH MUA CỔ PHẦN (tiếp theo)

5.1. Đầu tư vào các công ty liên doanh

	2007				2006			
	Nguyên giá theo nguyên tệ bằng USD	Giá gốc quy đổi triệu VND	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp VCSH	% sở hữu của Ngân hàng	Nguyên giá theo nguyên tệ bằng USD	Giá gốc quy đổi triệu VND	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp VCSH	% sở hữu của Ngân hàng
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng								
Ngân hàng Liên doanh								
VID Public	10.000.000	122.050	186.547	50	10.000.000	122.050	194.168	50
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	7.500.000	109.281	131.265	50	7.500.000	109.281	133.223	50
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	15.300.000	246.136	250.148	51	5.100.000	81.886	81.955	51
Đầu tư vào doanh nghiệp khác								
Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV – Việt Nam Partners	500.000	7.937	12.895	50	500.000	7.937	11.959	50
Công ty Liên doanh Tháp BIDV	7.206.100	115.089	103.229	55	7.206.100	115.089	110.640	55
		600.493	684.084			436.243	531.945	

5.2. Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	2007				2006			
	Giá gốc triệu VND	VCSH triệu VND	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu VND	VCSH triệu đồng	Giá trị ròng của khoản đầu tư hạch toán theo phương pháp	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty Chuyển mạch Tài chính Quốc gia	20.000	20.000	21,20		20.000	20.000	21,20	
Công ty Cổ phần Cho thuê Máy bay (*)	128.000	128.000	20,00		-	-	-	
	148.000	148.000			20.000	20.000		

(*): Công ty mới thành lập vào tháng 10/2007 và chưa tiến hành các hoạt động thương mại.

6. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	2007	2006
Chỉ tiêu	triệu VND	triệu VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	518.732	183.450
Các khoản phải thu	4.218.980	3.723.132
Các khoản lãi, phí phải thu	1.212.854	742.094
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.650)	(5.398)
Tài sản có khác	191.433	110.257
	6.134.349	4.753.535



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

6. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

6.1. Các khoản phải thu

<i>Chi tiêu</i>	<i>2007</i> <i>triệu VND</i>	<i>2006</i> <i>triệu VND</i>
Tiền gửi ký quỹ đảm bảo tại Ngân hàng Raiffeisen Zentralbank Österreich AG (RZB)	3.222.800	3.220.200
Các tài sản khác	996.180	502.932
	4.218.980	3.723.132
Trừ: Dự phòng phải thu khó đòi	(7.650)	(5.398)
	4.211.330	3.717.734

6.2. Tài sản có khác

<i>Chi tiêu</i>	<i>2007</i> <i>triệu VND</i>	<i>2006</i> <i>triệu VND</i>
Vật liệu và công cụ	17.750	13.332
Chi phí chờ phân bổ	168.666	92.626
Khác	5.017	4.299
	191.433	110.257

7. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

7.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

<i>Chi tiêu</i>	<i>2007</i> <i>triệu VND</i>	<i>2006</i> <i>triệu VND</i>
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	<i>42.672.255</i>	<i>29.310.437</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	35.982.718	24.462.956
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	632.613	414.953
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.026.882	4.412.126
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	30.042	20.402
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>90.096.840</i>	<i>74.954.081</i>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	39.913.836	29.407.610
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	34.706.867	32.529.208
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.652.845	1.223.037
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.823.292	11.794.226
<i>Tiền gửi vốn chuyên dụng</i>	<i>2.566.607</i>	<i>2.231.360</i>
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	2.247.974	1.744.786
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	318.633	486.574
	135.335.702	106.495.878



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

7. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

<i>Chỉ tiêu</i>	2007	2006
	<i>triệu VND</i>	<i>triệu VND</i>
Tiền gửi của TCKT	75.318.302	50.150.655
Doanh nghiệp quốc doanh	55.259.678	39.864.699
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	14.708.373	6.249.688
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.350.251	4.036.268
Tiền gửi của cá nhân	52.003.541	51.752.117
Tiền gửi của các đối tượng khác	8.013.859	4.593.106
	135.335.702	106.495.878

8. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

<i>Chỉ tiêu</i>	2007	2006
	<i>triệu VND</i>	<i>triệu VND</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	1.846.186	979.111
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	11.716.920	8.796.199
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	187.551	111.778
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán	1.506.744	883.958
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn	170.598	109.932
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng khác	3.167	40.092
	15.431.166	10.921.070

9. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

<i>Chỉ tiêu</i>	2007	2006
	<i>triệu VND</i>	<i>triệu VND</i>
Trả lãi tiền gửi	8.441.635	5.613.944
Trả lãi tiền vay	363.348	442.823
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	815.300	607.093
Trả lãi tiền thuê tài chính	45.181	10.198
Chi phí hoạt động tín dụng khác	914.471	896.171
	10.579.935	7.570.229



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

10. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i> <i>triệu VND</i>	<i>2006</i> <i>triệu VND</i>
Thu phí dịch vụ từ:		
Hoạt động thanh toán	323.067	226.377
Hoạt động bảo lãnh	283.931	181.696
Hoạt động ngân quỹ	17.036	9.576
Dịch vụ đại lý	11.211	11.251
Hoạt động bảo hiểm	105.288	33.405
Dịch vụ khác	50.863	13.866
	791.396	476.171
Chi phí dịch vụ liên quan đến:		
Hoạt động thanh toán	(22.465)	(12.215)
Hoạt động ngân quỹ	(34.484)	(22.989)
Bưu điện, viễn thông	(22.008)	(15.493)
Dịch vụ đại lý	(412)	(1.494)
Hoạt động bảo hiểm	(82.654)	(18.565)
Dịch vụ khác	(5.183)	(12.421)
	(167.206)	(83.177)
Thu nhập thuần từ phí dịch vụ	624.190	392.994

11. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀ VÀNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2007</i> <i>triệu VND</i>	<i>2006</i> <i>triệu VND</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối:		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	160.459	111.760
Thu từ kinh doanh vàng	18.515	13.064
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	19.110	3.480
	198.084	128.304
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối:		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(48.156)	(19.990)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(10.281)	(589)
	(58.437)	(20.579)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	139.647	107.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS (tiếp theo)

12. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG MUA/BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	2007 <i>triệu VND</i>	2006 <i>triệu VND</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	200.759	239.995
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(56.425)	(6.621)
	144.334	233.374

13. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	2007 <i>triệu VND</i>	2006 <i>triệu VND</i>
Thu nhập hoạt động khác:		
Thu nhập từ cổ tức	41.940	15.706
Thu nhập thuần từ kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán	49.919	36.857
Thu nhập từ nợ xấu đã được xử lý (lãi)	82.519	27.151
Thu về các công cụ tài chính phái sinh khác	22.757	2.810
Thu khác	42.704	24.574
	239.839	107.098
Chi phí hoạt động khác:		
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(15.521)	(1.835)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(11.265)	(23.483)
	(26.786)	(25.318)
	213.053	81.780

14. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoài những thông tin đã công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày lập báo cáo tài chính này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 có thể ảnh hưởng quan trọng đến tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.



Số tham chiếu: 21121/21107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và của các công ty con (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có liên quan và các thuyết minh đi kèm cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 75 (sau đây được gọi tắt là “báo cáo tài chính hợp nhất”). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Michael Yu Lim
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0629/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV

Số tham chiếu: 21121/21107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
các báo cáo tài chính của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu có liên quan và các thuyết minh đi kèm (sau đây được gọi tắt là “các báo cáo tài chính”) cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 3 đến trang 75.

Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với các Báo cáo Tài chính

Ban Điều hành của Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Các trách nhiệm này bao gồm: xây dựng, triển khai và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp nhằm để lập và trình bày các báo cáo tài chính một cách hợp lý và không có những sai sót trọng yếu, do gian lận hay thiếu sót; lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp; và thực hiện các ước tính kế toán một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể.

Trách nhiệm của Công ty Kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Việc kiểm toán bao gồm thực hiện các quy trình kiểm toán nhằm để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các quy trình kiểm toán do Công ty Kiểm toán lựa chọn dựa trên các kết quả đánh giá bao gồm đánh giá mức độ rủi ro của những sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay thiếu sót. Khi thực hiện các đánh giá này, Công ty Kiểm toán xem xét các quy trình kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính một cách hợp lý nhằm để xây dựng các quy trình kiểm toán phù hợp với điều kiện cụ thể nhưng mục đích của kiểm toán không phải nhằm để đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp bằng chứng đầy đủ và phù hợp cho ý kiến kiểm toán.



Các Vấn đề Ngoại trừ

Như được trình bày trong Thuyết minh số 14, Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt (sau đây được gọi tắt là “Trái phiếu”) đã được Chính phủ Việt Nam cấp trong năm 2003 để tăng vốn điều lệ cho Ngân hàng. Các Trái phiếu này được ghi nhận ban đầu và tiếp tục theo dõi trên sổ sách kế toán theo mệnh giá với tổng giá trị là 1.350.000 triệu đồng. Việc hạch toán như vậy không tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 39 (“IAS 39”) – *Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị*, theo đó, tất cả các tài sản tài chính phải được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Do ở Việt Nam chưa có thị trường đầy đủ cho Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nên không thể xác định một cách chính xác giá trị hợp lý của chúng. Thực hiện các quy trình kiểm toán thay thế, chúng tôi đã áp dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền sử dụng lãi suất sau thuế ước tính 5,76%/năm của các trái phiếu Chính phủ Việt Nam khác để ước tính thì giá trị hợp lý của các Trái phiếu là 961.550 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận các Trái phiếu này. Như vậy, giá trị hợp lý của các Trái phiếu thấp hơn so với mệnh giá ghi nhận trong các báo cáo tài chính và dẫn đến khoản giảm giá trị 388.450 triệu đồng tại ngày Ngân hàng nhận Trái phiếu.

Sau khi ghi nhận ban đầu, IAS 39 cũng yêu cầu Ngân hàng xác định giá trị của Trái phiếu vào các năm kế tiếp theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Theo đó, chúng tôi ước tính giá trị phân bổ của các Trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.008.782 triệu đồng (2006: 995.964 triệu đồng). Giá trị này thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng trong các báo cáo tài chính số tiền là 341.218 triệu đồng và lỗ lũy kế cũng bị ghi thấp hơn một khoản như vậy tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Các báo cáo tài chính của Ngân hàng vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và của các năm tài chính trước chưa phản ánh giá trị hợp lý, khoản giảm giá trị và ảnh hưởng của việc ghi nhận tiếp theo của các Trái phiếu theo phương pháp giá trị phân bổ theo hướng dẫn của IAS 39.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính, trong đó nêu rõ các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con lập theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế đã được phát hành độc lập. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo Tài chính Hợp nhất này cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với cùng vấn đề về Trái phiếu Chính phủ Đặc biệt nêu trên trong Báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 2 năm 2008.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG NGÂN HÀNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	7	15.224.811	10.991.836	15.226.251	10.991.836
Chi lãi và các khoản chi phí tương tự	8	(10.607.090)	(7.603.430)	(10.607.090)	(7.603.430)
THU NHẬP LÃI THUẦN		4.617.721	3.388.406	4.619.161	3.388.406
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	9	709.896	455.570	709.896	455.570
Chi phí hoạt động dịch vụ	9	(88.805)	(66.931)	(88.805)	(66.931)
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		139.647	107.871	139.647	107.871
Thu nhập hoạt động khác		219.708	99.476	2.015.424	702.232
Chi phí hoạt động khác		(26.042)	(27.785)	(26.042)	(27.785)
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		5.572.125	3.956.607	7.369.281	4.559.363
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
Chi phí nhân viên		(1.471.652)	(846.952)	(1.241.898)	(730.432)
Chi phí khấu hao		(269.536)	(217.415)	(269.536)	(217.415)
Chi phí hoạt động		(805.353)	(660.147)	(805.353)	(660.147)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2.546.541)	(1.724.514)	(2.316.787)	(1.607.994)
Lãi thuần từ đầu tư góp vốn liên kết, liên doanh		29.025	13.627	29.025	13.627
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(3.264.698)	(2.336.245)	(3.342.799)	(2.084.051)
Hoàn nhập dự phòng RRTD		227.075	-	48.335	136.017
Thu hồi nợ đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro tín dụng		1.797.156	602.756		
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC THUẾ		1.814.142	512.231	1.787.055	1.016.962
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(439.863)	(90.409)	(439.863)	(90.409)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.374.279	421.822	1.347.192	926.553



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG NGÂN HÀNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

	Thuyết minh	IFRS		VAS	
		2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
TÀI SẢN					
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ		1.971.129	1.381.941	1.971.129	1.381.941
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)		8.758.166	17.688.317	8.758.166	17.688.317
Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng (TCTD) khác		1.653.910	5.055.964	1.653.910	5.055.964
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	2	24.665.128	16.755.290	24.665.128	16.755.290
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác				(55.166)	(25.400)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		26.164.877	13.526.748	25.318.796	12.737.144
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.309.729	2.249.024	2.309.729	2.249.024
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		31.644	-	31.644	-
Cho vay khách hàng, sau khi lập dự phòng rủi ro tín dụng		122.317.180	94.061.489	125.782.525	97.753.909
Trong đó: Cho vay khách hàng	3	128.633.556	99.182.407	128.633.556	99.182.407
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	4	(6.316.376)	(5.120.918)	(2.851.031)	(1.428.498)
Đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác	5	2.383.493	1.236.242	3.098.771	1.454.479
Tài sản cố định hữu hình		887.701	832.364	887.701	832.364
Tài sản cố định thuê tài chính		496.083	429.066	496.083	429.066
Tài sản vô hình và quyền sử dụng đất		355.760	286.644	355.760	286.644
Tài sản có khác		8.264.815	4.561.393	8.264.815	4.561.393
TỔNG TÀI SẢN		200.259.615	158.064.482	203.538.991	161.160.135
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản nợ chính phủ và NHNN		18.229.032	16.781.239	18.229.032	16.781.239
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		3.767.010	1.510.452	3.767.010	1.510.452
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và vay của các TCTD khác		4.628.065	1.591.273	4.628.065	1.591.273
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	6	135.977.375	107.017.634	135.977.375	107.017.634
Phát hành giấy tờ có giá		6.522.494	7.115.749	6.522.494	7.115.749
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính phái sinh khác		-	602	-	602
Các nguồn vốn vay khác		18.164.820	16.222.854	18.164.820	16.222.854
Thuế thu nhập doanh nghiệp		324.522	-	324.522	-
Lãi dự chi		3.368.407	2.543.714	3.368.407	2.543.714
Các công nợ khác		1.389.486	1.100.339	1.291.521	1.035.793
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		192.371.211	153.883.856	192.273.246	153.819.310



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG NGÂN HÀNG (tiếp theo)

(tại thời điểm 31/12/2007)

	IFRS		VAS		
	Thuyết minh	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn điều lệ		7.699.147	4.077.401	7.699.147	4.077.401
Vốn khác		1.412.268	1.413.157	1.412.268	1.413.157
Các quỹ dự trữ		1.003.188	1.310.200	1.101.153	1.374.746
Quỹ đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán		130.803	571.367	-	-
Lợi nhuận để lại/ Lỗ lũy kế		(2.357.002)	(3.191.499)	1.053.177	475.521
TỔNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.888.404	4.180.626	11.265.745	7.340.825
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.259.615	158.064.482	203.538.991	161.160.135
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn					
Bảo lãnh vay vốn		932.159	353.789	932.159	353.789
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		36.845.842	22.626.318	36.845.842	22.626.318
Bảo lãnh khác		25.875.698	15.331.693	25.875.698	15.331.693
Tổng		63.653.699	38.311.800	63.653.699	38.311.800
Các cam kết đưa ra					
Cam kết tài trợ cho khách hàng		47.982.264	18.562.558	47.982.264	18.562.588
Cam kết khác		1.118.616	-	1.118.616	-
Tổng		49.100.880	18.562.558	49.100.880	18.562.588



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG NGÂN HÀNG

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chỉ tiêu	IFRS		VAS	
	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	14.778.497	11.368.386	14.778.497	11.368.386
Chi phí lãi và các chi phí tương đương	(9.782.397)	(6.807.972)	(9.782.397)	(6.807.972)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	621.091	388.639	621.091	388.639
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	139.647	107.871	139.647	107.871
Thu nhập thuần từ chứng khoán kinh doanh	49.919	27.870	49.919	27.870
Chi phí khác	(709.214)	(660.416)	(709.214)	(660.416)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý	1.767.290	629.907	1.767.290	629.907
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(1.043.871)	(789.756)	(1.043.871)	(789.756)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(53.103)	(166.486)	(53.103)	(166.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	5.767.859	4.098.043	5.767.859	4.098.043
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(1.630.935)	(4.173.232)	(6.311.218)	(341.425)
(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(12.642.357)	(2.837.917)	(10.642.357)	(2.837.917)
(Tăng) các công cụ TC phái sinh và các TSTC khác	(31.644)	-	(31.644)	-
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(29.451.149)	(12.990.414)	(29.451.149)	(12.990.414)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu	(1.842.165)	(3.178.943)	(1.842.165)	(3.178.943)
(Tăng) khác về tài sản hoạt động	(3.593.816)	(3.260.104)	(3.593.816)	(3.260.104)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(1.041.753)	(220.607)	2.331.393	2.079.413
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	4.521.348	(477.774)	5.293.350	(359.550)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)	28.959.741	30.176.070	28.959.741	30.176.070
(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	(593.255)	(1.786.589)	(593.255)	(1.786.589)
Tăng phát hành trái phiếu tăng vốn và các nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	1.941.966	8.080.406	1.941.966	8.080.406
Tăng công nợ khác	300.113	75.621	300.113	75.621
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh	(9.336.047)	13.504.560	(7.871.182)	19.754.611

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG NGÂN HÀNG (tiếp theo)

(tại thời điểm 31/12/2007)

Chi tiêu	IFRS		VAS	
	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND	2007 Triệu VND	2006 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua sắm tài sản cố định	(221.205)	(942.754)	(221.205)	(942.754)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.797	2.172	1.797	2.172
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(1.644.292)	(727.097)	(1.644.292)	(727.097)
Cổ tức nhận được trong năm	65.748	29.989	65.748	29.989
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	(1.797.952)	(1.637.690)	(1.797.952)	(1.637.690)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tăng vốn điều lệ	1.736.050	62.387	1.736.050	62.387
Sử dụng các quỹ trong năm	(211.313)	(121.447)	(211.313)	(121.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động tài chính	1.524.737	(59.060)	1.524.737	(59.060)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(9.609.262)	11.807.810	(8.144.397)	18.057.861
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	15.245.136	3.437.326	35.722.317	17.664.456
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	5.635.874	15.245.136	27.577.920	35.722.317



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngân hàng thực hiện ghi chép bằng đồng Việt Nam và trình bày các báo cáo tài chính bằng triệu đồng Việt Nam (triệu đồng) theo Luật các Tổ chức Tín dụng, Luật Sửa đổi và Bổ sung Một số điều trong Luật các Tổ chức Tín dụng, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và Hệ thống Tài khoản Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam. Ngoài ra, Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (“IFRS”). Các báo cáo tài chính kèm theo đây có khác biệt so với các báo cáo tài chính được lập theo luật định tại Việt Nam do các báo cáo này bao gồm một số điều chỉnh nhưng không được thể hiện trong sổ sách của Ngân hàng theo VAS. Những điều chỉnh đó là cần thiết để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về vốn chủ sở hữu của Ngân hàng theo IFRS do Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế ban hành, ngoại trừ việc ghi nhận giảm giá Trái phiếu Chính phủ đặc biệt (theo IAS 39 – “*Các Công cụ Tài chính: Ghi nhận và Xác định Giá trị*”) và phần trình bày theo IFRS 7 – “*Các Công cụ Tài chính: Trình bày*”.

Ảnh hưởng loại trừ của các khác biệt cơ bản đến thu nhập giữ lại (lỗ lũy kế) trong báo cáo tài chính theo VAS và IFRS được trình bày trong Thuyết minh số 41.

Một số khoản mục trong các báo cáo tài chính của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày các báo cáo tài chính của năm nay.

Các báo cáo tài chính kèm theo được lập để trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của riêng hoạt động của Ngân hàng bao gồm Hội sở và các chi nhánh của Ngân hàng tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập riêng và độc lập với các báo cáo tài chính này.

2. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	2007 triệu VND	2006 triệu VND
<i>Tiền gửi CKH tại các TCTD</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD trong nước bằng VND	13.326.000	10.501.000
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	2.286.935	566.982
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	3.181.780	528.113
	18.794.715	11.596.095
<i>Cho vay các TCTD</i>		
Cho vay các TCTD trong nước bằng VND	1.318.007	1.187.014
Cho vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	116.649	93.223
Tạm ứng đặc biệt cho Ngân hàng TMCP Nam Đ	334.000	334.000
Cho vay các TCTD tham gia Dự án Tài chính Nông thôn I	1.109.018	1.121.024
Cho vay các TCTD tham gia Dự án Tài chính Nông thôn II	2.992.739	2.423.934
	5.870.413	5.159.195
	24.665.128	16.755.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

2. TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC (tiếp theo)

	2007	2006
	Lãi suất	lãi suất
	%/năm	%/năm
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD trong nước bằng VND	7,90 đến 11,70	5,70 đến 9,50
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	4,25 đến 6,00	2,05 đến 5,65
Tiền gửi có kỳ hạn với các TCTD nước ngoài bằng ngoại tệ	3,75 đến 5,20	2,28 đến 5,80
Cho vay các TCTD trong nước bằng VND	3,80 đến 8,60	6,50 đến 10,50
Cho vay các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	0,75 đến 7,89	1,50 đến 2,50

Tạm ứng đặc biệt cho Ngân hàng TMCP Nam Đô là khoản tạm ứng được thực hiện theo yêu cầu của NHNN cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Đô. Đồng thời, Ngân hàng đã nhận được một khoản tiền gửi 300.000 triệu VND có lãi suất là 0,00%/năm để cung ứng nguồn vốn cho khoản tạm ứng đặc biệt nói trên.

Cho vay các TCTD tham gia dự án Tài chính Nông thôn I và II là các khoản cho vay các TCTD trong nước bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ngân hàng nhận được nguồn vốn từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính và giải ngân cho các TCTD đủ điều kiện tham gia Dự án theo lãi suất thả nổi do Ngân hàng quy định nhưng phải thấp hơn lãi suất cơ bản của NHNN. Trong năm 2007, lãi suất của Ngân hàng đối với các TCTD tham gia dự án là khoảng 8,28%/năm đối với VND (2006: khoảng 8,16%/năm) và khoảng 0,75%/năm đối với đô la Mỹ (2006: khoảng 9,00%/năm). trong khi lãi suất cơ bản là khoảng 8,25%/năm (2006: 8,25%/năm).

3. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	114.049.154	89.729.172
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	2.075.723	1.095.090
Cho vay bằng vốn ODA	5.545.323	4.883.737
Cho vay uỷ thác	4.980.570	300.000
Cho vay theo chỉ định của Chính phủ, kế hoạch Nhà nước	1.966.571	3.151.825
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	16.215	22.583
	128.633.556	99.182.407
Trừ: Dự phòng rủi ro tín dụng	(6.316.376)	(5.120.918)
	122.317.180	94.061.489



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	2007		2006	
	triệu VND	%	triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	5.258.753	4,09	4.668.753	4,71
Thủy sản	2.681.551	2,08	1.571.425	1,58
Công nghiệp khai thác mỏ	4.575.639	3,56	4.778.700	4,82
Công nghiệp chế biến	25.256.227	19,63	24.135.626	24,34
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	9.583.144	7,45	9.039.565	9,11
Xây dựng	30.758.778	23,91	24.329.977	24,53
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	16.080.849	12,50	8.790.015	8,86
Khách sạn và nhà hàng	5.471.555	4,25	3.909.045	3,94
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	5.372.078	4,18	3.278.267	3,31
Hoạt động tài chính	7.387.330	5,74	2.866.787	2,89
Giáo dục và đào tạo	204.504	0,16	200.349	0,20
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	1.002.520	0,78	775.652	0,78
Hoạt động văn hoá thể thao	681.293	0,53	529.282	0,53
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	13.875.029	10,79	10.053.367	10,14
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	334.967	0,26	157.985	0,16
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	109.339	0,09	97.612	0,10
	128.633.556	100,00	99.182.407	100,00

Phân tích dư nợ theo thời gian tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Nợ ngắn hạn	77.561.586	56.348.048
Nợ trung hạn	16.506.934	12.911.673
Nợ dài hạn	34.565.036	29.922.686
	128.633.556	99.182.407

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	2007		2006	
	triệu VND	%	triệu VND	%
Cho vay các TCKT	106.523.041	82,81	86.932.917	87,65
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	24.106.868	18,74	25.692.890	25,90
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	5.857.861	4,55	6.966.173	7,02
Công ty TNHH nhà nước	4.116.706	3,20	3.455.413	3,48
Công ty TNHH tư nhân	24.258.497	18,86	16.139.017	16,27
Công ty cổ phần nhà nước	17.469.427	13,58	13.821.869	13,94
Công ty cổ phần khác	22.101.957	17,18	12.948.084	13,06
Doanh nghiệp tư nhân	5.358.541	4,17	3.899.537	3,93
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.126.609	2,43	3.847.284	3,88
Kinh tế tập thể	126.575	0,10	162.650	0,17
Cho vay cá nhân	15.617.246	12,14	9.981.514	10,06
Cho vay khác	6.493.269	5,05	2.267.976	2,29
	128.633.556	100,00	99.182.407	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

4. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

4.1. Dự phòng rủi ro tín dụng theo IFRS

Thay đổi dự phòng tín dụng trong năm bao gồm các khoản sau:

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Số dư ngày 1 tháng 1	5.120.918	5.963.615
Dự phòng trích lập tăng trong năm	3.037.623	2.336.245
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng để xử lý nợ trong năm	(1.842.165)	(3.178.942)
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>6.316.376</u>	<u>5.120.918</u>

Chi tiết của chi phí dự phòng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Chi phí dự phòng theo quy định trong năm	3.264.698	1.948.034
Trích bổ sung dự phòng trong năm theo IFRS	(227.075)	388.211
Tổng chi phí dự phòng trong năm theo IFRS	<u>3.037.623</u>	<u>2.336.245</u>

Các khoản cho vay được phân loại theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng có liên quan của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Số dư	Mức dự	Tỷ lệ dự phòng
	nợ gốc	phòng cụ thể	trên dư nợ
	triệu VND	triệu VND	%
<i>Phân loại rủi ro</i>			
Nợ Đủ tiêu chuẩn	85.731.810	-	-
Nợ Cần chú ý	27.670.712	4.025.514	14,55
Nợ Dưới tiêu chuẩn	3.422.010	1.387.730	40,55
Nợ Nghi ngờ	202.614	95.677	47,22
Nợ Không thu hồi được	1.080.517	807.455	74,73
	<u>118.107.663</u>	<u>6.316.376</u>	<u>5,35</u>
<i>Cộng:</i>			
Cho vay bằng vốn ODA	5.545.323		
Cho vay ủy thác được đánh giá là có rủi ro thấp và Ngân hàng đã thu hồi đầy đủ ngay sau thời điểm cuối năm	4.980.570		
	<u>128.633.556</u>		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

Các khoản cho vay tại thời điểm 31 thng 12 năm 2006 được phân loại như sau:

<i>Phân loại rủi ro</i>	<i>Số dư nợ gốc triệu VND</i>	<i>Mức dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng trên dư nợ %</i>
Nợ Đủ tiêu chuẩn	48.707.773	-	-
Nợ Cần chú ý	32.325.209	2.060.098	6,37
Nợ Dưới tiêu chuẩn	6.184.934	1.134.695	18,35
Nợ Nghi ngờ	328.602	76.429	23,26
Nợ Không thu hồi được	2.064.594	1.849.696	89,59
	89.611.112 (*)	5.120.918	5,71

(*): Tổng dư nợ được trình bày không bao gồm các khoản cho vay khác là 1.513.150 triệu VND, khoản cho vay ODA là 4.883.737 triệu VND, cho vay kế hoạch, chỉ định là 3.164.532 triệu VND và khoản nợ khoanh là 9.876 triệu VND.

4.2. Dự phòng rủi ro tín dụng theo VAS

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2007 bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung triệu VND</i>	<i>Tổng cộng triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	1.142.239	286.259	1.428.498
Số tiền đã trích trong năm	2.626.606	686.427	3.313.033
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(48.335)	-	(48.335)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(1.158.033)	-	(1.158.033)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	2.562.477	972.686	3.535.163
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(684.132)	-	(684.132)
	1.878.345	972.686	2.851.031

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm 2006 bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung triệu VND</i>	<i>Tổng cộng triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	2.572.914	111.893	2.684.807
Số tiền đã trích trong năm	1.884.285	174.366	2.058.651
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(136.017)	-	(136.017)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(2.595.185)	-	(2.595.185)
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	1.725.997	286.259	2.012.256
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(583.758)	-	(583.758)
	1.142.239	286.259	1.428.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo Quyết định 493, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493 và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay (*) triệu VND	Cam kết ngoại bảng triệu VND	Dự phòng cụ thể triệu VND	Dự phòng chung triệu VND	Tổng số dự phòng triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	84.424.361	54.591.749	-	1.042.622	1.042.622
Nợ cần chú ý	27.943.018	247.394	940.074	211.428	1.151.502
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.524.845	52.551	455.297	26.830	482.127
Nợ nghi ngờ	226.849	35.067	67.019	1.964	68.983
Nợ có khả năng mất vốn	1.920.377	45.065	1.100.087	-	1.100.087
	118.039.450	54.971.826	2.562.477	1.282.844	3.845.321

(*): số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2007

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 như sau:

Dự phòng rủi ro tín dụng	Dự phòng cụ thể triệu VND	Dự phòng chung triệu VND	Tổng số dự phòng triệu VND
Theo Quyết định 493	2.562.477	1.282.844	3.845.321
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	2.562.477	972.686	3.535.163
Số dự phòng chưa hạch toán đủ	-	310.158	310.158

Trong 2007, Ngân hàng đã trích đủ dự phòng cụ thể nhưng chưa trích đủ dự phòng chung theo yêu cầu của Quyết định 493. Số dự phòng chung chưa hạch toán đủ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 là 320.346 triệu VND. Tuy nhiên, Điều 9 của Quyết định 493 cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5 năm 2005). Ngân hàng đã trình cho Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính kế hoạch trích lập đầy đủ dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo Quyết định 493 trong 3 năm kể từ năm 2005 đến tháng 12 năm 2007.

5. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, GÓP VỐN LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	2007 triệu VND	2006 triệu VND
Các khoản đầu tư vào các công ty con, theo giá gốc	1.635.000	780.000
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, theo giá gốc	148.000	20.000
Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, theo giá gốc	600.493	436.242
	2.383.493	1.236.242



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

5.1 Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 31 tháng 12

	Lĩnh vực kinh doanh	2007		2006	
		Giá gốc triệu VND	% sở hữu của BIDV	Giá gốc triệu VND	% sở hữu của BIDV
Công ty Cho thuê Tài chính I BIDV	Tài chính, ngân hàng	200.000	100	200.000	100
Công ty Cho thuê Tài chính II BIDV	Tài chính, ngân hàng	150.000	100	150.000	100
Công ty Chứng khoán BIDV	Thị trường vốn	700.000	100	200.000	100
Công ty Quản lý và Khai thác Tài sản BIDV	Tài chính, ngân hàng	30.000	100	30.000	100
Công ty Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	500.000	100	200.000	100
Công ty Đầu tư Tài chính BIDV	Tài chính, ngân hàng	55.000	31	-	-
		1.635.000		780.000	

5.2 Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại 31 tháng 12

	2007			2006		
	Giá gốc triệu VND	Giá trị hiện tại triệu VND	% sở hữu của BIDV	Giá gốc triệu VND	Giá trị hiện tại triệu VND	% sở hữu của BIDV
Công ty Chuyển mạch Tài chính Quốc gia	20.000	20.000	21,20	20.000	20.000	21,20
Công ty cổ phần cho thuê máy bay (*)	128.000	128.000	20,00	-	-	-
	148.000	148.000		20.000	20.000	

(*): Công ty mới thành lập vào tháng 10 năm 2007 và chưa tiến hành các hoạt động thương mại.

5.3 Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại 31 tháng 12

	2007			2006		
	Giá gốc đô la Mỹ	Giá gốc triệu VND quy đổi	% sở hữu của BIDV	Giá gốc đô la Mỹ	Giá gốc triệu VND quy đổi	% sở hữu của BIDV
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng						
Ngân hàng Liên doanh VID Public	10.000.000	122.050	50	10.000.000	122.050	50
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt	7.500.000	109.280	50	7.500.000	109.280	50
Ngân hàng Liên doanh Việt -Nga	15.300.000	246.136	51	5.100.000	81.885	51
Đầu tư vào các công ty khác						
Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV – Việt Nam Partners	500.000	7.938	50	500.000	7.938	50
Công ty Liên doanh Tháp BIDV	7.206.100	115.089	55	7.206.100	115.089	55
		600.493			436.242	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

6. TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁCH HÀNG

6.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>	43.195.445	29.739.260
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	36.505.907	24.891.148
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	632.613	414.953
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	6.026.882	4.412.757
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	30.043	20.402
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	90.215.323	75.047.014
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	40.031.836	29.500.060
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	34.706.867	32.529.208
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.653.329	1.223.520
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	11.823.291	11.794.226
<i>Tiền gửi vốn chuyên dụng</i>	2.566.607	2.231.360
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	2.247.974	1.744.786
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	318.633	486.574
	135.977.375	107.017.634

6.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
<i>Tiền gửi của TCKT</i>	75.959.975	50.672.411
- Doanh nghiệp quốc doanh	55.901.350	40.386.454
- DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	14.708.374	6.249.688
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	5.350.251	4.036.269
<i>Tiền gửi của cá nhân</i>	52.003.541	51.752.117
<i>Tiền gửi của các đối tượng khác</i>	8.013.859	4.593.106
	135.977.375	107.017.634

7. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	11.900.923	8.967.306
Thu nhập lãi tiền gửi	1.655.508	990.548
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính sẵn sàng để bán	1.494.615	883.958
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính giữ đến ngày đáo hạn	170.598	109.932
Thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh	3.167	40.092
	15.224.811	10.991.836



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NGÂN HÀNG THEO IFRS (tiếp theo)

8. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Trả lãi tiền gửi	8.436.014	5.632.023
Trả lãi tiền vay	374.762	418.168
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	832.881	607.577
Trả lãi tiền thuê tài chính	53.665	58.456
Chi phí hoạt động tín dụng khác	909.768	887.206
	10.607.090	7.603.430

9. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2007	2006
	triệu VND	triệu VND
Thu phí dịch vụ từ:		
Hoạt động thanh toán	323.580	226.377
Hoạt động bảo lãnh	283.931	181.696
Hoạt động ngân quỹ	17.036	9.576
Dịch vụ đại lý	11.211	9.942
Dịch vụ khác	74.138	27.979
	709.896	455.570
Chi phí dịch vụ liên quan đến:		
Hoạt động thanh toán	(22.927)	(12.197)
Hoạt động ngân quỹ	(34.480)	(24.021)
Bưu điện, viễn thông	(22.005)	(15.487)
Dịch vụ đại lý	(2.125)	(1.494)
Dịch vụ khác	(7.268)	(13.732)
	(88.805)	(66.931)
Thu nhập thuần từ phí dịch vụ	621.091	388.639

Số tham chiếu: 21121/21107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
các báo cáo tài chính của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đi kèm (sau đây được gọi tắt là “báo cáo tài chính”) cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 74. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.
Michael Yu Lim
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0629/KTV



Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 2 năm 2008





ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

HỘI SỞ CHÍNH

Vincom City Towers

Tháp A, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Văn phòng tại Hội sở chính

Tháp A, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel: (04) 2200 422
Fax: (04) 2200 399
<http://www.bidv.com.vn>

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

388 Cao Thắng (nổi dài), phường 12, quận 10, TP HCM
Tel: (08) 8680 624
Fax: (08) 8334 396

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

40 - 42 Hùng Vương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: (0511) 3843 979
Fax: (0511) 3843 978

KHỐI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐỐI NGOẠI TẠI HỘI SỞ CHÍNH

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Ban Kinh doanh đối ngoại	Tầng 15, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 500
Ban Nguồn vốn kinh doanh - tiền tệ	Tầng 17, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 550
Ban Dịch vụ	Tầng 20, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 522
Ban Tín dụng	Tầng 14, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 411
Ban Thương hiệu và Quan hệ công chúng	Tầng 21, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2225 316



CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Đại diện BIDV tại Thành phố Hồ Chí Minh	388 Cao Thắng (nối dài), phường 12, quận 10, TP HCM ĐT: (08) 8680624
Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC)	Tầng 20, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 9745 924
Chi nhánh Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản TP Hồ Chí Minh	Lầu 9, Cao Ốc 146, Nguyễn Công Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh ĐT: (08) 9143 312
Công ty Chứng khoán đầu tư	Tầng 10, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 668
Chi nhánh Công ty chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 9, Cao Ốc 146, Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh ĐT: (08) 8218 885
Công ty Cho thuê tài chính	Tầng 12, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 599
Công ty Cho thuê tài chính II	Tầng 6, Cao ốc 146, Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh ĐT: (08) 8217 992
Trung tâm Đào tạo	Số 773, Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (04) 9320 933
Trung tâm Công nghệ thông tin	38 Hàng Vôi, Hà Nội ĐT: (04) 9345 191
Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN	Tầng 10, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2200 282
Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN, Chi nhánh TP HCM	Lầu 7, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. HCM ĐT: (08) 9105 869
Công ty Bảo hiểm, Văn phòng Đại diện Đà Nẵng	Tầng 4, 90 Nguyễn Chí Thanh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: (0511) 865803
Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN, Văn phòng Đại diện Hải Phòng	20 Bến Bính, TP Hải Phòng ĐT: (031) 747373



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

Đơn vị

Địa chỉ

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Nghệ An**

216 Lê Duẩn, Thành phố Vinh, Nghệ An
ĐT: (038) 359 2887

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Bình Định**

72 Lê Duẩn, Thành phố Quy Nhơn
ĐT: (056) 520 080

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Tây Nguyên**

41 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Buôn Mê Thuột
ĐT: (050) 957 351

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Đồng Nai**

Lô F, khu phố 1, Phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa
ĐT: (061) 383 6191

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu**

72 A Trần Hưng Đạo, Thành phố Vũng Tàu
ĐT: (064) 253 218

**Công ty Bảo hiểm NHĐT&PTVN,
Chi nhánh Cần Thơ**

29-31 Châu Văn Liêm, Thành phố Cần Thơ
ĐT: (071) 816 367

**Công ty Cổ phần Đầu tư Công đoàn
BIDV**

Tầng 18, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (04) 2200405

CÁC LIÊN DOANH

Đơn vị

Địa chỉ

Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt

44 Lanexang, Viêng Chăn, CHDCND Lào
ĐT: (856) 21 25 1414

**Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt,
Chi nhánh Hà Nội**

17B Hàn Thuyên, Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (04) 9721 531

**Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt,
Chi nhánh Champasak**

13 Banphonxay, Pakse, Champasak, CHDCND Lào
ĐT: (856) 31 25 1470

**Ngân hàng Liên doanh Lào-Việt,
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

181 Hai Bà Trưng, Q1, TP Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 8247 218

Ngân hàng Liên doanh VID-Public

Tầng 7, Tòa nhà Prime Center, 53 Quang Trung, Hà Nội
ĐT: (04) 9438 999

**Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Sở giao dịch Hà Nội**

Tầng trệt, Tòa nhà Tung Shing, Số 2 Ngô Quyền, Hà Nội
ĐT: (04) 8268 307

**Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh Hải Phòng**

56 Điện Biên Phủ, TP Hải Phòng
ĐT: (031) 823 997

**Ngân hàng Liên doanh VID-Public,
Chi nhánh Đà Nẵng**

2 Đường Trần Phú, TP Đà Nẵng
ĐT: (0511) 826 801



<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Ngân hàng Liên doanh VID-Public, Chi nhánh Bình Dương	Đường DT743, KCN Sóng Thần 2, Huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương ĐT: (0650) 728 051
Ngân hàng Liên doanh VID-Public, Chi nhánh TP HCM	15A Bến Chương Dương, Q1, TP HCM ĐT: (08) 8223 583
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga	85 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (04) 9426 668
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga, Chi nhánh Vũng Tàu	72A Trần Hưng Đạo, TP Vũng Tàu ĐT: (064) 512 747

MỘT SỐ CÔNG TY BIDV THAM GIA GÓP VỐN

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Công ty Liên doanh Tháp NHĐT&PTVN	Tầng 12, Tháp A, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội ĐT: (04) 2200 554
Công ty Quản lý Đầu tư BIDV - VietnamPartner (BVIM)	Tầng 12, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2225 333
Công ty Cổ Phần cho thuê máy bay Việt Nam (VALC)	Tầng 7, Tòa nhà Bắc Á, Số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội ĐT: (04) 5772 225
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính (BFI)	Tầng 8, Tòa nhà Bắc Á, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội ĐT: (04) 2206 660
Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Công nghiệp và Năng lượng (VNEC)	Rubby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Hà Nội ĐT: (04) 2206 659

CÁC CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Sở giao dịch I	Tầng 7-9, Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 2234 234
Sở giao dịch III	Tòa nhà VIT, 519 Kim Mã, Hà Nội ĐT: (04) 2208 222
BIDV Quang Trung	Toà Nhà Chingfong, 53 Quang Trung, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 9433 033



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
BIDV Hà Nội	Tòa nhà Kinh Đô, số 93 Lò Đúc, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội ĐT: (04) 9725 577
BIDV Nam Hà Nội	1281 Đường Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, Hà Nội ĐT: (04) 6422 878
BIDV Đông Anh	Tổ 3 Khối 1 Thị Trấn Đông Anh, H. Đông Anh, Hà Nội ĐT: (04) 8838 568
BIDV Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Huyện Từ Liêm, Hà Nội ĐT: (04) 7544 965
BIDV Bắc Hà Nội	137A Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, Hà Nội ĐT: (04) 2207 996
BIDV Thành Đô	463 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Hà Nội ĐT: (04) 8757 952
BIDV Hà Thành	34 Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (04) 9362 086
BIDV Đông Đô	14 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội ĐT: (04) 7723 046
BIDV Cầu Giấy	Tòa tháp Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Q Cầu Giấy, Hà Nội ĐT: (04) 7556 910

CÁC CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Sở Giao Dịch II	11 Bến Chương Dương, Quận 1. TPHCM ĐT: (08) 8214 929
BIDV Gia Định	127 Đinh Tiên Hoàng, P 3, Quận Bình Thạnh, Tp HCM ĐT: (08) 5101 791
BIDV Tp.HCM	134 Nguyễn Công Trứ, Q1, TP HCM ĐT: (08) 9142 550
BIDV Bắc Sài Gòn	354A Cộng Hoà, P 13, Quận Tân Bình, TP HCM ĐT: (08) 8107 511
BIDV Đông Sài Gòn	33 Nguyễn Văn Bá, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức, Tp HCM ĐT: (08) 7221 118
BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa	12-14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, Tp Hồ Chí Minh ĐT: (08) 8218 812
BIDV Sài Gòn	503-505 Nguyễn Trãi, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh ĐT: (08) 9509 181
BIDV Tây Sài Gòn	Lô 2-4-6, đường C, Khu CN Tân Tạo, Bình Chánh, Tp HCM ĐT: (08) 7505 378



CÁC CHI NHÁNH TRÊN TOÀN QUỐC

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
BIDV Hà Tây	197 Quang Trung, TP.Hà Đông, Hà Tây ĐT: (034) 821 137
BIDV Sơn Tây	191 Đường Lê Lợi, TP Sơn Tây, Hà Tây ĐT: (034) 833 775
BIDV Vĩnh Phúc	Số 8 Đường Kim Ngọc, Phường Ngô Quyền, Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc ĐT: (0211) 862 684
BIDV Phúc Yên	Đường Hùng Vương, P. Hùng Vương, TX Phúc Yên, Vĩnh Phúc ĐT: (0211) 869 876
BIDV Bắc Ninh	Số 1 Nguyễn Đăng Đạo, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh ĐT: (0241) 822 720
BIDV Từ Sơn	1A Minh Khai, Thị trấn Từ Sơn, H. Từ Sơn, Bắc Ninh ĐT: (0241) 260 161
BIDV Hải Dương	2 Lê Thanh Nghị, Tp Hải Dương, Hải Dương ĐT: (0320) 210 876
BIDV Bắc Hải Dương	206 Nguyễn Trãi 2, Thị trấn Sao Đỏ, H.Chí Linh, Hải Dương ĐT: (0320) 883 441
BIDV Hưng Yên	Đường 39, Km1, Xã Nghĩa Hiệp, Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên ĐT: (0321) 972 516
BIDV Hải Phòng	68-70 Điện Biên Phủ, Tp Hải Phòng ĐT: (031) 3841 475
BIDV Quảng Ninh	737 Lê Thánh Tông, Tp Hạ Long, Quảng Ninh ĐT: (033) 825 502
BIDV Tây Nam Quảng Ninh	430 Quang Trung, Thị xã Uông Bí, Quảng Ninh ĐT: (033) 663 327
BIDV Móng Cái	Đường Hùng Vương, Thị xã Móng Cái, Quảng Ninh ĐT: (033) 388 150
BIDV Thái Bình	80D Đ. Lý Thường Kiệt - Lê Hồng Phong, Tp Thái Bình, Thái Bình ĐT: (036) 731 210
BIDV Hà Nam	210 Đ. Lê Hoàn, Thị xã Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam ĐT: (0351) 852 763
BIDV Nam Định	92C Đường Hùng Vương, TP Nam Định, Nam Định ĐT: (0350) 648 634
BIDV Ninh Bình	Đường Lê Hồng Phong, Thị xã Ninh Bình, Ninh Bình ĐT: (030) 871 429
BIDV Thanh Hoá	7 Đường Phan Chu Trinh, TP.Thanh Hoá, Thanh Hoá ĐT: (037) 852 680



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
BIDV Bim Sơn	117 Trần Phú, Phường Ba Đình, TX Bim Sơn, Thanh Hoá ĐT: (037) 767 752
BIDV Nghệ An	216 Đường Lê Duẩn, Thành Phố Vinh, Nghệ An ĐT: (038) 3592 843
BIDV Phủ Quỳ	Số 6 đường số 15, Thị trấn Thái Hoà, H. Nghĩa Đàn Nghệ An ĐT: (038) 3961 853
BIDV Bắc Nghệ An	Thị trấn Hoàng Mai, Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An ĐT: (038) 3668 236
BIDV Tây Nghệ An	Khối 7, Thị trấn Đô Lương, Huyện Đô Lương, Nghệ An ĐT: (038) 3871 309
BIDV Hà Tĩnh	88 Đường Phan Đình Phùng, P.Tân Giang, TP.Hà Tĩnh, Hà Tĩnh ĐT: (039) 855 587
BIDV Quảng Bình	Số 189, Đường Hữu Nghị, P.Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình ĐT: (052) 824 607
BIDV Bắc Quảng Bình	Khu phố 4, Thị trấn Ba Đồn, H.Quảng Trạch,Quảng Bình ĐT: (052) 512 448
BIDV Quảng Trị	24 Hùng Vương, Thị xã Đông Hà, Quảng Trị ĐT: (053) 850 841
BIDV Thừa Thiên Huế	35 Đường Bến Nghé, Tp Huế, Thừa Thiên Huế ĐT: (054) 825 068
BIDV Đà Nẵng	90 Nguyễn Chí Thanh, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng ĐT: (0511) 825 668
BIDV Hải Vân	339 Nguyễn Lương Bằng, P.Hoà Khánh Bắc, Q.Liên Triều, TP Đà Nẵng ĐT: (0511) 731 750
BIDV Quảng Nam	4 Phan Bội Châu, TP.Tam Kỳ, Quảng Nam ĐT: (0510) 859188
BIDV Quảng Ngãi	56 Đại Lộ Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, Quảng Ngãi ĐT: (055) 827 501
BIDV Bình Định	72 Lê Duẩn, Tp Quy Nhơn, Bình Định ĐT: (056) 520 067
BIDV Phú Tài	Km1230 Quốc Lộ 1A, KCN Phú Tài, Tp Quy Nhơn, Bình Định ĐT: (056) 741 103
BIDV Phú Yên	287 Nguyễn Huệ, Tp Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên ĐT: (057) 822 343



Đơn vị	Địa chỉ
BIDV Khánh Hoà	45-47 Đường Thống Nhất, Thành Phố Nha Trang, Khánh Hoà ĐT: (058) 823 495
BIDV Ninh Thuận	138 Đường 21 tháng 8, Phước Mỹ, TX. Phan Rang, Ninh Thuận ĐT: (068) 825 550
BIDV Bình Thuận	286A Trần Hưng Đạo, Tp Phan Thiết, Bình Thuận ĐT: (062) 821 058
BIDV Bắc Giang	Nguyễn Gia Thiều, Phường Trần Phú, Tp Bắc Giang ĐT: (0240) 824 654
BIDV Cao Bằng	46 Phố Xuân Trường, P. Hợp Giang, TX Cao Bằng, Cao Bằng ĐT: (026) 852 978
BIDV Điện Biên	Phố 3, Phường Mường Thanh, Tp Điện Biên, Điện Biên ĐT: (023) 825 714
BIDV Hà Giang	Tổ 19 Phường Nguyễn Trãi, Thị xã Hà Giang, Hà Giang ĐT: (019) 867 201
BIDV Hoà Bình	Trần Hưng Đạo, P.Phương Lâm, TX. Hoà Bình, Hoà Bình ĐT: (018) 854 852
BIDV Lai Châu	Phố Phong Châu 2, Thị xã Lai Châu, Lai Châu ĐT: (0123) 876 998
BIDV Lạng Sơn	Số 1, Đường Hoàng Văn Thụ, P.Chi Lăng, TP Lạng Sơn ĐT: (025) 812 063
BIDV Lào Cai	Đường Hoàng Sào, Thị xã Lào Cai, Lào Cai ĐT: (020) 820 009
BIDV Phú Thọ	1167 Đường Hùng Vương, Phường Tiên Cát, TP Việt Trì, Phú Thọ ĐT: (0210) 846 582
BIDV Sơn La	188 Đường Tô Hiệu, Thị xã Sơn La, Sơn La ĐT: (022) 852 276
BIDV Bắc Kạn	Phường Chí Kiên, Thị xã Bắc Kạn, Bắc Kạn ĐT: (0281) 878 387
BIDV Thái Nguyên	Tổ 27 đường Lương Ngọc Quyến, P. Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên. ĐT: (0280) 855 247
BIDV Tuyên Quang	Bình Thuận, P.Minh Xuân, Tp Tuyên Quang, Tuyên Quang ĐT: (027) 822 453
BIDV Yên Bái	Phường Hồng Hà, Tp Yên Bái, Yên Bái ĐT: (029) 862 204



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC

<i>Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
BIDV Kon Tum	Số 1A Trần Phú , Thị xã Kon Tum, KonTum ĐT: (060) 869 080
BIDV Lâm Đồng	30 Trần Phú, Thành Phố Đà Lạt, Lâm Đồng ĐT: (063) 821 171
BIDV Bảo Lộc	52 Lê Thị Pha, Thị trấn Bảo Lộc, Lâm Đồng ĐT: (063) 866 802
BIDV Đắk Lắk	17 Nguyễn Tất Thành, Tp Buôn Mê Thuật, Đắk Lắk ĐT: (050) 952 756
BIDV Đông Đắklăk	Km52, QL 26, Thị trấn EaKar, Huyện Eaka, Đắk Lắk ĐT: (050) 626 692
BIDV Bắc Đắklăk	174 Đ. Hùng Vương, QL 14, Thị trấn Buôn Hồ, Huyện KrongBuk, Đắk Lắk ĐT: (050) 570 727
BIDV Đắc Nông	Đường 23/3 TX. Gia Nghĩa, Đắc Nông ĐT: (050) 544 127
BIDV Bình Phước	Quốc lộ 14, Phường Tân Bình, TX Đồng Xoài, Bình Phước ĐT: (0651) 870 014
BIDV Gia Lai	112 Lê Lợi, Phường Hoa Lư, Tp Pleiku, Gia Lai ĐT: (059) 823 635
BIDV An Giang	49-51-53 Nguyễn Huệ B, TP Long Xuyên, Tỉnh An Giang ĐT: (076) 840 018
BIDV Châu Đốc	7-9 Nguyễn Hữu Cảnh, Thị xã Trà Đốc, Tỉnh An Giang ĐT: (076) 564 656
BIDV Bạc Liêu	B42-B44 TT TM Bạc Liêu, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Bạc Liêu ĐT: (0781) 823 816
BIDV Bến Tre	21 Đại Lộ Đồng Khởi, Phường 3, TX Bến Tre, Bến Tre ĐT: (075) 826 084
BIDV Cà Mau	53 Đê Thám, Phường 2, Thành Phố Cà Mau, Cà Mau ĐT: (0780) 832 089
BIDV Cần Thơ	12 Đường Hoà Bình, Thành Phố Cần Thơ, Cần Thơ ĐT: (071) 822 541
BIDV Đồng Tháp	12A Đường 30/4, Phường 1, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp ĐT: (067) 854 454
BIDV Hậu Giang	Số 45 Ấp Phú Lợi, Xã Tân Phú Thạnh, Châu Thành A, Hậu Giang ĐT: (0711) 878 677



Đơn vị	Địa chỉ
BIDV Kiên Giang	205 Nguyễn Trung Trực, P Vĩnh Bảo, Thị xã Rạch Giá, Kiên Giang ĐT: (077) 872 069
BIDV Sóc Trăng	40 Nguyễn Du, Phường 9, Thị xã Sóc Trăng, Sóc Trăng ĐT: (079) 615 445
BIDV Trà Vinh	24-26 Phạm Thái Bường, Phường 3, Thị xã Trà Vinh, Trà Vinh ĐT: (074) 856 627
BIDV Vĩnh Long	50 Nguyễn Huệ, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long ĐT: (070) 820 541
BIDV Bà Rịa - Vũng Tàu	24 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Vũng Tàu, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (064) 852 266
BIDV Bà Rịa	20-22 Lê Quý Đôn- P. Phước Hiệp- thị xã Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (064) 716 486
BIDV Phú Mỹ	132/2 quốc lộ 51, Mỹ Xuân, H.Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (064) 931 718
BIDV Bình Dương	37 Yersin, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương ĐT: (0650) 822 423
BIDV Nam Bình Dương	Đường số 3, KCN Việt Nam Singapore, Huyện Thuận An, Bình Dương ĐT: (0650) 756 172
BIDV Đồng Nai	7 Bùi Văn Hoà, Thành Phố Biên Hoà, Đồng Nai ĐT: (061) 842 729
BIDV Đông Đồng Nai	Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Đồng Nai ĐT: (061) 546 603
BIDV Tây Ninh	230 Đường 30/4, Thị Xã Tây Ninh, Tây Ninh ĐT: (066) 8221 256
BIDV Long An	140 Hùng Vương, Phường 2, Thị xã Tân An, Long An ĐT: (072) 836 392
BIDV Tiền Giang	208A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 1, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang ĐT: (073) 877 559





CHIA SẺ CƠ HỘI

HỢP TÁC THÀNH CÔNG





BIDV

